TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Digitally signed by TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
Date: 2022.04.13 15:55:00 +07'00'

DẤU ẤN TIÊN PHONG

Báo Cáo Thường Niên **2021**

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

04

Thông điệp của Ban Lãnh đạo

Dấu ấn 2021

Giải thưởng, Sự kiện tiêu biểu 2021

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

16

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Quá trình hình thành và phát triển

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý - Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Định hướng phát triển

Các rủi ro

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

54

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính - Thông tin giao dịch cổ phiếu POW

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

76

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

94

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

110

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

122

THÔNG ĐIỆP BAN LÃNH ĐẠO

Kính gửi Quý Cổ đông, Đối tác và Quý Khách hàng,

Năm 2021 là một năm với nhiều khó khăn và thách thức đối với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power), nhu cầu phụ tải điện trên toàn hệ thống sụt giảm mạnh; Qc của các nhà máy điện đang tham gia thị trường thuộc PV Power được giao rất thấp; Giá dầu thô thế giới biến động tăng cao, làm tăng giá khí dẫn tới tăng giá thành các Nhà máy điện khí của Tổng công ty; Tổ máy số 1 của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng gặp sự cố.

Liên tiếp các khó khăn chồng chất nhưng PV Power đã quyết tâm, nỗ lực hết mình cán đích, vượt kế hoạch những chỉ tiêu rất quan trọng trong năm 2021.

Cụ thể, lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty đạt 2.339 tỷ đồng, đạt 151% kế hoạch năm 2021. Nộp ngân sách Nhà nước đạt 1.346 tỷ đồng, bằng 102% kế hoạch năm 2021. Kết quả đó là minh chứng cho sự nỗ lực và các giải pháp ứng phó linh hoạt của tập thể Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên. Đặc biệt, ngày 29/10/2021, Nhà máy Điện Cà Mau chạm mốc phát điện lũy kế 100 tỷ kWh điện, đây là mốc son đánh dấu thành tích của PV Power Cà Mau sau 13 năm đi vào vận hành và cùng thắp sáng tương lai của PV Power.

Vào tháng 11 năm 2021, dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đã chính thức được khởi động bằng việc khởi công san lấp mặt bằng. Đây là nhà máy điện sử dụng khí LNG đầu tiên và có quy mô lớn nhất Việt Nam, cũng là dự án điện khí đầu tiên tại Việt Nam do chủ đầu tư tự tìm kiếm, thu xếp vốn, không có bảo lãnh của Chính phủ.

Cũng trong năm 2021, dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh - nhà máy điện sử dụng khí LNG nhập khẩu đầu tiên của miền Bắc, đã khởi động với việc được trao giấy chứng nhận đầu tư từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Trong đó PV Power là một bên tham gia dự án.

Khẳng định vị thế doanh nghiệp sản xuất và phân phối điện hàng đầu, PV Power ghi dấu ấn tiên phong với việc đạt xếp hạng tín nhiệm quốc tế lần đầu ở mức BB triển vọng tích cực do Fitch Ratings thực hiện. Cùng với đó, năm 2021 là năm thứ 3 liên tiếp PV Power lọt Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất do Tạp chí Forbes bình chọn và top 100 doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam do Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam bình chọn.

Kính thưa Quý cổ đông,

Những kết quả đạt được của năm 2021 sẽ là tiền đề, là kinh nghiệm quý báu để PV Power tự tin bước vào năm 2022. Được xác định là một năm có rất nhiều khó khăn và thách thức, năm 2022 PV Power phải dừng máy để đại tu tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Cà Mau, Nhà máy Thủy điện Đakđrinh. Nhưng với kinh nghiệm và nỗ lực của mình, PV Power tự tin đặt mục tiêu và kế hoạch dự kiến:

- Tổng sản lượng điện đạt 13,9 tỷ kWh, tổng doanh thu đạt 24.242 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty đạt 865 tỷ đồng.
- Quản lý vận hành sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện đảm bảo thiết bị khả dụng cao, huy động tối đa công suất, an toàn, hiệu quả các nhà máy điện và quyền lợi của cổ đông.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; Tham gia góp vốn và triển khai công tác chuẩn bị thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Tuabin khí hỗn hợp Quảng Ninh; Nghiên cứu, triển khai các dự án điện Năng lượng tái tạo hiệu quả.
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác điều hành, công tác quản trị; triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh và chăm lo đời sống cho người lao động.

Bước sang năm 2022, PV Power tròn 15 tuổi. Đó là một chặng đường vinh quang của Tổng công ty, 15 năm xây dựng và trưởng thành, 15 năm hội tụ và tỏa sáng, khẳng định vị thế một ngành sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước. Chúng tôi tin rằng với kinh nghiệm, cùng sự chuẩn bị chu đáo, sự nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, PV Power sẽ hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông tin tưởng giao phó, góp phần cùng Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam đảm nhiệm trọng trách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông, Đối tác và Khách hàng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	TỔNG GIÁM ĐỐC
HỒ CÔNG KỲ	LÊ NHƯ LINH

POW

SINH NĂNG LƯỢNG DƯỠNG TƯƠNG LAI

DẤU ẤN 2021

FITCH RATINGS XẾP HẠNG TÍN NHIỆM QUỐC TẾ PV POWER Ở MỨC BB VỚI TRIỂN VỌNG TÍCH CỰC

Ngày 06/05/2021, Tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Fitch Ratings công bố xếp hạng tín nhiệm quốc tế lần đầu đối với PV Power ở mức BB với triển vọng tích cực.

NHÀ MÁY ĐIỆN CÀ MAU 1 VÀ 2 ĐẠT MỐC 100 TỶ KWH ĐIỆN

Vào lúc 2 giờ sáng ngày 29/10/2021, Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 đạt mốc sản lượng 100 tỷ kWh điện, đóng góp nguồn điện quan trọng cho Hệ thống điện Quốc gia và góp phần phát triển kinh tế các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ SÔI ĐỘNG

KHỞI CÔNG SAN LẤP MẶT BẰNG DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN NHƠN TRẠCH 3 VÀ NHƠN TRẠCH 4

Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 sẽ được khởi công vào Quý II năm 2022. Đây là Nhà máy Điện sử dụng khí LNG đầu tiên và có quy mô lớn nhất Việt Nam.

KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN KHÍ LNG QUẢNG NINH

Dự án LNG Quảng Ninh đã chính thức khởi động vào ngày 24-10 bằng việc PV Power và các đối tác liên doanh nhận được giấy chấp thuận đầu tư từ UBND Tỉnh Quảng Ninh. Đây là dự án nhà máy điện sử dụng LNG nhập khẩu đầu tiên của miền Bắc.

TÍCH CỰC TRIỂN KHAI CÔNG TÁC TÌM KIẾM, ĐẦU TƯ TRỤ SỞ VĂN PHÒNG LÀM VIỆC

Tổng công ty đang xem xét, quyết định các nội dung của hợp đồng để ký kết với chủ đầu tư dự án.

NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Đã hoàn thành đầu tư 5 nhà máy điện mặt trời áp mái tại Cà Mau và Bà Rịa - Vũng Tàu, tiếp tục tổ chức nghiên cứu, khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án nghiên cứu điện mặt trời; thuê tư vấn đánh giá hiệu quả các dự án điện khí, điện mặt trời mái nhà; đàm phán chuyển nhượng các dự án điện mặt trời mái nhà.

1 Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất

Trong sự kiện Diễn đàn kinh doanh và Lễ công bố "Top 50 công ty niêm yết tốt nhất" năm 2021 do Forbes Việt Nam tổ chức, PV Power với mã cổ phiếu POW tiếp tục được vinh danh năm thứ 3 liên tiếp.

Sau 3 năm chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE, PV Power đã chứng minh là doanh nghiệp có giá trị, đem lại hiệu quả đầu tư trung và dài hạn cho nhà đầu tư.

2 Top 100 doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam

Năm thứ 2 liên tiếp, PV Power lọt vào Top 100 doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam do Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam bình chọn. Để đạt được danh hiệu này, PV Power phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sàng lọc khắt khe dựa trên Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững (CSI) trong ba lĩnh vực chính là Kinh tế, Môi trường và Xã hội.

3 Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

Ngày 14/01, PV Power được xướng danh trong Lễ công bố Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2021 do Báo VietNamNet – Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp cùng Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) tổ chức. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nằm trong Top 3 doanh nghiệp lớn nhất đất nước. PV Power xếp thứ 43.

1 Khởi công san lấp mặt bằng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

Ngày 23/11/2021, PV Power chính thức khởi công san lấp mặt bằng xây dựng Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Với tổng công suất 1.500 MW và tổng mức đầu tư gần 1,4 tỷ USD, đây là Nhà máy điện sử dụng khí hóa lỏng (LNG) đầu tiên và có quy mô lớn nhất Việt Nam.

Các đại biểu tiến hành lễ khởi công san lấp mặt bằng xây dựng dự án

2 Dự án Nhà máy Điện khí LNG Quảng Ninh chính thức khởi động

Ngày 24/10/2021, nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh chính thức khởi động với việc UBND tỉnh Quảng Ninh trao giấy chấp thuận đầu tư cho tổ hợp nhà đầu tư PV Power - Colavi - Tokyo Gas – Marubeni. Đây là nhà máy điện sử dụng khí LNG nhập khẩu đầu tiên của miền Bắc với tổng công suất 1.500 MW và tổng mức đầu tư dự kiến 2 tỷ USD.

3 Ký kết Hợp đồng mua bán điện của Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2

Ngày 15/12/2021, PV Power và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) ký kết Hợp đồng mua bán điện của Nhà máy điện Cà Mau 1&2 tham gia thị trường điện. Qua đó, PV Power Cà Mau có thể chủ động xây dựng phương án chào giá để phát điện trên thị trường. Đồng thời, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Petrovietnam và PV Power với EVN.

Nghi thức ký kết tại buổi lễ

4 Tăng cường hợp tác cùng Novatek phát triển các dự án điện và năng lượng tại Việt Nam

Ngày 2/12/2021, trong chuyến thăm chính thức Liên Bang Nga, Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc đã có buổi thăm và làm việc với Chủ tịch Tập đoàn Novatek Leonid Mikhelson cùng PV Power và đoàn công tác

Trước đó, ngày 01/12/2021 với sự chứng kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Lê Văn Thành và Phó Thủ tướng Liên Bang Nga Dmitry Chernyshenko, PV Power và Novatek đã ký kết thoả thuận hợp tác về việc phát triển điện và năng lượng tại Việt Nam. Thoả thuận hợp tác lần này khẳng định sự hợp tác bền chặt giữa PV Power và Novatek trong việc cùng nhau phát triển các dự án nhà máy điện sử dụng LNG tại Việt Nam trong tương lai.

5 Ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với Techcombank

Ngày 04/10/2021, Tổng giám đốc PV Power Lê Như Linh và Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) Hồ Hùng Anh đã ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác giữa hai bên. Đây là bước tiến quan trọng trong việc tăng cường hợp tác của hai bên trong tương lai.

Lễ kí kết là minh chứng rõ nét cho sự hợp tác chặt chẽ giữa PV Power và Techcombank

6 95 triệu USD tái cấu trúc Nhà máy thủy điện Đakđrinh

Sáng ngày 14/12/2021, PV Power tổ chức lễ ký kết hợp đồng tín dụng trị giá 95 triệu USD giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh (PV Power DHC), Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB) và Ngân hàng Natixis nhằm tái cấu trúc Nhà máy thủy điện Đakđrinh. Công trình thuỷ điện Đakđrinh là công trình có quy mô lớn nhất trên hệ thống bậc thang thuỷ điện trên lưu vực sông Trà Khúc và là công trình trọng điểm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Đây là khoản vay đầu tiên trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng tại Việt Nam và là khoản vay không có bảo lãnh chính phủ, với những cam kết cao nhất về môi trường và xã hội Trước đó, vào lúc 20h30 ngày 29/11/2021, Công ty CP Thủy điện Đakđrinh (PV Power DHC) đã cán mốc 527 triệu kWh về sản lượng điện, về đích sớm 32 ngày so với kế hoạch năm 2021.

1 Chương trình "Xuân ấm biên cương" tại tỉnh Nghệ An

Ngày 16/1/2021, Chương trình "Xuân ấm Biên cương" do Công an tỉnh Nghệ An cùng Báo Giáo dục và Thời đại với sự phối hợp của PV Power được tổ chức tại xã Ngọc Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Tại chương trình này, PV Power đã trao tặng 200 suất quà, mỗi suất trị giá 1 triệu đồng cho các hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách.

Ông Phan Ngọc Hiền - Phó Tổng giám đốc đại diện cho PV Power trao quà tại chương trình

2 Tài trợ cho công tác phòng chống Covid-19

Ông Phan Ngọc Hiền- Phó Tổng giám đốc đại diện cho PV Power trao tặng xe cứu thương tại Bệnh Viện Phổi TW

Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Tổng công ty đã chung tay quyên góp ủng hộ 5 tỷ đồng vào quỹ Vắc-xin phòng dịch Covid-19 của Chính phủ; 15 tỷ vào quỹ tiêm Covid-19 của Tập đoàn Dầu khí; Hỗ trợ máy thở cho các bệnh viện các tỉnh đang bùng phát dịch Covid-19 với số tiền 12,6 tỷ; Tài trợ 06 xe cứu thương với số tiền 6,86 tỷ; Tài trợ phòng chống dịch Covid-19 tại xã Hiệp Hòa, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương với số tiền 200 triệu.

3 Khánh thành bàn giao 2 công trình An sinh xã hội tại tỉnh Thái Bình

Ngày 12/01/2021, PV Power phối hợp với UBND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tổ chức lễ khánh thành, đưa vào sử dụng 02 công trình An sinh xã hội bao gồm Nhà hiệu bộ Trường tiểu học xã Thái Học - có tổng mức đầu tư hơn 2,2 tỷ đồng trong đó PV Power tài trợ 2 tỷ đồng và Nhà 2 tầng 10 phòng học của trường mầm non xã Thụy Quỳnh - có tổng mức đầu tư gần 9 tỷ đồng trong đó PV Power tài trợ 4 tỷ đồng.

Lãnh đạo các địa phương và Lãnh đạo PV Power thực hiện nghi lễ cắt băng khánh thành

VỊ THẾ SỐ 1

Giữ vững vị thế số 1 trong lĩnh vực điện khí và là nhà sản xuất điện năng hàng đầu Việt Nam. Chủ động, tích cực tham gia phát triển các dự án điện Năng lượng tái tạo đảm bảo hiệu quả và phù hợp với xu thế chuyển đổi năng lượng toàn cầu.

HIỆU QUẢ TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH

CAO VỀ SỨC CẠNH TRANH

MẠNH VỀ TÀI CHÍNH

CHUYÊN NGHIỆP VỀ QUẢN TRỊ

XANH VỀ MÔI TRƯỜNG

PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC DỊCH VỤ

Phát triển các lĩnh vực dịch vụ liên quan đến sản xuất điện bao gồm dịch vụ vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, dịch vụ kỹ thuật điện, dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện,... phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Dịch vụ vận hành
- Bảo dưỡng sửa chữa
- Dịch vụ kỹ thuật điện
- Cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện

CHƯƠNG 01

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát	18
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	19
3. Quá trình hình thành và phát triển	20
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý - Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	23
5. Định hướng phát triển	48
6. Các rủi ro	52

Tên công ty	Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần
Tên tiếng Anh	PETROVIETNAM POWER CORPORATION
Tên viết tắt	PV Power
Vốn điều lệ	23.418.716.000.000 đồng
Giấy chứng nhận ĐKDN số	0102276173
(Đăng ký lần đầu	Ngày 31/5/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 15: Ngày 01/02/2021)
Trụ sở chính	Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	(024) 22210288
Số fax	(024) 22210388
Website	www.pvpower.vn

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng. PV Power đã đầu tư, vận hành các nhà máy điện trong tất cả các lĩnh vực nhiệt điện, thủy điện, điện khí hóa lỏng và điện Năng lượng tái tạo.

Bên cạnh đó, PV Power cũng phát triển các dịch vụ như vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, dịch vụ kỹ thuật điện, cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện… và trở thành doanh nghiệp hàng đầu trên thị trường điện tại Việt Nam.

- Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Quản lý xây dựng và vận hành các nhà máy điện.
- Xuất nhập khẩu năng lượng, nhiên liệu cho sản xuất, kinh doanh điện.
- Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện.
- Đầu tư xây dựng mới các dự án điện độc lập (IPP).
- Thực hiện đầu tư, xây lắp, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh điện.
- Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu.
- Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch.
- Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình.
- Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: điện gió, điện mặt trời, điện nguyên tử.
- Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện.
- Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng.
- Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp, tiêu dùng.
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đấu thầu; Tư vấn quản lý dự án; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Cà Mau.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP tiền thân là Công ty TNHH MTV do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đầu tư 100% vốn điều lệ, được thành lập theo quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17/05/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam). Tổng công ty chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần từ ngày 01/07/2018 (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi ngày 01/07/2018).

Các dấu mốc quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển:

2007 - 2012

17/05/2007: Thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.

03/2008: Khởi công xây dựng nhà máy thủy điện Hủa Na

08/2009: Khánh thành nhà máy điện Nhơn Trạch 1

11/2010: Khởi công xây dựng nhà máy phong điện Phú Quý

01/2011: Khởi công dự án nhà máy Thủy điện Đakđrinh

11/2011: Khánh thành nhà máy điện Nhơn Trạch 2

2013 - 2018

09/2013: Khánh thành nhà máy thủy điện Hủa Na.

12/2015: Bàn giao nhà máy phong điện Phú Quý sang Tổng công ty Điện lực Miền Nam và nhận bàn giao nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

31/01/2018: Bán đấu giá công khai thành công (IPO) 468.374.320 cổ phần (chiếm 20% vốn điều lệ).

01/7/2018: Hoạt động theo hình thức công ty cổ phần.

31/08/2018: Trở thành công ty đại chúng.

2019 - 2021

14/01/2019: Mã cổ phiếu POW chính thức giao dịch trên sàn HOSE.

15/5/2019: Tổ chức cung cấp chỉ số chứng khoán quốc tế MSCI thêm cổ phiếu POW vào rổ MSCI Frontier Markets.

03/02/2020: Cổ phiếu POW chính thức vào danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30.

06/04/2020: PV Power cán mốc 200 tỷ Kwh điện sản xuất và đóng góp cho hệ thống điện quốc gia.

22/06/2020: Thành lập chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật.

21/07/2020: Phê duyệt và triển khai thực hiện đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, công suất 1.500 Mw.

13/08/2020: Thành lập Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí.

19/03/2021: Thoái vốn toàn bộ vốn góp tại PV Machino.

06/05/2021: Tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Fitch Ratings công bố xếp hạng tín nhiệm quốc tế lần đầu đối với PV Power ở mức "BB" với triển vọng tích cực.

24/10/2021: UBND tỉnh Quảng Ninh trao giấy chấp thuận đầu tư Dự án điện khí LNG Quảng Ninh

23/11/2021: Khởi công san lấp mặt bằng xây dựng Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

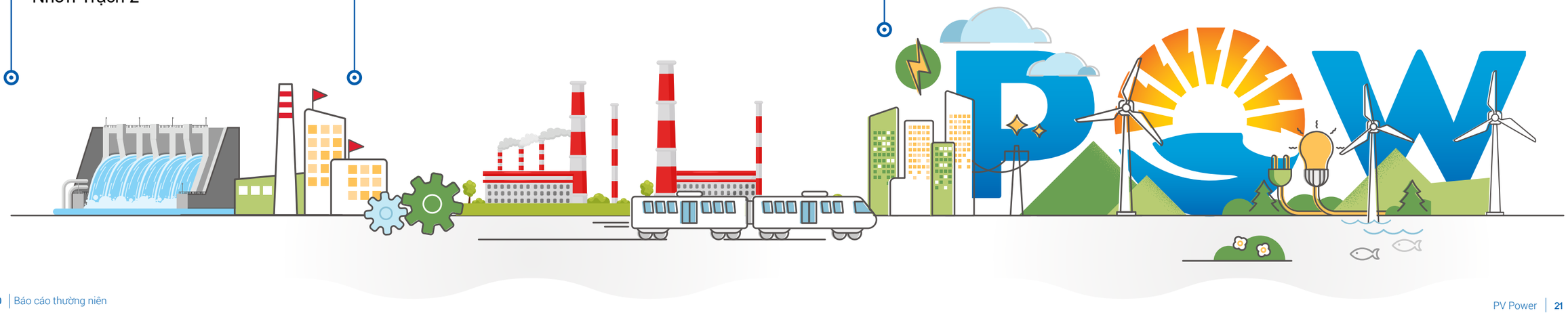

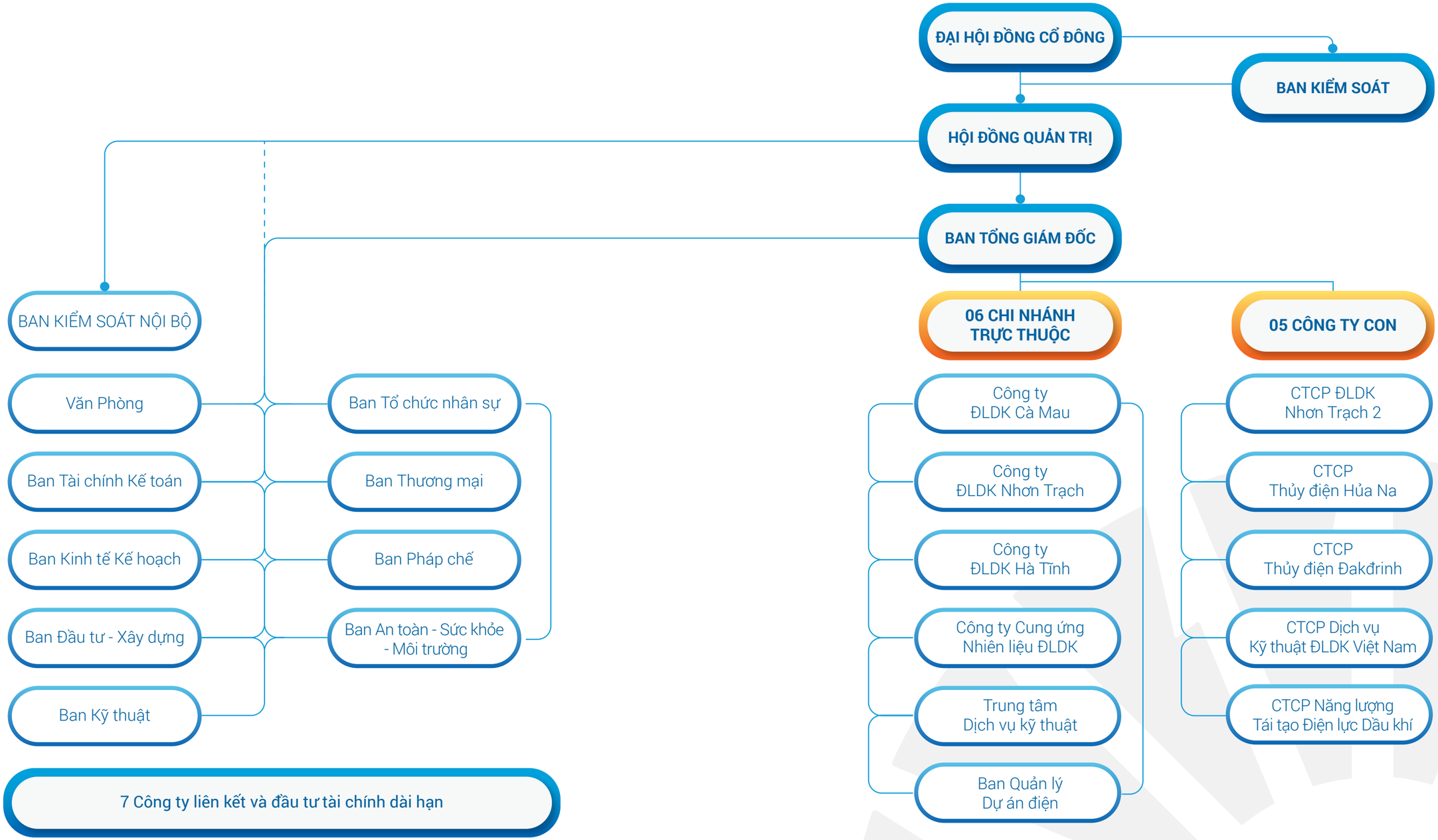

(*) Từ ngày 17 - 19/03/2021, PV Power đã thực hiện thoái toàn bộ vốn góp tại CTCP Máy - Thiết bị Dầu khí

www.pvpower.vn

SINH NĂNG LƯỢNG DƯỠNG TƯƠNG LAI

Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Nhà máy Điện Vũng Áng 1

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH

Địa chỉ: Xóm Hải Phong, Xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh

Mã số chi nhánh: 0102276173-007

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 100%

Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với những thông tin cơ bản sau:

Công suất: 1.200 MW (2x600 MW).
Tổng mức đầu tư: 33.651 tỷ đồng
Năm đi vào vận hành thương mại: 2015

Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch - Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Mã số chi nhánh: 0102276173-003

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 100%

Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 với những thông tin cơ bản sau:
Công suất: 450 MW.

Tổng mức đầu tư: 6.344 tỷ đồng
Năm đi vào vận hành thương mại: 2009.

Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau - Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CÀ MAU

Địa chỉ: Ấp 1, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 0102276173-002

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 100%
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2 với những thông tin cơ bản sau:

Công suất: 1.500 MW (2x750 MW)
Tổng mức đầu tư NMĐ Cà Mau 1: 6.571 tỷ đồng
Tổng mức đầu tư NMĐ Cà Mau 2: 6.153 tỷ đồng
Năm đi vào vận hành thương mại: 2008.

Công ty Cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Dreamland Bonanza, số 23 đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0102276173-006

Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Ban Quản lý Dự án Điện

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN

Địa chỉ: Số 57 - 59, đường B4, phường An Lợi Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số chi nhánh: 0102276173-008

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn quản lý.

Chi tiết: Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện.

Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

Tên đầy đủ: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP - TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0102276173-009

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý vận hành các nhà máy điện; cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phục vụ sản xuất kinh doanh điện.

SINH NĂNG LƯỢNG DƯỠNG TƯƠNG LAI

(*) Từ ngày 17 - 19/03/2021, PV Power đã thực hiện thoái toàn bộ vốn góp tại CTCP Máy - Thiết bị Dầu khí

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Địa chỉ: Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Mã số: 3600897316

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Vốn điều lệ: 2.878.760.290.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 59,37%
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là đơn vị quản lý của Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 2 với những thông tin cơ bản sau:

Công suất: 750 MW.
Tổng mức đầu tư: 11.355 tỷ đồng
Năm đi vào vận hành thương mại: 2011.

Công ty Cổ phần Thuỷ điện Đakđrinh - Nhà máy Thủy điện Đakđrinh

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN ĐAKĐRINH

Địa chỉ: Thôn Ra Nhua, Xã Sơn Tân, Huyện Sơn Tây, Tỉnh Quảng Ngãi

Mã số: 4300350203

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Vốn điều lệ: 1.160.010.550.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 95,3%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Đakđrinh với những thông tin cơ bản sau:

Công suất: 125 MW.
Tổng mức đầu tư: 5.921 tỷ đồng
Năm đi vào vận hành thương mại: 2014.

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na - Nhà máy Thủy điện Hủa Na

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, tòa nhà dầu khí Nghệ An, số 7, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Mã số: 2900797430

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng

Vốn điều lệ: 2.256.592.103.444 đồng

Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 80,72%

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Hủa Na với những thông tin cơ bản sau:

Địa điểm nhà máy: Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An
Công suất: 180MW.
Tổng mức đầu tư: 7.092 tỷ đồng
Năm đi vào vận hành thương mại: 2013

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mã số: 0102560459

Ngành nghề kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống điện, Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 51%

Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số: 0109308963

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và bán điện; Nghiên cứu, đầu tư, phát triển, xây dựng, sở hữu, vận hành, khai thác các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, sinh khối, địa nhiệt và điện rác và các loại hình năng lượng tái tạo khác).

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ của PV Power: 51%

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Danh sách	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	Sản xuất kinh doanh điện năng	1.450.000	20,16%
2	CTCP Năng lượng Sông Hồng	Yên Bái	Khai thác, sản xuất kinh doanh điện	74.625,72	44,07%
3	CTCP Điện Việt Lào	Hà Nội	Sản xuất kinh doanh điện năng	3.565.417	8,64%
4	CTCP EVN Quốc tế	Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh điện năng	336.771	7,85%
5	CTCP Thủy điện Sông Tranh 3	Quảng Nam	Sản xuất kinh doanh điện năng	620.000	5,34%
6	CTCP Cơ điện Dầu khí	Hà Nội	Cơ điện lạnh	10.000	13,51%
7	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cần Thơ	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, các khu nhà ở...	280.000	6,5%

Đoàn công tác PV Power chụp ảnh lưu niệm tại dự án Yamal LNG - Bắc Cực

Ông HỒ CÔNG KỲ

Chủ tịch Hội đồng quản trị PV Power; Trưởng ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (kiêm nhiệm).

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0023%.
Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 24,94%.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
Quá trình công tác:

02/1986 - 12/1992	Nhân viên, Phó phòng, Trưởng Phòng Kế toán tài vụ - Nhà máy đồ hộp xuất khẩu Nghĩa Đàn, Nghệ An;
01/1993 - 02/1994	Thanh tra viên - Thanh tra tỉnh Nghệ An;
03/1994 - 08/1994	Cán bộ Bảo hiểm xã hội - Liên đoàn Lao động tỉnh Nghệ An;
09/1994 - 11/2000	Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án, Phó giám đốc - Công ty Xi măng Nghệ An;
12/2000 - 05/2006	Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Khu liên hợp thể thao Quốc gia Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội;
06/2006 - 02/2007	Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính - Ủy ban Thể dục Thể thao;
03/2007 - 08/2007	Phó Tổng giám đốc - Ban Quản lý các dự án Thủy điện;
05/2007 - 09/2007	Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty CP Thủy điện Hủa Na (kiêm nhiệm);
09/2007 - 01/2008	Tổng giám đốc - Ban Quản lý các dự án Thủy điện;
02/2008 - 07/2008	Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản Dầu Khí;
08/2008 - 02/2009	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam;
03/2009 - 11/2010	Trưởng ban Ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
11/2010 - 05/2013	Chánh Văn phòng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
05/2013 - 12/2014	Chủ tịch Công đoàn Dầu khí Việt Nam;
01/2015 - 06/2018	Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam;
06/2018 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP.
05/2021 - nay	Trưởng Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (kiêm nhiệm).

Ông LÊ NHƯ LINH

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.
Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 20%
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế địa chất, Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí, Tiến sĩ Kinh tế.
Quá trình công tác:

10/1990 - 02/1994	Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất;
03/1994 - 07/2009	Chuyên viên, Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
08/2009 - 03/2010	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí;
04/2010 - 12/2013	Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam;
12/2013 - 12/2018	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP;
12/2018 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ông PHẠM XUÂN TRƯỜNG

Thành viên Hội đồng quản trị PV Power;
Trưởng ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0010%.
Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 10%.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sỹ Kỹ thuật điện
Quá trình công tác:

06/1985 - 09/1985	Học viên sỹ quan dự bị Bộ tư lệnh Phòng không;
12/1985 - 12/1987	Cán bộ Kỹ thuật Chi nhánh điện Kinh Môn - Sở Điện lực Hải Hưng;
01/1988 - 03/1997	Trưởng ca Điều độ, Phó phòng, Phụ trách phòng Phòng Điều độ - Thông tin, Trưởng Trung tâm điều độ - Thông tin, Bí thư đoàn thanh niên - Sở Điện lực Hải Hưng;
04/1997 - 10/2004	Trưởng phòng kỹ thuật - An toàn, Phó Giám đốc - Sở Điện lực Hưng Yên;
11/2004 - 03/2008	Giám đốc Sở Công nghiệp Hưng Yên;
04/2008 - 06/2018	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
06/2018 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP. (Ngày 26/11/2021, HĐQT PV Power đã nhận được Đơn xin miễn nhiệm tư cách Thành viên Hội đồng quản trị của ông Phạm Xuân Trường)
11/2021 - nay	Trưởng ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà NGUYỄN HOÀNG YẾN

Thành viên Hội đồng quản trị.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.
Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 5%.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa học, Tiến sỹ Hóa chuyên ngành Hữu cơ hóa dầu.
Quá trình công tác:

11/1991 - 7/1997	Nghiên cứu sinh, Trợ giảng môn chuyên ngành - Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội;
8/1997 - 8/2001	Phó phòng Quảng cáo Marketing - Báo đầu tư Vietnam Investment Review - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
9/2001 - 3/2005	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật - Ban Chuẩn bị đầu tư công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;
4/2005 - 1/2014	Chuyên viên chính, Phó phòng, Phó Trưởng ban, Trưởng ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
2/2014 - 5/2018	Trưởng ban - Ban Khoa học Công nghệ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
6/2018 - 4/2019	Chuyên viên cao cấp - Văn phòng Hội đồng Thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
4/2019 - 5/2021	Thành viên Độc lập Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
5/2021 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Bà VŨ THỊ TỐ NGA

Thành viên Hội đồng quản trị.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.
Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 10%.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
Quá trình công tác:

8/1993 - 10/2007	Chuyên viên Phòng Thương mại - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam;
11/2007 - 6/2008	Phó phòng/Trưởng phòng Dự báo Thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
8/2008 - 5/2009	Phó ban - Ban Phát triển thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
6/2009 - 9/2010	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
11/2010 – 4/2019	Trưởng Ban Thương mại Thị trường/ Thương mại Dịch vụ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
4/2019 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ông VŨ CHÍ CƯỜNG

Thành viên Độc lập Hội đồng quản trị.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật Xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp, Kỹ sư Xây dựng - ngành Xây dựng Dân dụng Công nghiệp.
Quá trình công tác:

2/2004 - 4/2005	Chỉ huy trưởng Công trình lấn biển Rạch Giá- Kiên Giang - Tổng công ty Xây dựng số 01;
5/2005 - 12/2008	Đội trưởng đội thi công - Tổng công ty ĐTPT hạ tầng đô thị Hà Nội - UDIC;
12/2008 - 10/2010	Chuyên viên Công ty CP đầu tư Xây lắp Dầu khí PVC-IMICO;
10/2010 - 5/2014	Chuyên viên Phòng Xây dựng công trình Công nghiệp, Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
6/2014 - 6/2015	Phó trưởng Phòng Xây dựng công trình Công nghiệp, Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
6/2015 - 12/2016	Phó giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí;
12/2016 - 11/2019	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc - Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí;
11/2019 - 5/2021	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam; Giám đốc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
5/2021 - Nay	Thành viên Độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ông NGUYỄN ANH TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.
Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 10%.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
Quá trình công tác:

11/1999 - 10/2002	Chuyên viên Ban quản lý dự án nhà số 1&5 Lê Duẩn;
10/2002 - 12/2008	Chuyên viên Văn phòng Thẩm định thầu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
12/2008 - 5/2009	Phó trưởng Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
5/2009 - 3/2016	Phó Trưởng Ban Quản lý đấu thầu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
3/2016 - 4/2018	Trưởng Ban Quản lý đấu thầu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
4/2018 - 4/2019	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP;
4/2019 - 11/2020	Trưởng Ban Kinh tế Đầu tư - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
11/2020 - 12/2020	Trợ lý Tổng giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
12/2020 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông LÊ NHƯ LINH

Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 20%

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Kinh tế địa chất, Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí, Tiến sĩ Kinh tế.

Quá trình công tác:

10/1990 - 02/1994	Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất;
03/1994 - 07/2009	Chuyên viên, Phó trưởng Ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
08/2009 - 03/2010	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí;
04/2010 - 12/2013	Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam;
12/2013 - 12/2018	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP;
12/2018 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Bà NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0018%.

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Đô thị, Thạc sĩ Kỹ thuật Quy hoạch đô thị, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

1994 - 2000	Chuyên viên Ban Quản lý dự án thị xã Hà Đông;
2000 - 07/2007	Chuyên viên Phòng dịch vụ tài chính tiền tệ, Chuyên viên Phòng Đầu tư, Phó Phòng phụ trách, Trưởng Phòng Đầu tư - Công ty Tài chính Dầu khí;
07/2007 - 09/2008	Thành viên Ban trù bị thành lập Ngân hàng Thương mại cổ phần Dầu khí - Phụ trách khối Ngân hàng Đầu tư;
09/2008 - 05/2009	Phó Chủ tịch Công đoàn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
05/2009 - 06/2018	Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
06/2018 - nay	Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ông PHAN NGỌC HIỀN

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Đồ họa, Thạc sĩ Tài chính và Kiểm soát.

Quá trình công tác:

06/1999 - 06/2007	Kỹ thuật viên - Trưởng phòng Chế bản Báo Lao động;
06/2007 - 01/2008	Phó trưởng Ban Tổng hợp kiêm Trưởng phòng Hành chính - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
01/2008 - 09/2015	Chánh Văn phòng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
09/2015 - 08/2019	Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
08/2019 - nay	Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông NGUYỄN DUY GIANG

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0009%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tổng hợp, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

09/1996 - 03/2001	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam;
03/2001 - 10/2007	Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Phó trưởng phòng Kinh doanh - Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam;
10/2007 - 03/2009	Trưởng phòng, Phó phòng Kinh tế Kế hoạch Ban Quản lý các dự án Thủy điện thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
03/2009 - 10/2009	Phó Tổng giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Việt Nam thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
10/2009 - 07/2014	Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
07/2014 - 01/2015	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
01/2015 - 11/2015	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam kiêm Phó Trưởng Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1;
11/2015 - 07/2018	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
07/2018 - nay	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ông NGUYỄN MINH ĐẠO

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thiết kế, Xây dựng và Vận hành đường ống và bể chứa Dầu khí, Tiến sỹ Đường ống - Bể chứa.

Quá trình công tác:

09/2000 - 06/2003	Kỹ sư Ban Quản lý Nhà máy lọc dầu Dung Quất;
07/2003 - 12/2003	Kỹ sư Phòng Công nghệ Mỏ - Công ty Đầu tư và Phát triển Dầu khí;
01/2004 - 02/2008	Chuyên viên, Phó trưởng Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
03/2008 - 07/2009	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc Công ty CP Hóa Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí;
07/2009 - 07/2018	Trưởng Ban Đầu tư Phát triển, Trưởng ban Khí, Trưởng ban Xây dựng, Cán bộ Văn phòng Hội đồng thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
07/2018 - nay	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ông NGUYỄN KIÊN

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Quá trình công tác:

07/2002 - 08/2007	Chuyên viên - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;
08/2007 - 05/2009	Phó Chánh Văn phòng - Trợ lý Tổng giám đốc - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;
05/2009 - 12/2014	Phó Trưởng Ban Luật - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;
12/2014 - 03/2016	Trưởng Ban TCNS&ĐT - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí;
03/2016 - 08/2017	Trưởng phòng, Thư ký Tổng Giám đốc, Chuyên viên, Phòng Pháp lý hợp đồng và Dự án Dầu khí, Ban Pháp chế - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
08/2017 - 09/2019	Phó Chánh văn phòng - Trợ lý Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
09/2019 - nay	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ông NGUYỄN MẠNH TƯỞNG

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Thạc sĩ kỹ thuật.

Quá trình công tác:

06/1998 - 10/2000	Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Khí - Tổng công ty Khí Việt Nam;
11/2000 - 09/2001	Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật Ban CBĐT Công trình Khí Điện Đạm Cà Mau - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
09/2001 - 10/2007	Trưởng nhóm Cơ khí Phòng kỹ thuật khí, Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng phụ trách, Trưởng phòng dự án khí Ban Quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
10/2007 - 03/2009	Phó giám đốc Ban Quản lý dự án Khí Tây Nam Bộ - Tổng công ty Khí Việt Nam;
03/2009 - 05/2010	Phó Trưởng Ban Quản lý dự án Khí Tây Nam Bộ - Tổng công ty Khí Việt Nam;
05/2010 - 04/2012	Phó giám đốc Công ty Điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn;
10/2012 - 05/2017	Quyền Trưởng ban, Trưởng ban Xây dựng, Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty khí Việt Nam;
06/2017 - 06/2018	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
06/2018 - nay	Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP Giám đốc Ban Quản lý Dự án Điện.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông **PHAN ĐẠI THÀNH**

Phó Tổng giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

Giữ chức Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/01/2021 đến ngày 06/07/2021 (Đã mất)

Ông **CHU QUANG TOẢN**

Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán

Quá trình công tác:

09/1991 - 08/1997	Cục thuế tỉnh Nghệ An;
08/1997 - 10/2002	Phó phòng quản lý thuế - Doanh nghiệp Sản xuất tỉnh Nghệ An;
10/2002 - 04/2003	Phụ trách Phòng Xử lý thông tin và Tin học - Cục thuế Nghệ An;
10/2003 - 07/2007	Trưởng phòng Tin học và Xử lý dữ liệu - Cục thuế Nghệ An;
07/2007 - 11/2009	Trưởng phòng thuế thu nhập cá nhân - Cục thuế Nghệ An;
12/2009 - 10/2010	Kế toán trưởng - Công ty Cao su Nghệ An - Tập đoàn Cao su Việt Nam;
11/2010 - 06/2015	Trưởng phòng Kế toán - Ban Quản lý dự án Đông Hồi - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam;
06/2015 - 06/2017	Trưởng phòng kế toán - Ban Quản lý dự án VICEM - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam;
06/2017 - 08/2018	Kiểm soát viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam;
08/2018 - 04/2019	Phó trưởng Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;
04/2019 - 04/2020	Phó trưởng Ban Phụ trách Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;
04/2020 - nay	Kế toán trưởng, Trưởng ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Ông VŨ QUỐC HẢI

Trưởng Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

10/1987 - 09/1992	Giáo viên bộ môn Kế toán tại trường Đại học Thương mại;
02/1994 - 05/2002	Chuyên viên, Phó phòng Tài chính Kế toán - Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu mỏ PetroVietNam nay là Tổng công ty Dầu PV Oil - CTCP;
05/2002 - 12/2007	Chuyên viên (Phó Trưởng ban Ban Kiểm toán nội bộ từ 02/2007) - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
01/2008 - 08/2010	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Kiểm soát viên phụ trách - Tổng công ty điện lực Dầu khí Việt Nam;
08/2010 - 06/2018	Kiểm soát viên chính - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
06/2018 - nay	Trưởng Ban kiểm soát - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Bà LÝ THỊ THU HƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,00024%.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế.

Quá trình công tác:

03/2001 - 05/2005	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí;
06/2005 - 09/2006	Phó phòng Kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí;
10/2006 - 03/2008	Kế toán trưởng - Tổng công ty Tài chính Dầu khí;
04/2008 - 05/2009	Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Tài chính Dầu khí;
06/2015 - 06/2018	Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
06/2018 - nay	Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Bà VŨ THỊ NGỌC DUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,00022%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính, Lưu thông tiền tệ và Tín dụng.

Quá trình công tác:

12/1993 - 10/2000	Cán bộ Lao động tiền lương - Công ty VPP Cửu Long 1;
11/2000 - 12/2004	Chuyên viên kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí;
01/2005 - 04/2007	Phó phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ - Công ty Tài chính Dầu khí;
04/2007 - 11/2009	Trưởng phòng/ Giám đốc Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ - Công ty Tài chính Dầu khí/ Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí;
12/2009 - 09/2013	Giám đốc Ban/Trưởng ban Kế hoạch - Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí;
10/2013 - 04/2015	Trưởng ban Kế hoạch - Khối Tài chính Kế toán tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam;
04/2015 - 06/2018	Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
06/2018 - nay	Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - CTCP.

BAN KIỂM SOÁT

Bà HÀ THỊ MINH NGUYỆT

Thành viên Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kế toán.

Quá trình công tác:

05/1992 - 12/2007	Kế toán viên, Phó phòng giao dịch 1, Phó phụ trách Kế toán - Sở giao dịch Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam;
01/2008 - 10/2008	Kế toán trưởng - Ban trù bị thành lập Ngân hàng Dầu khí;
10/2008 - 09/2010	Trưởng Ban Tài chính - Công đoàn Dầu khí Việt Nam;
09/2010 - 06/2018	Kế toán trưởng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
06/2018 - 04/2019	Kế toán trưởng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;
04/2019 - nay	Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Bà ĐOÀN THỊ THU HÀ

Thành viên Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sỹ Kế toán và Kiểm toán, Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

09/2007 - 06/2012	Kiểm toán viên - Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí;
06/2012 - 12/2020	Cán bộ Ban Kiểm soát nội bộ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
12/2020 - nay	Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Phát triển PV Power trở thành một Tổng công ty Công nghiệp Điện - Dịch vụ mạnh, với mục tiêu:

- Hiệu quả trong sản xuất kinh doanh
- Chuyên nghiệp về quản trị
- Mạnh về tài chính
- Cao về sức cạnh tranh
- Xanh về môi trường

MỤC TIÊU CỤ THỂ

Giữ vững vị thế số một trong lĩnh vực Điện Khí và là một trong những nhà cung cấp điện năng lớn nhất trong toàn hệ thống; chủ động, tích cực tham gia đầu tư phát triển các dự án sử dụng năng lượng tái tạo nhằm đảm bảo sự cân bằng các loại hình nguồn điện.

Phát triển các lĩnh vực dịch vụ liên quan đến sản xuất điện bao gồm dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và gia công chế tạo, phục hồi vật tư, thiết bị; dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện,... để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

> Giữ vững vị thế số 1 của PV Power trong lĩnh vực Điện Khí và là một trong những nhà cung cấp điện năng lớn nhất

SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH ĐIỆN NĂNG

Giai đoạn 2021 - 2025

Tiếp tục quản lý, vận hành ổn định/hiệu quả các nhà máy điện hiện hữu và các nhà máy điện mới đưa vào vận hành trong giai đoạn này.

Tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh theo lộ trình phát triển của thị trường điện.

Chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng tham gia thị trường bán lẻ điện theo lộ trình phát triển của thị trường điện.

Phấn đấu đến năm 2025, tổng công suất lắp đặt của PV Power là 5.760 - 7.260 MW, chiếm khoảng 8% tổng công suất đặt toàn hệ thống.

Sản lượng điện sản xuất là 22 - 24 tỷ kWh/năm, tốc độ tăng 7 - 9%/năm.

Giai đoạn 2026 - 2030

Tiếp tục vận hành ổn định và hiệu quả các nhà máy điện hiện hữu và các nhà máy điện mới đưa vào vận hành trong giai đoạn này.

Củng cố hạ tầng, xem xét đầu tư các trạm cấp điện thẳng đến hộ tiêu thụ cuối cùng phù hợp với xu thế tiêu dùng của thị trường phát triển mở rộng kinh doanh bán lẻ điện và tham gia thị trường điện bán buôn phù hợp với quy mô phát triển của thị trường điện.

Phấn đấu đến năm 2030, tổng công suất lắp đặt của PV Power là 5.760 - 8.960 MW, chiếm khoảng 7% tổng công suất đặt toàn hệ thống.

Sản lượng điện sản xuất là 30 - 45 tỷ kWh/năm, tốc độ tăng 3-4%/năm.

Giai đoạn 2031 - 2035

Phấn đấu đến năm 2035, tổng công suất lắp đặt của PV Power là 5.760 - 9.560 MW, chiếm khoảng 5% tổng công suất đặt toàn hệ thống.

Sản lượng điện sản xuất là 30 - 47 tỷ kWh/năm, tốc độ tăng 1-2%/năm.

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN ĐIỆN

Giai đoạn 2021 - 2025

Triển khai công tác đầu tư và đưa Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 với tổng công suất 1.500 MW vào vận hành trong giai đoạn 2021 - 2025.

Sau khi được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định và xem xét góp vốn thành lập Công ty cổ phần/ Liên kết để triển khai đầu tư dự án Nhà máy điện LNG Cà Mau 3 (1.500 MW), Nhà máy điện khí Quảng Ninh (1.500 MW), các dự án năng lượng tái tạo (điện áp mái, điện mặt trời lòng hồ, điện gió… với tổng công suất khoảng 55 MW)...

Nghiên cứu tham gia BCC chuỗi dự án khí – điện trong ngành theo định hướng của Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam.

Giai đoạn 2026 - 2035

Tiếp tục góp vốn để triển khai đầu tư dự án Nhà máy điện LNG Cà Mau 3 (công suất 1.500 MW), Nhà máy điện khí Quảng Ninh (1.500 MW) và đưa vào vận hành trong giai đoạn.

Năng lượng tái tạo: Tìm kiếm, nghiên cứu góp vốn đầu tư các dự án điện khác có hiệu quả, khả thi. Mục tiêu đến năm 2035 thêm gia góp vốn để đầu tư thêm 1.000 MW năng lượng điện tái tạo (trong đó 800 MW đưa vào vận hành trong giai đoạn).

Nghiên cứu tham gia BCC chuỗi dự án khí - điện trong ngành theo định hướng của Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam.

DỊCH VỤ BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA NHÀ MÁY ĐIỆN

Giai đoạn 2021 - 2025

Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật thực hiện các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu bao gồm: Thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn, định kỳ đối với các nhà máy điện của Tổng công ty; Thu hút và đào tạo nhân lực kỹ thuật chất lượng cao; Từng bước mở rộng thị trường để đảm nhận và thực hiện công tác dịch vụ tại các nhà máy điện của Tập đoàn và các nhà máy điện khác; Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới.

Tiếp tục triển khai cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên cho các nhà máy điện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng công ty; Phát triển dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa với các đơn vị ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng công ty cho các nhà máy lọc hóa dầu, luyện kim, khai khoáng, Formosa,…

Nghiên cứu đầu tư xưởng chế tạo, phục hồi các thiết bị phục vụ nhà máy điện than, trước mắt phục vụ Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1; tiến tới mở rộng phạm vi của xưởng chế tạo, phục hồi cho các đơn vị ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng công ty; Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị phụ tùng thay thế tại các nhà máy điện như Tuabin hơi, bơm, quạt, van, vòi, máy nén, ống áp lực lò hơi,...

Giai đoạn 2026 - 2035

Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật chính cho tất các các nhà máy điện thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Tổng công ty.

Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị.

Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện than, điện khí trong nước và khu vực Asean.

DỊCH VỤ CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU

Giai đoạn 2021 - 2025

Đảm bảo cung cấp nhiên liệu (than, khí, dầu,…) ổn định, lâu dài cho các nhà máy điện của PV Power. Góp vốn thành lập Công ty cổ phần để thực hiện dự án kho LNG cấp cho Trung tâm Điện lực Cà Mau.

Đảm bảo đầy đủ các dịch vụ hậu cần nhằm đáp ứng thuận tiện và hiệu quả đối với công tác cung ứng nhiên liệu.

Nhập khẩu than: Xây dựng quy chế/quy trình cho nhập khẩu than, chuẩn bị đầu tư cơ sở hạ tầng cho công tác nhập khẩu than như cảng nhập, kho than, hệ thống phối trộn, vận tải nội địa...

Tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh cung ứng nhiên liệu cho các hộ tiêu thụ đảm bảo hiệu quả kinh tế.

Giai đoạn 2026 - 2035

Đảm bảo cung cấp nhiên liệu (than, khí, dầu,…) lâu dài, ổn định cho các nhà máy điện của PV Power.

Đảm bảo đầy đủ các dịch vụ hậu cần nhằm đáp ứng thuận tiện và hiệu quả đối với công tác cung ứng nhiên liệu.

Cung ứng than nhập khẩu (vận chuyển nội địa và chuyển tải) cho các hộ tiêu thụ trong và ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh cung ứng nhiên liệu cho các hộ tiêu thụ đảm bảo hiệu quả kinh tế.

CÁC RỦI RO

01 Rủi ro chiến lược

Sự biến động khó lường của Kinh tế thế giới cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt, các mối nguy về xung đột chính trị, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền thương mại… cùng với việc giá dầu thô thế giới trong xu hướng tăng cao, tỷ giá ngoại tệ biến động phức tạp… đặt ra nhiều thách thức cho Ban Lãnh đạo PV Power trong việc đưa ra chiến lược phát triển dài hạn.

02 Rủi ro tài chính

Hiện nay, PV Power có mô hình hoạt động gồm nhiều công ty con, liên doanh, liên kết bên cạnh việc đầu tư phát triển dự án điện có vốn đầu tư lớn. Điều này tạo ra các rủi ro trong hoạt động tài chính, quản trị kế hoạch nguồn vốn và dòng tiền phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Về công tác thu hồi công nợ, việc đàm phán các hợp đồng PPA đòi hỏi phải chặt chẽ để giảm thiểu rủi ro.

03 Rủi ro hoạt động

Hoạt động điện lực luôn phải đối mặt với các rủi ro như: cháy nổ, xâm hại, vi phạm an ninh an toàn điện… dẫn đến việc nguy hại đến tính mạng, tổn thất tài sản, hư hỏng thiết bị, máy móc. Kéo theo đó là thảm họa về cháy nổ.

Các nhà máy điện của PV Power đều được trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ tự động hiện đại, đồng thời mỗi nhà máy đều có đội phòng cháy chữa cháy chuyên ngành và xe chữa cháy với chế độ trực 24/24 luôn đảm bảo phòng tránh và sẵn sàng chữa cháy hiệu quả nhất.

Bên cạnh đó, các nhà máy điện của PV Power đều sử dụng công nghệ hiện đại, có hệ thống xử lý khí thải, nước thải được kiểm soát chặt chẽ, kết nối dữ liệu với Sở Tài nguyên môi trường địa phương nên khả năng phát thải vượt tiêu chuẩn gây sự cố ô nhiễm môi trường là rất nhỏ.

04 Rủi ro từ điều kiện môi trường, xã hội

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp và khó lường, các rủi ro liên quan tới sức khỏe của người lao động luôn hiện hữu trong giai đoạn hiện tại. Việc đảm bảo vận hành các nhà máy điện an toàn, liên tục trong giai đoạn dịch bệnh đồng thời kịp thời ứng phó với các rủi ro khác có thể phát sinh luôn là ưu tiên hàng đầu của PV Power. Bên cạnh đó là các rủi ro từ tình hình thời tiết, khí hậu, thủy văn…

Do đó, PV Power và các đơn vị đã chủ động xây dựng các phương án, kịch bản, tổ chức diễn tập, thường xuyên bổ sung các trang, thiết bị phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động và duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

05 Rủi ro nguồn nhiên liệu

Nguồn nhiên liệu đầu vào ngày càng hạn chế, dự kiến trong tương lai phải nhập khẩu với giá thành cao sẽ ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của PV Power. Trong khi đó, cơ chế chính sách, hạ tầng cơ sở trong việc nhập khẩu nhiên liệu,... vẫn còn một số vướng mắc.

06 Rủi ro tuân thủ

PV Power phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh tại nhiều địa bàn khác nhau, nhiều lĩnh vực… Do đó, việc tuân thủ pháp luật Việt Nam và quy định của Bộ, Ngành, địa phương là rất quan trọng.

CHƯƠNG

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	56
2. Tổ chức và nhân sự	58
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	60
4. Tình hình tài chính - Thông tin giao dịch cổ phiếu POW	68
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	70
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty	71

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KHÓ KHĂN 2021

Đại dịch Covid-19 làm giảm nhu cầu phụ tải, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà máy điện.

Sự biến động mạnh của giá dầu thô thế giới đã làm tăng giá thành sản xuất của các nhà máy điện khí, đồng thời ảnh hưởng lớn đến khả năng huy động phát điện.

Nguồn khí có giá rẻ khu vực Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ ngày càng suy giảm, PV Power phải sử dụng nguồn khí bổ sung với giá cao, ảnh hưởng đến việc giao kế hoạch Qc cho các nhà máy điện, cũng như tính cạnh tranh của PV Power khi chào giá trên thị trường điện.

Tốc độ tăng nguồn điện năng lượng tái tạo cao và việc ưu tiên huy động tối đa các nguồn năng lượng tái tạo theo khả năng giải tỏa lưới điện và khả năng hấp thụ của hệ thống. Chính vì vậy các NMĐ của PV Power được giao Qc rất thấp.

Một số kết quả, thành tựu đạt được trong năm 2021

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức cùng ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhưng với sự quyết tâm cao của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Tổng công ty, năm 2021, PV Power đã đạt những kết quả đáng khích lệ, cụ thể như sau:

1. Sản lượng điện đạt 14,7 tỷ kWh. Trong bối cảnh thiếu khí, Qc thấp, phụ tải giảm do tác động đại dịch Covid-19, PV Power vẫn luôn sẵn sàng theo điều độ của hệ thống điện.

2. Mặc dù sản lượng điện và doanh thu không đạt kế hoạch năm nhưng PV Power đã quản trị chi phí và áp dụng các giải pháp tiết kiệm, tiết giảm, tăng năng suất lao động để phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty. Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty đạt 151% kế hoạch, Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 117% kế hoạch; ROE đạt 6% (kế hoạch 5%); nộp Ngân sách Nhà nước (đạt 102% kế hoạch).

3. Thực hiện tốt, an toàn tuyệt đối, rút ngắn tiến độ công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, đột xuất và định kỳ các nhà máy điện. Cụ thể, thời gian đại tu Nhà máy điện Hủa Na vượt tiến độ 03 ngày, đại tu tổ máy 2 Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

4. Triển khai công tác đầu tư dự án Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, hoàn thành phê duyệt gói thầu EPC cho dự án, Đẩy mạnh nghiên cứu xúc tiến đầu tư các dự án điện khí LNG khác. Nghiên cứu đầu tư phát triển dự án điện LNG Quảng Ninh, nghiên cứu phát triển các dự án năng lượng tái tạo.

5. Thực hiện kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp, thoái vốn thành công tại Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PV Machino); bổ sung ngành nghề kinh doanh tại một số đơn vị để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; thành lập mới bộ phận Phòng, Ban, đơn vị nâng cao hiệu quả quản trị và chuyên môn hóa trong các lĩnh vực kinh doanh.

6. Đảm bảo nguồn nhiên liệu đầy đủ và kịp thời phục vụ sản xuất điện tại các nhà máy điện của Tổng công ty. Đặc biệt, thực hiện thu xếp đủ nguồn than đáp ứng nhu cầu vận hành liên tục, ổn định các tổ máy Nhà máy điện Vũng Áng 1.

7. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo công tác vận hành sản xuất nhà máy điện liên tục, không bị ảnh hưởng đình trệ.

8. Công tác an sinh xã hội trong năm 2021 được quan tâm, thực hiện tại tỉnh Thái Bình, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Hưng Yên, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Quảng Trị. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Tổng công ty đã thực hiện rà soát, hỗ trợ các cán bộ công nhân viên gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, kịp thời khen thưởng động viên cán bộ công nhân viên trực tiếp sản xuất trong thời gian giãn cách do dịch bệnh Covid-19 tại các nhà máy điện của Tổng công ty, phát động phong trào thi đua "Công nhân, lao động PV Power vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid-19", đồng thời chung tay quyên góp cho phòng chống dịch bệnh. (Ủng hộ 5 tỷ đồng đồng vào quỹ vacxin phòng dịch Covid -19 của Chính phủ; ủng hộ 15 tỷ vào quỹ tiêm Covid của Tập đoàn), mua máy thở và xe cứu thương để ủng hộ cho các địa phương đang gặp khó khăn trong đại dịch …

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. Danh sách Ban Điều hành

STT	Ban Điều hành	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của PVN
1	Ông Lê Như Linh	Tổng giám đốc	0%	20%
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phó Tổng giám đốc	0,0018%	0%
3	Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng giám đốc	0,0009%	0%
4	Ông Nguyễn Mạnh Tưởng	Phó Tổng giám đốc	0%	0%
5	Ông Phan Đại Thành	Phó Tổng giám đốc	0%	0%
6	Ông Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng giám đốc	0%	0%
7	Ông Phan Ngọc Hiền	Phó Tổng giám đốc	0%	0%
8	Ông Nguyễn Kiên	Phó Tổng giám đốc	0%	0%
9	Ông Chu Quang Toản	Kế toán trưởng	0%	0%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh	Thay đổi	Hiệu lực
1	Ông Phan Đại Thành	Phó tổng giám đốc Tổng công ty	Đã mất	06/07/2021

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

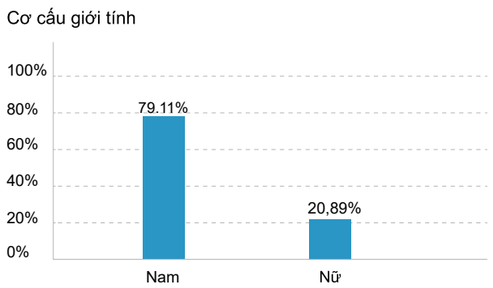

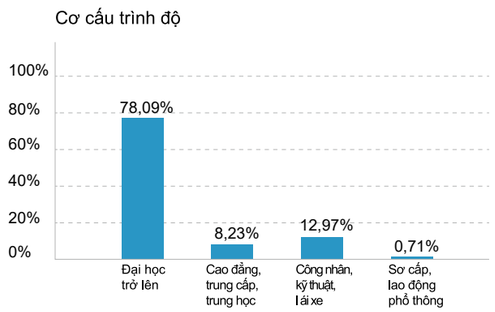

Số lượng cán bộ, nhân viên Tổng công ty đến thời điểm 31/12/2021: 2.133 người (đã bao gồm Người quản lý).
Trong đó, số lao động tại Công ty mẹ Tổng công ty là: 1.264 người (bao gồm Người quản lý và Người lao động tại PVPP), cụ thể:

- **Cơ cấu giới tính:** Nam: 1.000 người (chiếm 79,11%), nữ: 264 người (chiếm 20,89 %).
- **Cơ cấu trình độ:** Đại học trở lên: 987 người (chiếm 78,09 %); Cao đẳng, trung cấp, trung học: 104 người (chiếm 8,23 %); Công nhân kỹ thuật, lái xe: 164 người (chiếm 12,97 %); Sơ cấp, lao động phổ thông: 09 người (chiếm 0,71 %).

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tổng công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế trả lương của người lao động Công ty mẹ Tổng công ty (áp dụng từ 01/01/2021). Quy chế trả lương mới của người lao động Công ty mẹ - Tổng công ty phê duyệt đã giao quyền chủ động cho các đơn vị được quyết định phê duyệt các quy định xếp lương, quy định đánh giá xếp loại, quy định chi lương khuyến khích năng suất/ hiệu quả.
Trên cơ sở đó, Tổng công ty đã xây dựng và phê duyệt Quy định đánh giá xếp loại tập thể và cán bộ công nhân viên, Quy định chi lương khuyến khích năng suất và chi lương hiệu quả của Cơ quan Tổng công ty. Đây là sự cải cách, đổi mới trong việc phân phối thu nhập cho người lao động, nhằm tạo sự chủ động cho lãnh đạo Ban/ Văn phòng Tổng công ty đối với cán bộ công nhân viên do mình phụ trách và đích tới là tạo ra động lực, nỗ lực làm việc tốt hơn của người lao động.
Đồng thời, Tổng công ty đã xây dựng và ban hành Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể phù hợp với Bộ Luật lao động mới 2019 nhằm đảm bảo tính tuân thủ pháp luật của Tổng công ty.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.1 Đầu tư dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

Các thông tin của dự án:

- Quy mô (công suất): 1.500MW;
- Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;
- Địa điểm đầu tư: KCN Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
- Tổng mức đầu tư: 32.486.933.657.876 VND;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu/Vốn vay - 25%/75%.
- Kế hoạch: Vận hành thương mại năm 2024/2025.

Tình hình thực hiện

Công tác lựa chọn nhà thầu

Đến nay, PV Power đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu 15 gói thầu. Trong đó, các gói thầu chính của Dự án bao gồm:

- Thi công san lấp mặt bằng Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;
- Tư vấn kỹ thuật Dự án (PTC);
- Thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử nghiệm và nghiệm thu (EPC).

Chuẩn bị mặt bằng Dự án

Chuẩn bị mặt bằng cho Dự án bao gồm: Giải phóng mặt bằng, hoàn trả chi phí giải phóng mặt bằng và sử dụng hạ tầng Khu công nghiệp (KCN) Ông Kèo với Tổng công ty Tín Nghĩa, hoàn thành thủ tục thuê đất cho Dự án.

Công tác giải phóng mặt bằng:

- Đến nay các công tác pháp lý về giải phóng mặt bằng cơ bản đã hoàn thành.
- Ngày 12/10/2021, PV Power và Tổng công ty Tín Nghĩa đã ký Biên bản thỏa thuận về việc hoàn trả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng và sử dụng hạ tầng, dịch vụ hạ tầng Khu công nghiệp Ông Kèo để xây dựng, vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.
- Ngày 15/12/2021, Ban quản lý dự án Điện (đại diện PV Power) đã ký Phụ lục điều chỉnh, bổ sung Biên bản thỏa thuận với Tổng công ty Tín Nghĩa về việc hoàn trả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng;

Công tác thuê đất cho dự án:

- Đối với diện tích đất do PV Power Nhơn Trạch 2 quản lý trước đây: Đã có quyết định thu hồi, PV Power đang phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để hoàn thành các thủ tục thuê đất;
- Đối với diện tích đất do Tổng công ty Tín Nghĩa/Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch thực hiện giải phóng mặt bằng: PV Power đang phối hợp với các bên liên quan lập hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý để được thuê đất.

Các hợp đồng thương mại PPA và GSA

- Hợp đồng mua bán điện (PPA): Đến tháng 11/2021, PV Power cùng với EVN/EPTC đã cơ bản thống nhất về dự thảo hợp đồng, điều kiện điều khoản thanh toán, thông số kỹ thuật bao gồm chi phí vận hành bảo dưỡng biến đổi, chi phí vật tư phụ, khởi động, chạy thử, tổng mức đầu tư và các điều kiện cơ bản về tài chính. Các nội dung vượt thẩm quyền về Qc, Tmax cần tiếp tục báo cáo lên các cấp thẩm quyền để xem xét, giải quyết.
- Hợp đồng mua bán khí (GSA): PV Power và PV Gas tiếp tục hoàn thiện nội dung về điều kiện hợp đồng, thời gian thanh toán và cơ cấu công thức tính giá của dự thảo Hợp đồng GSA. Các nội dung vượt thẩm quyền về bao tiêu sản lượng, hai bên ghi nhận báo cáo cơ quan thẩm quyền.

Thỏa thuận đấu nối Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 vào Hệ thống Điện quốc gia

Ngày 14/7/2020, PV Power và Tổng công ty truyền tải Quốc gia (EVNNPT) đã ký thỏa thuận đấu nối số 2625/EVNNPT-TTĐN;
Căn cứ vào nội dung dự thảo Quy hoạch điện VIII (Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 1682/TTr-BCT ngày 26/3/2021), ý kiến của EVNNPT/EVN và đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả đầu tư các dự án, PV Power đã có văn bản số 2078/ĐLDK-ĐTXD ngày 02/11/2021 đề nghị Bộ Công Thương xem xét phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đường dây 220kV NMĐ Nhơn Trạch 3 - Thủ Đức thành đường dây 220kV NMĐ Nhơn Trạch 3 - rẽ Mỹ Xuân - Cát Lái để đảm bảo tiến độ đóng điện quý II/2023 của NMĐ Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; Hiện nay, PV Power đang bám sát Bộ Công Thương để thực hiện giải trình, phê duyệt.

Công tác thu xếp vốn Dự án

PV Power đã ký thỏa thuận hỗ trợ thu xếp vốn cho Dự án với tổ hợp các ngân hàng do ngân hàng Techcombank làm đầu mối và đang làm việc với Liên danh nhà thầu EPC để thu xếp vốn ECAs. Tổng công ty đảm bảo đủ vốn để tạm ứng cho hợp đồng EPC khoảng 100 triệu USD vào đầu năm 2022.

3.2. Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết

3.2.1. Các công ty con

Chi tiết kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện cả năm 2021 của các đơn vị như sau:

TT	Đơn vị	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ so sánh (%)
A	B	C	1	2	3=2/1
1	PV Power NT2				
	- Sản lượng điện	Tr.kWh	4.013	3.194	79%
	- Doanh thu	Tỷ đồng	6.645	6.176	93%
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	275	566	206%
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	261	533	204%
2	PV Power HHC				
	- Sản lượng điện	Tr.kWh	625	563	90%
	- Doanh thu	Tỷ đồng	684	696	102%
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	69	138	200%
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	66	131	198%
3	PV Power DHC				
	- Sản lượng điện	Tr.kWh	476	620	130%
	- Doanh thu	Tỷ đồng	501	613	122%
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0	206	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0	195	
4	PV Power REC				
	- Sản lượng điện	Tr.kWh	12	1	10%
	- Doanh thu	Tỷ đồng	26	3	12%
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(14)	(14)	-
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(14)	(14)	-
5	PV Power Services				
	- Doanh thu	Tr.kWh	258	240	93%
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	16	21	131%
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13	17	131%

CTCP ĐLDK Nhơn Trạch 2 (PV Power NT2)

Năm 2021, Sản lượng điện đạt 3.194 triệu kWh, hoàn thành 79% kế hoạch; Doanh thu đạt 6.176 tỷ đồng, hoàn thành 93% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 566 tỷ đồng, hoàn thành 206% kế hoạch; Cổ tức năm 2021 chia cho cổ đông là 15%. Mặc dù sản lượng điện và doanh thu không hoàn thành kế hoạch song PV Power NT2 vẫn vượt kế hoạch lợi nhuận do nhà máy thực hiện chào giá tốt và điều chỉnh phù hợp, kịp thời

CTCP Thủy điện Hủa Na (PV Power HHC)

- Năm 2021, tình hình thủy văn tiếp tục khô hạn, lưu lượng nước về hồ bình quân 11 tháng đầu năm khoảng 78 m^3/s, bằng 80% so với bình quân 11 tháng của nhiều năm (97,49 m^3/s). Do lưu lượng nước về hồ thấp nên nhà máy tính toán chào giá vận hành ở thời điểm có giá điện năng thị trường cao nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.
- Năm 2021 sản lượng điện đạt 563 triệu kWh, hoàn thành 90% kế hoạch; Doanh thu đạt 696 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế: 138 tỷ đồng đạt 200% kế hoạch do Nhà máy chào giá thị trường tốt.

CTCP Thủy điện Đakđrinh (PV Power DHC)

- Tình hình thủy văn của Nhà máy điện Đakđrinh khả quan trong năm 2021, lưu lượng nước về hồ bình quân 11 tháng đầu năm khoảng 38,2 m^3/s, cao hơn bình quân cùng kỳ nhiều năm (27,71 m^3/s). Trong 9 tháng đầu năm, nhà máy chủ yếu chào giá để phát điện vào các chu kỳ có giá thị trường cao nhằm tích nước cho các tháng tiếp theo. Các tháng còn lại của năm 2021, nhà máy chào giá sàn nhằm được huy động tối đa công suất, tận dụng tối đa lượng nước về hồ trong giai đoạn mùa mưa của hồ Đakđrinh. Vì vậy, sản lượng điện thương mại của nhà máy vượt kế hoạch giao.
- Năm 2021, Sản lượng điện 620 triệu kWh, đạt 130% kế hoạch; Doanh thu 613 tỷ đồng, đạt 122% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 206 tỷ đồng (trong đó bao gồm khoản thu từ chênh lệch tỷ giá năm 2018 là 33,2 tỷ đồng).

CTCP Dịch vụ Kỹ thuật ĐLDK (PV Power Services)

Năm 2021 Doanh thu 240 tỷ đồng, đạt 93% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 21 tỷ đồng, đạt 131% kế hoạch; Đơn vị nộp cổ tức về Tổng công ty năm 2021 là 8,5 tỷ đồng, đạt 160% kế hoạch.

CTCP Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí (PV Power REC)

- PV Power REC đang trong giai đoạn nhận chuyển nhượng/ nghiên cứu đầu tư phát triển các dự án điện năng lượng tái tạo. Đến nay đã hoàn thành nhận chuyển nhượng và bước đầu ghi nhận sản lượng điện từ các dự án Điện mặt trời mái nhà Phú Mỹ 1, 2, 3.
- Năm 2021, sản lượng điện đạt 1 triệu kWh; Doanh thu ước đạt 3 tỷ đồng; Cả năm 2021 lỗ 14 tỷ đồng.

3.2.2 Các công ty liên kết

TT	Tên doanh nghiệp	Giá trị đầu tư tại 31/12/2021 (Tỷ đồng)	Trích dự phòng tại 30/9/ 2021 (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu theo vốn điều lệ thực góp tại 31/12/2021 (%)	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 (Tỷ đồng)	Ghi chú
1	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	292,25	-	20,16%	96	
2	CTCP Năng lượng Sông Hồng	32,89	-	44,07%	9,6	
3	CTCP Điện Việt Lào	320,05	-	12,57%	322	
4	CTCP EVN Quốc tế	28,80	-	7,85%	168,8	
5	CTCP Thủy điện Sông Tranh 3	29,34	-	5,34%	-6,2	
6	CTCP Cơ điện Dầu khí	1,00	0,26	13,51%	-	
7	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí	18,20	18,2	6,5%	-5.7	

Nhóm các đơn vị thủy điện

CTCP Thủy điện Nậm Chiến (NCC): Năm 2021, sản lượng điện thực hiện đạt 553 triệu kWh, bằng 80% kế hoạch năm. Lợi nhuận thực hiện năm 2021 của NCC chỉ đạt 96 tỷ đồng/kế hoạch 167 tỷ đồng. Cổ tức nộp về cho PV Power trong năm 2021 là 14,6 tỷ đồng.

CTCP Năng lượng Sông Hồng (SHE): Năm 2021, sản lượng điện tại SHE đạt 27,14 triệu kWh, bằng 93,6% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 9,6 tỷ đồng, bằng 164% kế hoạch. Cổ tức nộp về PV Power năm 2021 là 1,3 tỷ đồng.

CTCP Điện Việt Lào (VLP): Doanh thu hợp nhất năm 2021 của VLP đạt 2.097 tỷ đồng, bằng 113% kế hoạch. LNST hợp nhất năm 2021 của đơn vị 322 tỷ đồng.

CTCP EVN Quốc tế (EVNI): Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 168,8 tỷ đồng (chủ yếu cổ tức từ thủy điện Hạ Sê San 2). Năm 2021 đơn vị đã nộp cổ tức về PV Power với giá trị 2,9 tỷ đồng.

CTCP Thủy điện Sông Tranh 3: So với năm 2020, sản lượng điện của nhà máy đã tăng 37 triệu kWh. Tổng doanh thu năm 2021 đạt 254 tỷ đồng, tăng 40 tỷ đồng so với năm 2020. Lỗ từ hoạt động SXKD năm 2021 là 6,2 tỷ đồng (giảm lỗ so với năm 2020 là 45 tỷ đồng).

Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí: Doanh thu năm 2021 đạt 9,4 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế lỗ 5,7 tỷ đồng.

Nhóm các đơn vị kinh doanh - dịch vụ

Bao gồm 02 đơn vị là CTCP Cơ điện Dầu khí Việt Nam (ngành nghề chính là thi công bảo dưỡng cơ điện), CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí - PVC Mekong (ngành nghề chính là tư vấn thiết kế và kinh doanh bất động sản).
Hoạt động của các đơn vị này gặp rất nhiều khó khăn do không tìm kiếm được nguồn công việc mới, các dự án cũ bị đình trệ do Chủ đầu tư thiếu vốn để giải ngân. Lỗ lũy kế ngày càng tăng và Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với 2 khoản đầu tư này theo đúng quy định (Lỗ từ sản xuất kinh doanh năm 2021 của PVC-Mekong là 5,7 tỷ đồng).

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH - THÔNG TIN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU POW

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	54.050	52.976	(1,9%)
Doanh thu thuần	29.732	24.561	(17,4%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.855	2.459	(13,9%)
Lợi nhuận khác	19,8	(119,9)	(705,6%)
Lợi nhuận trước thuế	2.875	2.339	(18,6%)
Lợi nhuận sau thuế	2.663	2.052	(22,9%)
Tỷ lệ lợi nhuận cả cổ tức	38,5%	34,6%	(10,1%)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,1	1.0	(4,8%)
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,9	0,9	1,6%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,4	0,4	(1,8%)
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.73	0.7	(4.1%)
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	15,9	12,4	(22,6)
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,6	0,6	(16,4)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	9%	8,4%	(6,8%)
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	8,5%	6,6%	(22,6%)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	5%	3,9%	(21,5%)
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,6%	10%	4,3%

Diễn biến giá cổ phiếu và khối lượng giao dịch của POW trong năm 2021

Sự kiện vượt đỉnh lịch sử 1.200 điểm và chính thức thiết lập đỉnh lịch sử mới là 1.500,81 điểm (25/11/2021)

Trong năm 2021, dù hứng chịu tác động mạnh mẽ hơn của đại dịch COVID-19, Thị trường Chứng khoán lại có bước tăng trưởng vượt bậc, đánh dấu bằng sự kiện vượt đỉnh lịch sử 1.200 điểm và chính thức thiết lập đỉnh lịch sử mới là 1.500,81 điểm (25/11/2021). Cổ phiếu POW mặc dù không xuất hiện nhiều biến động trong năm 2021 và chỉ tích luỹ ở quanh nền giá 10.000 – 14.000 đồng/cổ phiếu, nhưng trong giai đoạn cuối năm, cổ phiếu POW vượt đỉnh kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu niêm yết vào 2018 và thiết lập mức đỉnh mới tại mức giá 20.800 đồng/cổ phiếu. Xu hướng tăng của POW đã duy trì kể từ cuối tháng 10/2021.

68.470.100 cổ phiếu giao dịch trong phiên ngày 24/12/2021

Thanh khoản của POW liên tục tăng mạnh từ tháng 10/2021, với đỉnh điểm là 68.470.100 cổ phiếu giao dịch trong phiên ngày 24/12/2021, thiết lập kỉ lục mới về khối lượng giao dịch trong ngày. Điều này cho thấy cổ phiếu POW có sức hút mạnh mẽ đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Theo đánh giá từ các chuyên gia, giá cổ phiếu tăng trở lại là do có nhiều yếu tố hỗ trợ như:

(1) Kỳ vọng về việc ngành điện sẽ phục hồi và tăng trưởng trở lại trong thời gian tới khi kinh tế phục hồi, dịch bệnh được kiểm soát và nhiều cơ sở sản xuất hàng hóa được khôi phục sản xuất trong giai đoạn cuối năm 2021

(2) PV Power là doanh nghiệp có chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp với xu thế phát triển của ngành điện trong tương lai

(3) Dòng tiền của nhà đầu tư tìm đến cổ phiếu mang tính chất đầu tư giá trị dài hạn trong bối cảnh thị trường có những sự bất ổn.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do
1.146.699.884

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng
1.195.171.716

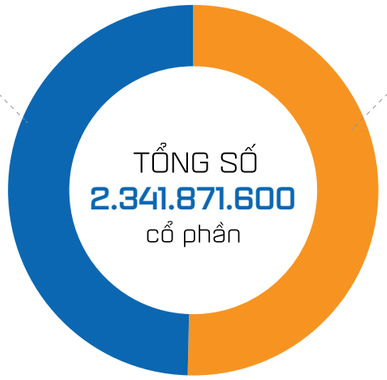

Loại cổ phần đang lưu hành:
Cổ phần phổ thông

Cơ cấu cổ đông (tại ngày 01/10/2021)

STT	Tiêu chí	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
1	Tỷ lệ sở hữu			
	Cổ đông lớn	1.872.141.477	79,9%	1
	Cổ đông nhỏ	469.730.123	20,1%	44.042
2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân			
	Cổ đông tổ chức	1.983.966.564	84,7%	156
	Cổ đông cá nhân	357.905.036	15,3%	43.887
3	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài			
	Cổ đông trong nước	2.274.361.813	97,1%	43.616
	Cổ đông nước ngoài	67.509.787	2,9%	427
4	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác			
	Cổ đông nhà nước	1.872.141.477	79,9%	1
	Cổ đông khác	469.730.123	20,1%	44.042
5	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa		49%	

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Kể từ khi thành lập, Tổng công ty không thực hiện tăng vốn cổ phần.

Giao dịch cổ phiếu quỹ
Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.
Trong năm 2021, Tổng công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ

Các chứng khoán khác
Trong năm 2021, Tổng công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

6.1 Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG)
Căn cứ Báo cáo số 227/ĐLDK-ATSKMT ngày 01/03/2022 của Ban An toàn - Sức khỏe - Môi trường Tổng công ty về việc Báo cáo kiểm kê khí thải năm 2021, theo hướng dẫn Kiểm kê khí thải cho các hoạt động dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sử dụng số liệu nhiên liệu (khối lượng sử dụng và lưu trữ, nhiệt trị) và sản lượng điện năm 2021 của các nhà máy điện, tính toán trên hệ số phát thải tương ứng với từng loại nhiên liệu được Tập đoàn cung cấp theo hướng dẫn, Ban An toàn - Sức khỏe - Môi trường Tổng công ty đã đưa ra kết quả kiểm kê phát thải khí nhà kính của Tổng công ty.
Theo đó: Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp từ hoạt động sản xuất điện khí và điện than tại PV Power: 9.076.541 tấn CO2 quy đổi. Trong đó, tổng phát thải khí nhà kính của 3 nhà máy điện khí (Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Cà Mau 1&2) là 3.340.370 tấn CO2 quy đổi; Tổng phát thải khí nhà kính của Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 là 5.736.171 tấn CO2 quy đổi.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Theo kế hoạch đã đăng ký với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và được ban hành theo kế hoạch chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại QĐ số 2128/QĐ-DKVN ngày 19/04/2021 PVN về việc "Ban hành kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu của Tập đoàn Dầu khí, giai đoạn 2018-2030" PV Power có 13 dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thực hiện tại các nhà máy điện, dự kiến theo tính toán của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sẽ giảm thiểu được 160.884 tấn CO2e trong giai đoạn 2018-2025 và 109.420 tấn CO2e trong giai đoạn 2026-2030. Trong đó, trừ giải pháp vận hành nhà máy nhiệt điện Nậm Cắt (hiện nay không thuộc sở hữu PV Power), 12 giải pháp còn lại dự kiến giảm thiểu 101.252 tấn CO2e trong giai đoạn 2018-2025 và 72.150 tấn CO2e trong giai đoạn 2026-2030.
Do đặc điểm nhà máy điện là đơn vị sản xuất năng lượng nên sử dụng lượng nhiên liệu rất lớn và lượng phát thải khí nhà kính cũng rất lớn và khó có giải pháp giảm thiểu hiệu quả. Các nhà máy điện của PV Power đều sử dụng công nghệ tiên tiến của các nước phát triển nên tiềm năng cải tiến công nghệ để giảm thiểu trực tiếp nhiên liệu sử dụng, nâng hiệu suất là rất thấp. Các giải pháp đã đăng ký đa phần thuộc giải pháp tiết kiệm, giảm thiểu năng lượng sử dụng trong sản xuất và sử dụng năng lượng mặt trời.

6.2 Quản lý nguyên vật liệu

Tên Nhà máy	Tiêu thụ nhiên liệu 2021		
	Than (tấn)	Dầu DO (tấn)	Khí tự nhiên (Tr.Sm3)
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	2.474.356	3.785	không áp dụng
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	không áp dụng	119,427	888,723
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	không áp dụng	0	621,18
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	không áp dụng	0	125,46
Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na	không áp dụng	-	không áp dụng
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	không áp dụng	-	không áp dụng

6.3 Tiêu thụ năng lượng

Tên Nhà máy	Điện tự dùng tiêu thụ (kWh)	Tiết kiệm so với định mức được duyệt (kWh)	Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng, kết quả các sáng kiến
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	421.759.509	3.169.685	Đang thực hiện nghiên cứu lắp đặt biến tần cho các động cơ lớn để tiết kiệm năng lượng
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	116.389.904	12.087.000	
Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	66.487.348	123.812	
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	24.089.673	1.788.689	
Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na	717.100	813.700	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	1.374.000	770.583	

6.4 Tiêu thụ nước
(Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Tên Nhà máy	Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng	Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Nguồn cung cấp là nước thô của nhà máy cấp nước Công ty cổ phần tập đoàn Hoành Sơn Tổng tiêu thụ nước thô năm 2021 là 1.438.742 m3	Tổng lượng nước xử lý tái sử dụng (lượng nước xử lý theo chu trình khép kín của nhà máy, dùng cho mục đích tổng xỉ) năm 2021 là 363.560 m3 chiếm 25,27 %
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Lấy từ Công ty nước và môi trường Khánh An và công ty cấp nước Cà Mau. Lượng nước sử dụng 203.321 m3	Không
Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Lấy từ nhà máy nước Nhơn Trạch, lượng nước sử dụng trong năm 2021 là 119.092 m3	Không
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Lấy từ nhà máy nước Nhơn Trạch, lượng nước sử dụng trong năm 2021 là 65.287 m3	Không
Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na	Nước hồ chứa	Không
Công ty cổ phần Thủy điện Đakđrinh	Nước hồ chứa	Không

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 VNĐ

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

6.6.1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
Số lượng lao động Công ty mẹ: 1.264 người, gồm: 18 Viên chức quản lý và Người lao động Công ty mẹ (gồm cả Người lao động tại Ban Quản Lý Dự án điện và Trung tâm dịch vụ kỹ thuật), mức lương trung bình đối với người lao động Công ty mẹ - Tổng công ty thực hiện năm 2021 là 26,75 trđ/người/tháng.
6.6.2. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
• Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước (về thời giờ làm việc, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho cán bộ nhân viên như ốm đau, thai sản…), theo Quy chế khen thưởng, phúc lợi và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty… Đặc biệt, trong năm 2021 Tổng công ty đã phối hợp với Cơ quan Bảo hiểm kịp thời thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021, đồng thời hỗ trợ cán bộ công nhân viên và người thân mắc Covid-19 từ quỹ khen thưởng phúc lợi của Tổng công ty.
• Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thân thiện, hợp vệ sinh; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao… tạo không khí vui tươi phấn khởi. Thực hiện khám chữa bệnh định kỳ; trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, phương tiện an toàn - bảo hộ lao động cho Người lao động.
• Năm 2021, Tổng công ty tiếp tục duy trì chế độ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe PVI Care, chương trình bảo hiểm Hưu trí tự nguyện cho cán bộ công nhân viên…;
6.6.3. Hoạt động đào tạo người lao động:
Người lao động được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc theo yêu cầu pháp luật, được đào tạo chuyên môn, an toàn định kỳ. Năm 2021, Công ty mẹ - Tổng công ty đã đào tạo 2.342 lượt người với tổng kinh phí 5,47 tỷ đồng.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2021, công tác An sinh xã hội được PV Power thực hiện triển khai theo nguyên tắc:
• Thực hiện đúng các Nghị quyết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
• Triển khai thực hiện tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;
• Quy trình triển khai thực hiện chặt chẽ;
• Tiến độ giải ngân phù hợp với điều kiện, tình hình sản xuất kinh doanh.
Các chương trình/ công trình An sinh xã hội do PV Power triển khai đã đem lại những kết quả tích cực, thiết thực thể hiện trách nhiệm của Doanh nghiệp với cộng đồng xã hội; Đóng góp thành công vào việc xây dựng hình ảnh, thương hiệu của PV Power. Cụ thể:
• Giải ngân các chương trình/công trình ASXH theo Nghị quyết 7324/NQ - DKVN ngày 29/11/2018 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị giải ngân là: 3.799.735.138 VNĐ.
• Giải ngân các chương trình/công trình ASXH theo Quyết định 1399/QĐ-DKVN ngày 26/3/2020 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị giải ngân là: 8.000.000.000 VNĐ.
• Giải ngân các chương trình/công trình ASXH theo Quyết định 1985/QĐ-DKVN ngày 16/4/2021 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị giải ngân là: 47.932.900.000 VNĐ.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020, một trong các nhiệm vụ chính là giảm mức độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.
Dự án công trình thủy điện Đakđrinh của PV Power là dự án được công nhận trên Website Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC) với tên "Dakdrinh Hydropower Project" (6184 ngày 14/11/2011) là dự án phát thải theo cơ chế sạch (CDM).
Ngày 13/08/2020 PV Power đã thành lập Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí (PV Power REC) với chức năng nhiệm vụ phát triển và sản xuất kinh doanh nguồn năng lượng tái tạo (nghiên cứu đầu tư các dự án điện mặt trời, điện rác, điện sinh khối và điện gió...). PV Power REC có vốn điều lệ 60 tỷ đồng, PV Power góp 30,6 tỷ đồng, tương đương 51% vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu của PV Power.

CHƯƠNG

03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	78
2. Tình hình tài chính	84
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai	86
4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường xã hội của Tổng công ty	90

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. Về quản lý kỹ thuật, vận hành sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện

Các nhà máy điện của PV Power đảm bảo an toàn vận hành, đáp ứng yêu cầu huy động của A0, tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về môi trường và thị trường điện, hiệu quả cao. Năm 2021, tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty đạt 14,7 Tỷ kWh, bằng 79% kế hoạch năm 2021 (18,7 tỷ kWh), bằng 77% so với thực hiện 2020.

Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sản lượng điện là:

1. Thứ nhất, năm 2021, nhu cầu tiêu thụ điện toàn quốc tăng trưởng thấp hơn dự kiến do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 gây ra sự đình trệ trong sản xuất. Trong khi đó, nguồn cung của hệ thống điện quốc gia lại tăng đáng kể trong thời gian cuối năm 2021 và năm 2022 do bổ sung các nhà máy nhiệt điện mới đưa vào vận hành (khoảng 3.600 MW) và các nguồn năng lượng tái tạo (khoảng 4.000 MW – 5.000 MW. Tất cả các yếu tố khách quan trên ảnh hưởng đến việc huy động sản lượng điện từ các nhà máy điện của PV Power.

2. Thứ hai, sản lượng điện hợp đồng (Qc) năm 2021 được phân bổ cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 rất thấp và chủ yếu phân bổ trong giai đoạn mùa mưa, giá thị trường thấp. Trong năm, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 chỉ được huy động 102 ngày/356 ngày khả dụng, nên cả năm 2021, sản lượng điện của Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 chỉ đạt 445 triệu kWh, giảm 296 triệu kWh so với kế hoạch được giao từ đầu năm.

3. Thứ ba, nguồn khí cung cấp cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1&2 sử dụng nguồn bổ sung với giá cao nên ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh trên thị trường điện, A0 hạn chế huy động.

4. Thứ tư, trong năm 2021 tại Nhà máy thủy điện Hủa Na, tình hình thủy văn không thuận lợi, lưu lượng nước về các hồ thủy điện thấp do đó ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà máy thủy điện.

5. Thứ năm, Tổ máy số 1 Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 gặp sự cố từ ngày 19/9/2021 dẫn đến sản lượng điện phát chỉ đạt 87% kế hoạch năm 2021.

1.2. Chỉ tiêu Doanh thu

Doanh thu của toàn Tổng công ty năm 2021 đạt 25.293 tỷ đồng, bằng 89% KH năm và bằng 84% so với cùng kỳ năm 2020. Doanh thu Công ty Mẹ năm 2021 đạt 18.114 tỷ đồng, bằng 88% KH và bằng 79% so với cùng kỳ năm 2020. Doanh thu của Tổng công ty chủ yếu bị ảnh hưởng bởi sản lượng điện phát thấp hơn KH.

1.3. Chỉ tiêu Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty năm 2021 đạt 2.339 tỷ đồng, bằng 151% KH năm và bằng 81% so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ năm 2021 đạt 1.816 tỷ đồng, bằng 117% KH năm 2021 và bằng 75% so với năm 2020.

1.4. Nộp ngân sách nhà nước

Nộp ngân sách Nhà nước toàn Tổng công ty năm 2021 đạt 1.346 tỷ đồng, bằng 102% KH năm 2021 và bằng 80% cùng kỳ năm 2020. Nộp ngân sách Nhà nước Công ty Mẹ đạt 847 tỷ đồng, bằng 108% KH năm 2021 và bằng 79% cùng kỳ năm 2020.

1.5. Thực hành tiết giảm chi phí

Toàn Tổng công ty đã thực hiện tiết kiệm, tiết giảm được 524 tỷ đồng.

Tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty

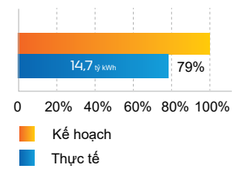

Doanh thu của Tổng công ty

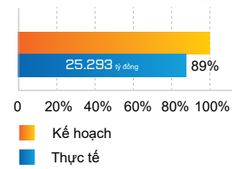

Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty

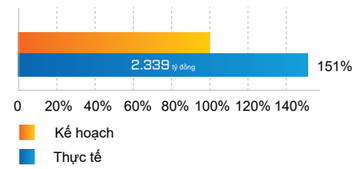

Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ

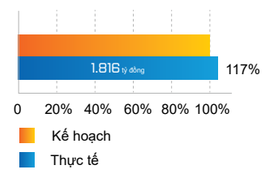

Nộp ngân sách Nhà nước toàn Tổng công ty

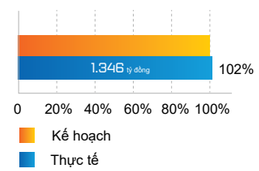

Nộp ngân sách Nhà nước Công ty Mẹ

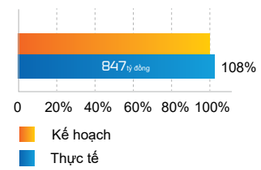

1.6. Lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng và cung ứng nhiên liệu

Về lĩnh vực cung ứng nhiên liệu và dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng, PV Power đạt được nhiều kết quả tích cực.

- PV Power đã nỗ lực phối hợp với các nhà cung cấp như TKV, Công ty than Đông Bắc để đảm bảo nguồn than sản xuất cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Tổng khối lượng giao nhận than đến hết 31/12/2021 2.403.452 tấn/kế hoạch 3.200.000 tấn, tương đương 75% kế hoạch năm;
- Trong năm 2021 công tác sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện được thực hiện tốt đảm bảo các nhà máy luôn khả dụng cao. PV Power TSC, PV Power Services đã phối hợp với các nhà máy thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ và đột xuất, xử lý các sự cố thiết bị nhằm đảm bảo vận hành an toàn và hiệu quả;
- Công tác cấp dầu: Trong năm 2021, Tổng công ty đã đảm bảo cấp dầu đầy đủ và kịp thời phục vụ sản xuất điện tại các nhà máy điện của Tổng công ty.

1.7. Công tác đầu tư xây dựng

Trong năm, Tổng công ty tập trung triển khai công tác xúc tiến/chuẩn bị đầu tư/quyết toán các dự án đầu tư bao gồm:

Các dự án đã và đang thực hiện đầu tư

- Phê duyệt gói thầu EPC cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Tổng công ty đã khởi công và thi công san lấp mặt bằng dự án trong tháng 11/2021.
- Dự án Thủy điện Đakđrinh và Thủy điện Hủa Na: Công tác quyết toán vốn đầu tư đang được khẩn trương thực hiện. Đối với dự án Thủy điện Hủa Na, tập trung xử lý nốt phần việc còn lại thuộc các nội dung Bồi thường tái định cư, định canh đang thực hiện dở dang. Đối với Thủy điện Đakđrinh, công tác quyết toán còn chậm, PV Power DHC thực hiện quyết toán làm 02 giai đoạn. Giai đoạn 1 thực hiện khoảng 5.483 tỷ đồng/ tổng mức đầu tư 5.921 tỷ đồng đạt 91%, đơn vị kiểm toán cũng đã phát hành Báo cáo Kết quả kiểm toán dự án hoàn thành dự án thủy điện Đakđrinh để trình cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt.

Công tác xúc tiến/chuẩn bị đầu tư

- Đối với dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh: PV Power cùng các Công ty Colavi, Tokyo Gas, Marubeni đã được UBND tỉnh Quảng Ninh chấp thuận liên doanh nhà đầu tư dự án. Hiện đang phối hợp thành lập công ty dự án đồng thời hoàn thiện báo cáo khả thi.
- Đối với các dự án nghiên cứu phát triển năng lượng tái tạo: Tổ chức nghiên cứu, khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án điện mặt trời tại Nhà máy điện Nhơn Trạch 1& Nhơn Trạch 2; thuê tư vấn đánh giá hiệu quả các dự án điện mặt trời mái nhà trên cơ sở đó tiến hành đàm phán chuyển nhượng các dự án ĐMTMN tại nhà máy đạm Phú Mỹ và nhà máy đạm Cà Mau

1.8. Về công tác tái cơ cấu doanh nghiệp

Phương án tái cơ cấu Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021-2025: Tổng công ty đã hướng dẫn các đơn vị triển khai phương án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở Quyết định đã được Hội đồng quản trị phê duyệt (Quyết định số 12/QĐ-ĐLDK ngày 08/01/2021).

- Công tác tái cơ cấu các chi nhánh
- Thành lập mới bộ phận Phòng, Ban, đơn vị
- Công tác thoái vốn

Bổ sung ngành nghề kinh doanh: PV Power đã hoàn thiện các thủ tục để bổ sung ngành nghề kinh doanh và đã được sở KHĐT Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 vào ngày 01/12/2021

- Tổ chức lại Chi nhánh Tổng công ty - Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí và đổi tên thành Chi nhánh Tổng công ty - Ban Quản lý Dự án điện theo Quyết định số 339/QĐ-ĐLDK ngày 24/4/2020
- Xây dựng phương án sắp xếp/chuyển đổi hai chi nhánh Tổng công ty (i) Công ty ĐLDK Hà Tĩnh và (ii) Công ty ĐLDK Nhơn Trạch nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chi nhánh

Tại Cơ quan Tổng công ty: (i) ban hành các Quyết định số: 1017/QĐ-ĐLDK ngày 21/10/2021 về việc Thành lập Bộ phận Kiểm toán Nội bộ; 1018/QĐ-ĐLDK về việc Giao nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm toán nội bộ của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành; (ii) ngày 17/9/2021, Tổng giám đốc đã ban hành Quyết định số 933/QĐ-ĐLDK về việc thành lập Phòng Quyết toán thuộc Ban Đầu tư - Xây dựng của Tổng công ty.

Ngày 10/6/2021, Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số 65/NQ-ĐLDL thông qua thành lập Chi nhánh quản lý vận hành các dự án Nhà máy điện mặt trời của Công ty cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí (PV Power REC).

Từ ngày 17-19/3/2021: PV Power đã hoàn thành thoái toàn bộ vốn góp tại công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí và đồng thời đã thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định. PV Power cũng đã có văn bản gửi PVN báo cáo về kết quả thoái vốn tại Công ty CP Máy Thiết bị Dầu khí.

Thoái vốn tại các đơn vị khác: PV Power đã ký hợp đồng với các đơn vị tư vấn để thực hiện các thủ tục thoái vốn tại Công ty cổ phần Điện Việt Lào (VLP) và Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI). Đến nay, Tổng công ty đang thực hiện theo phương án được phê duyệt.

1.9. Công tác quan hệ cổ đông

1.9.1. Hoạt động Quan hệ cổ đông 2021

Tại PV Power, Bộ phận Quan hệ cổ đông hoạt động chuyên trách dưới sự chỉ đạo xuyên suốt về định hướng từ ban điều hành, cụ thể là vai trò của Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc phụ trách trong việc truyền tải thông tin về chiến lược phát triển ngắn và dài hạn của PV Power.

Năm 2021 trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến khó lường, PV Power hiểu và ý thức rằng nhà đầu tư cần hơn những thông tin minh bạch, kịp thời từ phía doanh nghiệp về sức khỏe tài chính, những ảnh hưởng của dịch bệnh tới hoạt động của doanh nghiệp hiện tại và tương lai cũng như những kế hoạch, chiến lược vượt qua giai đoạn khó khăn chung.

PV Power đã chủ động truyền tải các thông tin về doanh nghiệp xuyên suốt và nhất quán, từ thông tin về tài chính đến thông tin về đấu thầu, đầu tư xây dựng và chiến lược phát triển. Nhằm nâng cao mức độ tin cậy của số liệu, PV Power không những tăng cường công tác tài chính kế toán mà còn làm việc chặt chẽ hơn với đơn vị kiểm toán nhằm đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực kế toán, các quy định pháp luật, từ đó đưa ra các Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm một cách chính xác và đầy đủ, tuân thủ quy định về công bố thông tin theo thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

Ngay từ đầu năm 2021, PV Power đã xây dựng kế hoạch tổ chức các sự kiện kết nối Nhà đầu tư để duy trì đối thoại cởi mở, thẳng thắn nhằm truyền tải, phản ánh đúng bản chất thông tin và hoạt động của doanh nghiệp. Vượt qua những khó khăn về dịch bệnh Covid - 19, dưới sự chỉ đạo sâu sát của Lãnh đạo Tổng công ty, PV Power đã chủ động tổ chức thành công các buổi gặp gỡ nhà đầu tư theo nhiều hình thức khác nhau và có sự tham dự của rất nhiều các Công ty quản lý quỹ và Công ty chứng khoán.

Từ đó, những thông tin về doanh nghiệp cũng được cung cấp đầy đủ, kịp thời đến các nhà đầu tư một cách minh bạch và chính thống nhất. Cổ phiếu POW được nhà đầu tư đánh giá cao, và được tạp chí Forbes vinh danh trong danh sách 50 Công ty niêm yết tốt nhất sàn chứng khoán năm 2019, 2020, 2021; PV Power được trao giải thưởng Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững và Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2021.

1.9.2. Hoạt động chi trả cổ tức

PV Power đã thực hiện trả cổ tức bằng tiền với quy trình rõ ràng, hiệu quả theo hướng dẫn của Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký.

Đối với cổ đông đã lưu ký, cổ tức được thanh toán thông qua các công ty chứng khoán nơi cổ đông thực hiện đăng ký giao dịch. Đối với cổ đông chưa lưu ký, PV Power có hướng dẫn để chi trả cổ tức đơn giản, đúng quy định nội bộ của PV Power.

Việc chi trả cổ tức năm 2020, theo Nghị quyết số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2021, Đại hội đồng cổ đông PV Power đã phê duyệt và ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện phương án chia cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 2%. PV Power đã hoàn thành chi trả cổ tức cho cổ đông ngày 04/11/2021.

1.10. Công tác khác

Tổng công ty luôn đề cao năng lực của từng người lao động và để khuyến khích các cán bộ công nhân viên làm việc, Tổng công ty có chính sách lương thưởng rõ ràng, hợp lý, đặc biệt là đối với những nhân viên xuất sắc, có đóng góp lớn. Mặt khác, Tổng công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc. Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng số lao động của toàn Tổng công ty là 2.133 người.

Chính sách lương, thưởng: Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, PV Power đã xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm; giao quyền chủ động cho các đơn vị được quyết định phê duyệt các quy định xếp lương, quy định đánh giá xếp loại, quy định chi lương khuyến khích năng suất/hiệu quả.

Ngoài ra, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm Tổng công ty thực hiện chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho cán bộ công nhân viên của Tổng công ty theo năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của Tổng công ty.

Công tác an sinh xã hội: Tính đến ngày 31/12/2021, Tổng công ty đã thực hiện giải ngân cho các công trình/chương trình An sinh xã hội với tổng số tiền là 59,32 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn quan tâm chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động, đã quan tâm và tạo điều kiện tốt để các tổ chức đoàn thể (công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh) hoạt động, đồng thời phối hợp tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động hữu ích nhằm nâng cao đời sống tinh thần, sức khỏe, động viên khuyến khích người lao động hăng say, trách nhiệm và gắn bó với đơn vị.

Trong thời gian ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, PV Power đã thực hiện rà soát, hỗ trợ các CBCNV gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, đồng thời tuyên truyền CBCNV chung tay quyên góp cho quỹ hỗ trợ đồng bào vùng lũ lụt của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

52.977
tỷ đồng
Tổng tài sản

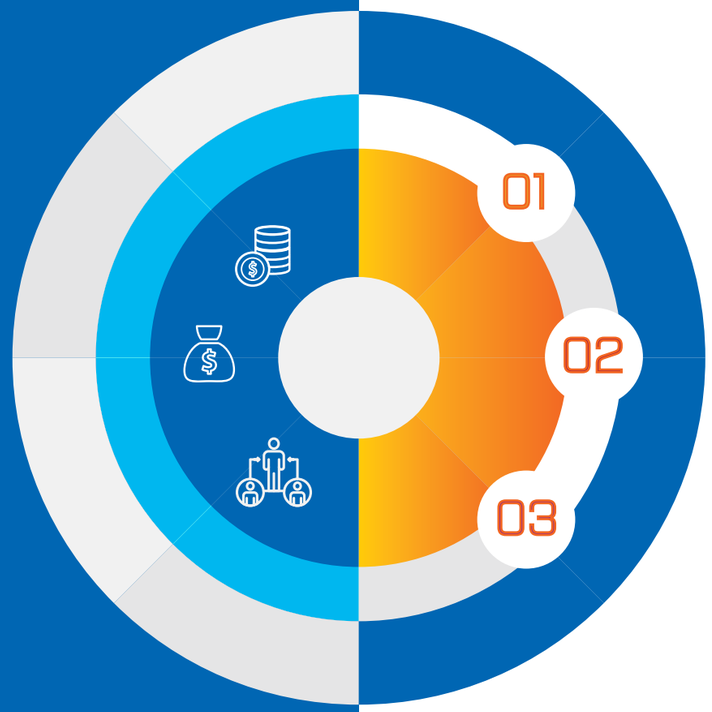

21.852
tỷ đồng
Tổng nợ phải trả

2.1. Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2021, Tổng tài sản đạt 52.977 tỷ, giảm 1.073 tỷ đồng tương ứng giảm 2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

Tài sản ngắn hạn đạt 18.420 tỷ đồng, tăng 1.523 tỷ đồng tương ứng tăng 9% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân tăng chủ yếu: (i) Chỉ tiêu Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 1.153 tỷ đồng do trong năm 2021, các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tổng công ty tăng 29,6%. (ii) Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 1.396 tỷ đồng chủ yếu do khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 2.433 tỷ đồng dẫn đến các khoản trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của Tổng công ty giảm 91,9% (iii) Chi phí trả trước ngắn hạn tăng 1.913 tỷ đồng do Tổng công ty trả trước chi phí nhiên liệu khí bao tiêu của Nhà máy Nhơn Trạch 1 và Nhà máy Nhơn Trạch 2.

Tài sản dài hạn giảm 2.596 tỷ đồng, tương đương giảm 7% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu: Tổng công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định trong quá trình sử dụng

2.2. Tình hình nợ phải trả

Trong cơ cấu nguồn vốn của PV Power, nợ phải trả đang có xu hướng giảm dần, điều này giúp cho doanh nghiệp giảm bớt rủi ro về tài chính và có thêm tiềm lực tài chính để chuẩn bị cho các dự án mới trong những năm tiếp theo

Tính đến hết ngày 31/12/2021, nợ phải trả của Tổng công ty đạt 21.852 tỷ đồng, giảm 932 tỷ đồng tương đương giảm 4% so với cùng kỳ 2020, do trong năm 2021 các khoản nợ dài hạn của Tổng công ty giảm 34,9%.

Trong năm 2021, nợ vay ngoại tệ của Tông công ty giảm nên áp lực vay từ các khoản vay dài hạn bằng ngoại tệ giảm.

2.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính. Quản lý vận hành sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện đảm bảo thiết bị khả dụng cao, huy động tối đa công suất, an toàn, hiệu quả.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cơ cấu của PV Power, kiện toàn mô hình tổ chức, bộ máy theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả; tiếp tục rà soát sửa đổi và xây dựng mới đồng bộ các văn bản quản lý nội bộ nhằm tăng cường công tác quản lý điều hành đáp ứng yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp.

Hoàn thành các thủ tục tham gia góp vốn, thành lập Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh trong năm 2022. Triển khai tốt công tác chuẩn bị thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện LNG TBKHH Quảng Ninh.

Rà soát, sắp xếp tổ chức các đơn vị thành viên trên cơ sở phương án được phê duyệt, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Tổng công ty.

Tập trung trong công tác quản trị, kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí; quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích; đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên hiệu quả.

Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và quản lý kỹ thuật vận hành; Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để nâng cao chất lượng quản trị, điều hành;

Nghiên cứu, thành lập các Ban quản lý/Công ty dự án để triển khai các dự án điện Năng lượng tái tạo khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện công tác thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo phương án đã được Tập đoàn phê duyệt tại Nghị quyết số 5845/NQ-DKVN ngày 30/11/2020, tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power.

3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và các tháng đầu năm 2022 của các đơn vị, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của PV Power sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua gồm các nội dung chính sau:

3.1. Dự báo, phân tích nhân tố tác động đến Sản xuất kinh doanh của PV Power năm 2022

Năm 2022 tiếp tục là năm bản lề có vai trò quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn (2021-2025) của Việt Nam với mục tiêu: GDP tăng trưởng 6,5%; lạm phát ở mức 4%; kế hoạch nhu cầu phụ tải điện tăng 8,2% so với năm 2021.

Giá dầu thế giới và tỷ giá ngoại tệ biến động phức tạp, giá dầu tăng cao làm tăng giá thành sản xuất của các Nhà máy điện khí, ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của các Nhà máy điện và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power.

Tuy nhiên, bên cạnh các yếu tố tích cực, vẫn còn một số yếu tố bất thường khó dự báo, đã và sẽ tác động đến tình hình triển khai thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022 của PV Power như sau:

Nguồn khí có giá rẻ khu vực Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ ngày càng suy giảm, phải sử dụng nguồn khí bổ sung với giá cao ảnh hưởng đến việc giao kế hoạch Qc cho các Nhà máy điện, cũng như tính cạnh tranh của PV Power khi chào giá trên thị trường điện.

Năm 2022, nhiều Nhà máy điện của PV Power sẽ ngừng máy để thực hiện sửa chữa lớn như Nhà máy điện Cà Mau 1 thực hiện đại tu, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 thực hiện trung tu, Nhà máy điện Vũng Áng 1 thực hiện đại tu và khắc phục sự cố tổ máy số 1, Nhà máy điện Đakđrinh thực hiện đại tu....

PV Power triển khai thi công dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, nhu cầu vốn đầu tư lên tới gần 4.000 tỷ đồng, do đó áp lực thu xếp vốn cho đầu tư xây dựng là khá lớn.

3.2.1. Công tác sản xuất kinh doanh

- Phối hợp chặt chẽ với EVN/A0, Vinacomin, PVGas trong công tác quản lý vận hành và sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện của PV Power, huy động tối đa công suất đảm bảo vận hành an toàn, khả dụng, hiệu quả các nhà máy điện. Phấn đấu tổng sản lượng điện sản xuất năm 2022 đạt 13,9 tỷ kWh.
- Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các nhà máy điện khi tham gia thị trường. Đồng thời triển khai các công việc để sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
- Tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các nhà máy điện: Đại tu Nhà máy điện Cà Mau 1, trung tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, đại tu tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1, đại tu Nhà máy điện Đakđrinh, tiểu tu các Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy điện Hủa Na trong năm 2022 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. Triển khai chuẩn bị các điều kiện cho công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các nhà máy điện năm 2023.
- Tiếp tục thực hiện và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã được Chính phủ, Bộ Y tế, các cơ quan Trung ương, địa phương và Tập đoàn ban hành. Thường xuyên cập nhật, dự báo diễn biến của dịch bệnh Covid-19, xây dựng kế hoạch thích ứng an toàn, kiểm soát dịch bệnh đảm bảo phù hợp chiến lược chuyển trạng thái kinh tế - xã hội của Chính phủ và đặc thù hoạt động của đơn vị, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.
- Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với các văn bản của Nhà nước, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và tình hình thực tiễn tại PV Power. Nâng cao công tác quản trị, quản lý, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn tài chính. Đẩy mạnh tiết giảm chi phí, tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Thường xuyên rà soát vật tư thay thế cho sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và vật tư theo Hợp đồng EPC để tồn kho ở mức hợp lý, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tích cực triển khai các giải pháp thu hồi công nợ tiền điện từ EVN/EPTC để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện cung cấp than ổn định, liên tục, dài hạn và triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Triển khai đàm phán giá điện chính thức Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt.
- Triển khai thực hiện các công việc thuộc phạm vi hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa PV Power với PVGas và PTSC.
- Tiếp cận, tham gia cung cấp dịch vụ quản lý tài sản, kỹ thuật vận hành và bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện trong và ngoài ngành.
- Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và xây dựng hệ thống ERP, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các nhà máy điện. Đối với các nhà máy thủy điện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác cắt lũ và đảm bảo thủy lợi.

3.2.2. Công tác đầu tư xây dựng.

- Tập trung kiểm soát tiến độ, tổ chức thực hiện tốt công tác thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 như khởi công EPC dự án, triển khai công tác thiết kế, chế tạo, thi công hạng mục công trình chính,... Hoàn thành ký kết hợp đồng mua bán điện PPA với EPTC và hợp đồng mua bán khí GSA với PV Gas. Hoàn thành công tác thu xếp vốn cho dự án.
- Tiếp tục triển khai hợp tác đầu tư dự án Thủy điện Luang Prabang theo chỉ đạo của Chính phủ/Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Tham gia góp vốn và triển khai công tác chuẩn bị thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện TBKHH Quảng Ninh sau khi được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chấp thuận chủ trương. Thực hiện triển khai các bước chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy điện khí Cà Mau 3, Kho cảng LNG Nam Du khi được cấp thẩm quyền bổ sung Quy hoạch. Tiếp tục nghiên cứu triển khai các dự án điện LNG, năng lượng tái tạo khi có hiệu quả.

3.2.3. Công tác cổ phần hóa, tái cấu trúc

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cấu trúc doanh nghiệp của PV Power, rà soát sắp xếp tổ chức bộ máy từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên theo hướng tinh nhuệ. Thực hiện công tác thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo phương án được phê duyệt để tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power.
- Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa PV Power và quyết toán dự án Nhà máy điện Vũng Áng 1.

3.2.4. Công tác Quan hệ cổ đông

Với mục đích nâng cao hiệu quả và chuyên nghiệp hóa hoạt động quan hệ nhà đầu tư, trong năm 2022, PV Power tiếp tục phát triển thêm nhiều sự kiện kết nối với nhà đầu tư, các công ty chứng khoán, các quỹ đầu tư, truyền thông, báo chí… nhằm truyền tải thông tin về doanh nghiệp một cách rõ ràng và minh bạch nhất; Thực hiện đúng các quy định về công bố thông tin và đối xử bình đẳng với các cổ đông; Chủ động công bố và cập nhật các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản trị doanh nghiệp của Tổng công ty.

3.2.5. Công tác khác

Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường các phong trào, hoạt động đoàn thể.

3.3. Các chỉ tiêu kế hoạch chính

3.3.1. Cơ sở xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

Thứ nhất, căn cứ công suất khả dụng của các nhà máy điện, dự báo tình hình thủy văn, dự báo nhu cầu phụ tải điện quốc gia; kế hoạch cấp sử dụng nhiên liệu (khí/than); kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện; kế hoạch 5 năm 2021-2025 của PV Power và tình hình thực hiện thực tế của PV Power trong 3 năm gần nhất.

Thứ hai, kế hoạch Các văn bản/quy định của Nhà nước về thị trường điện, chính sách thuế, tài chính kế toán...; các hợp đồng mua bán điện ký kết với EVN/EPTC; các hợp đồng mua bán nguyên nhiên vật liệu ký kết với PV Gas/Vinacomin...; các hợp đồng vay vốn, định mức kinh tế kỹ thuật…

Thứ ba, giá dầu 60 USD/thùng, tỷ giá 1 USD = 23.800 VNĐ.

3.3.2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 của PV Power cụ thể như sau:

Số liệu theo kế hoạch đã được Tập đoàn chấp thuận tại Nghị quyết số 439/NQ-DKVN ngày 25/01/2022 về kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022 của PV Power, cụ thể như sau:

Năm 2022, PV Power- Công ty Mẹ triển khai thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; nghiên cứu xúc tiến thực hiện đầu tư dự án trụ sở làm việc Tổng công ty; nghiên cứu xúc tiến và tham gia góp vốn các dự án điện khí LNG và năng lượng tái tạo; triển khai mua sắm trang thiết bị cho phát triển cơ sở hạ tầng để tăng năng lực sản xuất kinh doanh,…

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022
I	**Sản lượng điện**		
1	Toàn Tổng công ty	Triệu kWh	13.909
2	Công ty mẹ	Triệu kWh	9.558
II	**Doanh thu**		
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	24.242
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	16.921
III	**Lợi nhuận trước thuế**		
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	865
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.012
IV	**Lợi nhuận sau thuế**		
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	743
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	900
V	**Nộp NSNN**		
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	1.088
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	602
VI	**Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu**	**%**	**3,2%**
VII	**Tỷ lệ chia cổ tức**	**%**	**0%**
VIII	**Đầu tư xây dựng Công ty mẹ**		
1	Nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	4.989
	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	3.933
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	799
	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	257
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	4.989
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.750
	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	2.239
3	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	4.989
	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.750
	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	2.239

4. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

4.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)
Bảng thông số các chỉ tiêu môi trường toàn Tổng công ty năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	
Nước sạch tiêu thụ:	m^3	2.278.705
Nước mặt làm mát:	m^3	1.581.092.613
Tiêu thụ năng lượng (tỉ lệ điện tự dùng):		6,9%
Tổng lượng khí thải:	triệu m^3	79.353
Tổng lượng nước thải:	m^3	361.819.875
Chất thải rắn thông thường:	tấn	1.039
Tro xỉ nhiệt điện than	tấn	770.069
Chất thải nguy hại:	tấn	155

(1) Trong đó 1.126,8 triệu m^3 nước biển sử dụng tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1;
(2) Trong đó 361.785.699 m^3 nước biển dùng cho hệ thống FGD do Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 sử dụng nước biển để khử lưu huỳnh thay cho hệ thống dùng đá vôi truyền thống.
Tất cả khối lượng chất thải rắn thông thường và nguy hại phát sinh đều được các nhà máy thuê đơn vị đủ năng lực xử lý, nước thải trước khi xả vào môi trường đều được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn. Năm 2021, PV Power và PV Power Hà Tĩnh đã nỗ lực thúc đẩy xử lý, tiêu thụ tro xỉ, kết quả tiêu thụ được 891.250 tấn trong đó 457.490 tấn tro bay trực tiếp tại silo và 433.760 tấn hỗn hợp tro xỉ từ bãi thải xỉ.

4.2. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

PV Power luôn nhận thức một cách cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm của PV Power đối với cộng đồng đặc biệt trong môi trường cạnh tranh, xã hội ngày càng có cái nhìn khắt khe hơn đối với doanh nghiệp về bổn phận, trách nhiệm trước cộng đồng, xã hội. Hiện nay, trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với xã hội ngày càng trở nên quan trọng hơn; Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững không chỉ bảo đảm sản xuất kinh doanh phải có lợi nhuận, mà còn cả những chuẩn mực về bảo vệ môi trường thiên nhiên, môi trường lao động, về thực hiện bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động...

Trong năm 2020, 2021, đại dịch Covid-19 đã gây ra các tổn thất lớn đối với xã hội trên hầu hết các phương diện: sức khỏe của người dân, người lao động bị ảnh hưởng nghiêm trọng, hàng loạt doanh nghiệp phá sản, kinh tế sản xuất đình trệ, PV Power đã đặt mục tiêu đảm bảo cung cấp điện ổn định, đáp ứng đủ theo yêu cầu của các cơ quan chức năng trong mọi bối cảnh, đồng thời hưởng ứng lời kêu gọi từ Chính phủ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam PV Power đã ủng hộ 15 tỷ đồng cho Quỹ vacxin phòng chống dịch Covid-19, hỗ trợ máy thở cho các bệnh viện tỉnh đang bùng phát dịch Covid-19, tài trợ xe cứu thương, và các trang bị, vật tư phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh đồng hành cùng nhà nước vượt qua đại dịch.

Các hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của Tổng công ty được thống nhất triển khai tới toàn bộ các đơn vị thành viên/trực thuộc thông qua việc triển khai các chương trình công tác gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nên ảnh hưởng tốt cho xã hội ở từng địa phương:

01

PV Power và các đơn vị thành viên thường xuyên có các hoạt động tại các địa phương nhằm hỗ trợ cộng đồng cũng như thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp như thực hiện tốt việc quản lý/xử lý tốt chất thải/chất thải độc hại, hưởng ứng các hoạt động thường niên về công tác bảo vệ môi trường, làm sạch bãi biển, trồng cây xanh, khơi thông cống rãnh vào các ngày Môi trường thế giới, ngày Nước thế giới, chiến dịch giờ trái đất …

02

Các đơn vị sản xuất của PV Power có khai thác sử dụng nguồn nước đều đã ký hợp đồng với Quỹ môi trường rừng của địa phương để đóng phí dịch vụ môi trường rừng tương ứng với phần nước khai thác.

03

Các đơn vị vận hành nhà máy thủy điện luôn tuân thủ quy định vận hành liên hồ, thường xuyên phối hợp với địa phương để điều tiết thủy lợi trên lưu vực sông phù hợp với kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đã phối hợp với địa phương trồng rừng, tái định cư các hộ dân tại khu vực lòng hồ đúng quy định.

04

Đối với đơn vị vận hành nhà máy nhiệt điện đều kiểm soát liên tục nguồn nước thải, khí thải đảm bảo tuân thủ quy chuẩn về môi trường; số liệu được hiển thị trên bảng thông tin công khai tại từng nhà máy.

05

Trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh PV Power luôn xem xét phương án hạn chế thấp nhất những tác động bất lợi đến lợi ích của cộng đồng (hạn chế tối đa tác động bất lợi trong sản xuất sinh hoạt tại khu dân cư, khu sản xuất công nghiệp, nông nghiệp..., hạn chế thấp nhất nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn giao thông, lấn chiếm vĩa hè, nguy cơ thiệt hại đến người dân khi xảy ra sự cố cháy nổ...).

06

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua hoạt động đào tạo, tăng cường ứng dụng công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, giảm hao phí xã hội, nâng cao lợi nhuận doanh nghiệp qua sử dụng vốn đầu tư hiệu quả, chi phí thấp. Phối hợp với các tổ chức công đoàn thực thi đầy đủ hoặc cao hơn luật định trách nhiệm về vật chất, tinh thần đối với người lao động của đơn vị.

07

PV Power luôn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội hướng tới cộng đồng: Hoạt động hỗ trợ khắc phục thiên tai, hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các hoạt động hỗ trợ về giáo dục, tích cực tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo …

4.3 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động được sắp xếp, bố trí công việc phù hợp với khả năng và trình độ, chuyên môn; Duy trì việc làm thường xuyên, ổn định cho người lao động, không xảy ra các trường hợp ngừng việc hay mất việc.

Những kiến nghị của người lao động đưa ra tại các buổi đối thoại định kỳ đều được xem xét, xử lý một cách kịp thời và thỏa đáng.

CHƯƠNG 04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.	96
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty	104
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	106

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

1.1. Về thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

1.1.1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Power, với sự lãnh đạo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao; bám sát tình hình diễn biến của dịch bệnh covid-19 và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Thủ tướng về việc cách ly xã hội, đặc biệt triển khai việc cách ly và ưu tiên công tác an toàn cho đội ngũ vận hành/bảo dưỡng sửa chữa trực tiếp tại các nhà máy điện, đảm bảo việc sản xuất kinh doanh thường xuyên của các nhà máy điện. Các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đã đạt được của PV Power năm 2021 như sau:

- Tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty đạt 14,7 tỷ kWh, đạt 79% kế hoạch.
- Doanh thu toàn Tổng công ty đạt 25.293 tỷ đồng, đạt 89% kế hoạch. Trong đó doanh thu Công ty mẹ đạt 18.114 tỷ đồng, đạt 88% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty đạt 2.339 tỷ đồng đạt 151% kế hoạch. Trong đó lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 1.816 tỷ đồng đạt 117% kế hoạch.
- Nộp Ngân sách nhà nước toàn Tổng công ty đạt 1.346 tỷ đồng, bằng 102% kế hoạch. Trong đó Công ty mẹ nộp Ngân sách nhà nước đạt 847 tỷ đồng, bằng 108% kế hoạch.

2.339 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế đạt **151%** kế hoạch

1.346 tỷ đồng
Nộp NSNN đạt **102%** kế hoạch

14,7 tỷ kWh
Tổng sản lượng điện đạt **79%** kế hoạch

25.293 tỷ đồng
Doanh thu đạt **89%** Kế hoạch

1.1.2. Lĩnh vực dịch vụ và kinh doanh khác

- Công tác cung cấp than cho Nhà máy nhiệt điệt Vũng Áng 1: PV Power đã nỗ lực phối hợp với các nhà cung cấp như TKV, Công ty than Đông Bắc để đảm bảo nguồn than sản xuất cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Đối với Hợp đồng mua bán than dài hạn với TKV, hiện Tổng công ty và TKV tiếp tục đàm phán về các nội dung chính của dự thảo Hợp đồng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công tác tìm kiếm bổ sung nguồn than ngoài TKV vẫn trong quá trình thẩm định để lựa chọn nhà cung cấp thực hiện (gói thầu mua bổ sung 450.000 tấn than cho Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1).
- Công tác tiếp cận dịch vụ vận hành, bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là chủ đầu tư: PV Power đã điều động cán bộ kỹ thuật, nhân sự vận hành tham gia hỗ trợ tại Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1; đã xây dựng phương án, chuẩn bị nguồn lực để tham gia cung cấp dịch vụ O&M các nhà máy điện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là chủ đầu tư; đặc biệt tập trung tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ O&M cho Nhà máy điện Sông Hậu 1.

1.2. Công tác kỹ thuật

- Tổng công ty đã xây dựng và phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho năm 2021 tại các nhà máy điện của Tổng công ty nhằm đảm bảo vận hành tiết kiệm và hiệu quả. Trong thời gian tới Tổng công ty sẽ tiếp tục xây dựng các định mức hàng tồn kho, định mức bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ, tiến tới áp dụng chung cho toàn Tổng công ty.
- Công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên các nhà máy điện được thực hiện theo kế hoạch, đảm bảo độ khả dụng của các nhà máy. Trong bối cảnh dịch Covid - 19 diễn ra phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến việc huy động chuyên gia nước ngoài và tiến độ bàn giao vật tư, thiết bị của các Nhà cung cấp, nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và sự quyết tâm của cán bộ công nhân viên, các Nhà máy điện đã đảm bảo an toàn trong công tác vận hành, đáp ứng tiến độ hoàn thành công việc theo yêu cầu.
- Sự cố xảy ra đối với Tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1 (19/9/2021) có ảnh hưởng lớn tới các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 của PV Power. Hội đồng quản trị đã tổ chức họp để nghe Ban điều hành, Tổ điều tra sự cố báo cáo sơ bộ các nội dung liên quan đến sự cố, đồng thời cử đoàn công tác của Hội đồng quản trị vào làm việc trực tiếp tại Nhà máy điện Vũng Áng 1. Hiện tại, Tổng công ty đang tập trung trong công tác điều tra, xử lý khắc phục sự cố của Tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1 để sớm đưa nhà máy vận hành trở lại.

1.3. Công tác thương mại

- Hội đồng quản trị đã xử lý kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị trong công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm vật tư, hàng hóa, nhiên liệu, dịch vụ… phục vụ vận hành, bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện; Thực hiện tăng mạnh phân cấp cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực mua sắm dùng nguồn vốn sản xuất kinh doanh, đảm bảo sự chủ động, kịp thời đáp ứng đủ vật tư hàng hóa, dịch vụ… thay thế trong quá trình bảo dưỡng sửa chữa, đủ nhiên liệu trong vận hành cho các nhà máy điện.
- Ngày 15/12/2021, tại Hà Nội, PV Power và EVN đã ký kết hợp đồng mua bán điện của Nhà máy điện Cà Mau 1&2 để tham gia thị trường điện cạnh tranh. Ngoài ra, công tác bảo hiểm cho các nhà máy điện của PV Power cũng được quan tâm đúng mức, các nhà máy điện của PV Power đều được mua bảo hiểm nhằm giảm thiểu các thiệt hại khi có sự cố/rủi ro xảy ra.

1.4. Công tác đầu tư phát triển

Trong thời gian qua, do chịu tác động của các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 nên công tác xúc tiến đầu tư cũng như chuẩn bị đầu tư các dự án của Tổng công ty gặp rất nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, PV Power đã nỗ lực hết mình cho hoạt động đầu tư và đạt được một số thành quả như sau:

Dự án Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4:

PV Power đã hoàn thành công tác phê duyệt phạm vi công việc và dự toán gói thầu EPC, phê duyệt và phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu vào tháng 3/2021 và ngày 27/01/2022, Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số 65/NQ-ĐLDK phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, theo đó liên danh nhà thầu Samsung Lilama là đơn vị trúng thầu gói thầu EPC Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; Hoàn thành LCNT, ký hợp đồng gói thầu Tư vấn Kỹ thuật dự án (PTC); Thi công san lấp mặt bằng; Thi công xây dựng, lắp đặt hạng mục cấp điện, nước phục vụ thi công Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

Công tác đền bù giải phóng mặt bằng: Trên cơ sở kết luận của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tại cuộc họp ngày 05/5/2021, ngày 31/5/2021, PV Power và Tổng công ty Tín Nghĩa đã tổ chức họp và thống nhất ký Biên bản ghi nhớ (MOU) về kiểm toán chi phí và hoàn trả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng và sử dụng, quản lý cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp. Ngày 23/11/2021, PV Power/Ban quản lý dự án điện đã tổ chức khởi công san lấp mặt bằng xây dựng dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

Hợp đồng mua bán điện (PPA): Đến nay PV Power cùng với EVN/EPTC đã cơ bản thống nhất được về dự thảo hợp đồng, điều kiện điều khoản thanh toán, thông số kỹ thuật bao gồm chi phí vận hành bảo dưỡng biến đổi, chi phí vật tư phụ, khởi động, chạy thử, tổng mức đầu tư và các điều kiện cơ bản tài chính để đưa vào tính giá điện, dự thảo PPA. Hiện các bên vẫn đang tiếp tục đàm phán đối với thông số tỷ suất chiết khấu tài chính (IRR), sản lượng điện hợp đồng (Qc), chi phí thuê mặt bằng và điều khoản liên quan đến khí.

Hợp đồng mua bán khí (GSA): PV Power và PV Gas tiếp tục hoàn thiện nội dung về điều kiện hợp đồng, thời gian thanh toán và cơ cấu công thức tính giá của dự thảo Hợp đồng GSA với mục tiêu ký tắt Hợp đồng GSA. Tuy nhiên, một số thông số chính chưa thể xác định giá trị cụ thể gồm: Khối lượng khí hợp đồng và quy cách chất lượng khí; Lượng khí bao tiêu; Cước phí cung cấp LNG. Liên quan đến vấn đề lượng khí bao tiêu, việc đàm phán phụ thuộc nhiều vào kết quả đàm phán Qc cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 khi tham gia Thị trường điện cạnh tranh. PV Power đã có báo cáo trong đó đề xuất phương án Qc cho nhà máy gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Bộ Công thương, tuy nhiên, hiện vẫn chưa có sự phản hồi và chấp thuận từ các cơ quan có thẩm quyền.

Công tác thu xếp vốn cho dự án: Hội đồng quản trị Tổng công ty đã có Nghị quyết số 97/NQ-ĐLDK ngày 23/9/2021 thông qua lựa chọn tổ hợp Ngân hàng Techcombank và MBbank là tổ hợp hỗ trợ thu xếp vốn cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. Căn cứ Nghị quyết trên, Tổng công ty đã ký thỏa thuận với ngân hàng Techcombank là Ngân hàng đầu mối. Bên cạnh đó, PV Power tiếp tục đàm phán về các nội dung thu xếp vốn ECAs với các nhà thầu EPC của dự án đồng thời làm việc với các tổ chức tín dụng khác để thu xếp vốn theo tiến độ của dự án.

Dự án thủy điện Luangprabang:

Tổng công ty đã hoàn thiện hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài theo thông tin cập nhật từ phía đối tác Luang Prabang Company Limited để phù hợp với các quy định mới về thủ tục đầu tư ra nước ngoài của Bộ Kế hoạch Đầu tư.

Dự án đầu tư trụ sở làm việc của Tổng công ty:

Trên cơ sở Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Tổng công ty đã triển khai nghiên cứu và xây dựng phương án đầu tư cụ thể dự án mua trụ sở văn phòng làm việc thuộc dự án DLC - Complex Nguyễn Tuân, tại Lô C, ô đất 1.14 - HH tuyến phố Láng Hạ - Thanh Xuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân. Hiện nay Tổng công ty đang xem xét, quyết định các nội dung của hợp đồng để ký kết với chủ đầu tư dự án.

Chuỗi dự án kho cảng LNG và Nhà máy điện Cà Mau 3:

Bám sát Văn phòng Chính phủ, Bộ Công Thương, Uỷ ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, Uỷ ban nhân dân tỉnh Cà Mau và các cấp thẩm quyền để bổ sung Kho cảng LNG Nam Du và Nhà máy điện Cà Mau 3 vào Quy hoạch điện 8.

Dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh:

Tiếp tục cùng các đối tác trong Tổ hợp nhà đầu tư PV Power - COLAVI - Tokyo Gas - Marubeni Corp hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh trong quá trình lựa chọn Nhà đầu tư; Đàm phán thành lập liên doanh và làm việc với tư vấn để chuẩn bị công tác lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi.

Dự án cấp khí cho Trung tâm điện lực Nhơn Trạch và đầu tư xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 1A mở rộng:

Tổng công ty phối hợp cùng PV Gas và PTSC triển khai Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) theo định hướng chuỗi liên kết giá trị các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.

Nghiên cứu phát triển năng lượng tái tạo:

Trong năm 2021, PV Power và PV Power REC đang tập trung nghiên cứu, triển khai các dự án năng lượng tái tạo phù hợp với Chiến lược phát triển Tổng công ty.

1.5. Công tác tài chính

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Năm 2021, với sự quyết liệt của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Tổng công ty đã thu hồi đủ khoản phí công suất trong tổng số tiền EVN đơn phương giữ lại tiền điện của Nhà máy điện Cà Mau 1&2.

Việc linh hoạt điều phối giữa dòng tiền gửi và dòng tiền vay vốn lưu động đã đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp khoản thu nhập từ hoạt động tài chính vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty.

Sau hơn 01 năm nỗ lực với phương án tái cấu trúc tài chính của PV Power DHC với Tổ hợp ngân hàng Natixis và AIIB, HĐQT Tổng công ty đã thông qua Phương án tái cấu trúc và giao Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại PV Power DHC thực hiện đàm phán, ký kết hợp đồng tín dụng để đăng ký khoản vay với Ngân hàng Nhà nước. Ngày 14/12/2021, tại trụ sở Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, PV Power DHC và Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng Châu Á đã ký hợp đồng tín dụng trị giá 95 triệu USD.

Trong bối cảnh hiện nay Tổng công ty phải chủ động thu xếp vốn thực hiện đầu tư dự án và sản xuất kinh doanh mà không có bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (cổ đông chi phối), bảo lãnh của Chính phủ, Tổng công ty đang nỗ lực tiếp cận các tổ chức tín dụng, các ngân hàng trong và ngoài nước để tìm nguồn vốn vay hiệu quả cho hoạt động đầu tư của doanh nghiệp.

1.6. Công tác tái cơ cấu, thoái vốn, đổi mới doanh nghiệp

Hội đồng quản trị PV Power đã thông qua Kế hoạch sắp xếp, tái cơ cấu Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP giai đoạn 2021-2025 và triển khai trong năm 2021 với kết quả như sau:

- Công tác thoái vốn: Ngày 19/3/2021, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP đã thực hiện thành công thoái toàn bộ số cổ phần của PV Power tại PV Machino theo phương án khớp lệnh trên sàn Upcom và thu được khoản thu nhập tài chính từ bán cổ phần tại PV Machino là 358 tỷ đồng. Tổng công ty tiếp tục triển khai các bước để thoái toàn bộ vốn tại các công ty liên kết như Công ty CP Việt Lào, Công ty CP EVN Quốc tế...
- Công tác đổi mới doanh nghiệp: Năm 2021, Tổng công ty đã thực hiện điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các Ban chuyên môn để phù hợp với yêu cầu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và toàn Tổng công ty.

1.7. Công tác quản trị doanh nghiệp

- Năm 2021 đã ban hành văn bản về việc phối hợp trong công tác kiểm tra giám sát năm 2021 với Ban Kiểm soát, Ban điều hành Tổng công ty để hạn chế chồng chéo, đảm bảo tiết kiệm và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra giám sát của Tổng công ty; đã hoàn thiện bộ phận Kiểm toán nội bộ thuộc Công ty mẹ và ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ làm cơ sở triển khai thực hiện.
- Từ ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành có hiệu lực, theo đó có nhiều nội dung được sửa đổi, bổ sung. Để kịp thời hoàn thiện, điều chỉnh các quy định nội bộ phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, PV Power đã thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với các Luật mới có hiệu lực và thực tế hoạt động của Tổng công ty. Năm 2021, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của PV Power, quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC.
- PV Power đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty, chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị có vốn góp của PV Power thực hiện biểu quyết/có ý kiến về các nội dung thuộc thẩm quyền, liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty trong quá trình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại các đơn vị theo đúng quy định của pháp luật.

1.8. Công tác lao động, tiền lương

Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch lao động định biên năm 2021 của Công ty mẹ làm cơ sở để Tổng giám đốc quyết định giao định biên cho các đơn vị trực thuộc, tổ chức triển khai công tác sắp xếp, bố trí và tuyển dụng lao động; phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2020 của người lao động, người quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị thành viên; thông qua kế hoạch lao động, tiền lương năm 2021 của Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

1.9. Công tác an toàn sức khỏe môi trường

Năm 2021, công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra an toàn, sức khỏe môi trường được tập trung thực hiện có hiệu quả. Đặc biệt, Tổng công ty đã kịp thời chỉ đạo, chủ động xây dựng phương án ứng phó với dịch Covid-19, thực hiện tiêm phòng đầy đủ, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người lao động, đội ngũ kỹ sư, vận hành viên và bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện góp phần quan trọng trong việc quản lý, vận hành an toàn, hiệu quả các nhà máy điện.

1.10. Công tác an sinh xã hội

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Power cũng luôn quan tâm đến đời sống của người lao động và các hoạt động an sinh xã hội, phù hợp với điều kiện và khả năng của PV Power. Tổng công ty đã tuyên truyền, vận động các cán bộ công nhân viên Tổng công ty tham gia đóng góp, ủng hộ quỹ vacxin, ủng hộ cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động phòng chống dịch bệnh Covid-19, ủng hộ chương trình “Sóng và máy tính cho em” nhằm giúp đỡ các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn có thể học trực tuyến trong điều kiện dịch bệnh Covid -19 lan rộng khắp cả nước và diễn biến phức tạp.

1.11. Công tác quản lý và quan hệ cổ đông

PV Power đã thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời các các nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần đại chúng; Công tác truyền thông cổ phiếu POW ra công chúng và quản lý thông tin trên website của PV Power đảm bảo đúng quy định; chủ động cung cấp thông tin và giải đáp thắc mắc về các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đến các Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, cổ đông…
Tháng 05/2021, PV Power đạt xếp hạng tín nhiệm quốc tế lần đầu ở mức “BB” - triển vọng tích cực do tổ chức Fitch Ratings công bố.
Tháng 06/2021 PV Power tiếp tục lọt top “50 công ty niêm yết tốt nhất” do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn. Đây là năm thứ 3 liên tiếp PV Power được vinh danh.
Tháng 11/2021, PV Power tiếp tục được Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam đánh giá là Doanh nghiệp hiệu quả và minh bạch, là năm thứ 2 liên tiếp PV Power lọt Top 100 Doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam.
PV Power đã thực hiện chi trả cổ tức 2% bằng tiền mặt cho các cổ đông của Tổng công ty.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

- Ban Tổng giám đốc, đứng đầu là Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các Quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty. Tổng giám đốc đã chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của hội đồng quản trị; xây dựng cơ chế làm việc dân chủ, công khai, phân cấp phân quyền cụ thể cho từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc để mỗi người có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao phụ trách. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị chuyên nghiệp, hiện đại để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao để tối đa hóa lợi ích hợp pháp cho Tổng công ty và các cổ đông.

- Với vai trò là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, chịu trách nhiệm cao nhất trong công tác điều hành, Tổng giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xây dựng quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tháng với sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị, các Ban chức năng Tổng công ty, đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc, dự án hoặc nhóm công việc có liên quan để chỉ đạo và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

- Bên cạnh việc tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã chủ động đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp chuyên đề, trao đổi với Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm báo cáo, đánh giá, rà soát các nội dung liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, báo cáo Hội đồng quản trị kịp thời các vấn đề phát sinh về thẩm quyền, phân cấp trong quá trình điều hành. Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh, Ban Tổng giám đốc đã chủ động đề xuất Hội đồng quản trị các giải pháp cần thiết về tài chính, nhân sự, kỹ thuật, thương mại… nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thường xuyên làm việc với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình Sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị trong Tổng công ty.

- Tổng giám đốc đã chỉ đạo thực hiện các giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự, hoàn thành việc xây dựng và triển khai phương án chi lương hiệu quả cho cán bộ công nhân viên gắn với kết quả đánh giá công việc của cán bộ công nhân viên, mục đích tạo động lực, khuyến khích người lao động nỗ lực đóng góp cho sự phát triển chung của Tổng công ty.

- Ban Tổng giám đốc đã tiếp tục tạo điều kiện và phối hợp tốt với các tổ chức Đảng, đoàn thể của Tổng công ty trong việc tổ chức các hoạt động thi đua sản xuất kinh doanh, uống nước nhớ nguồn, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

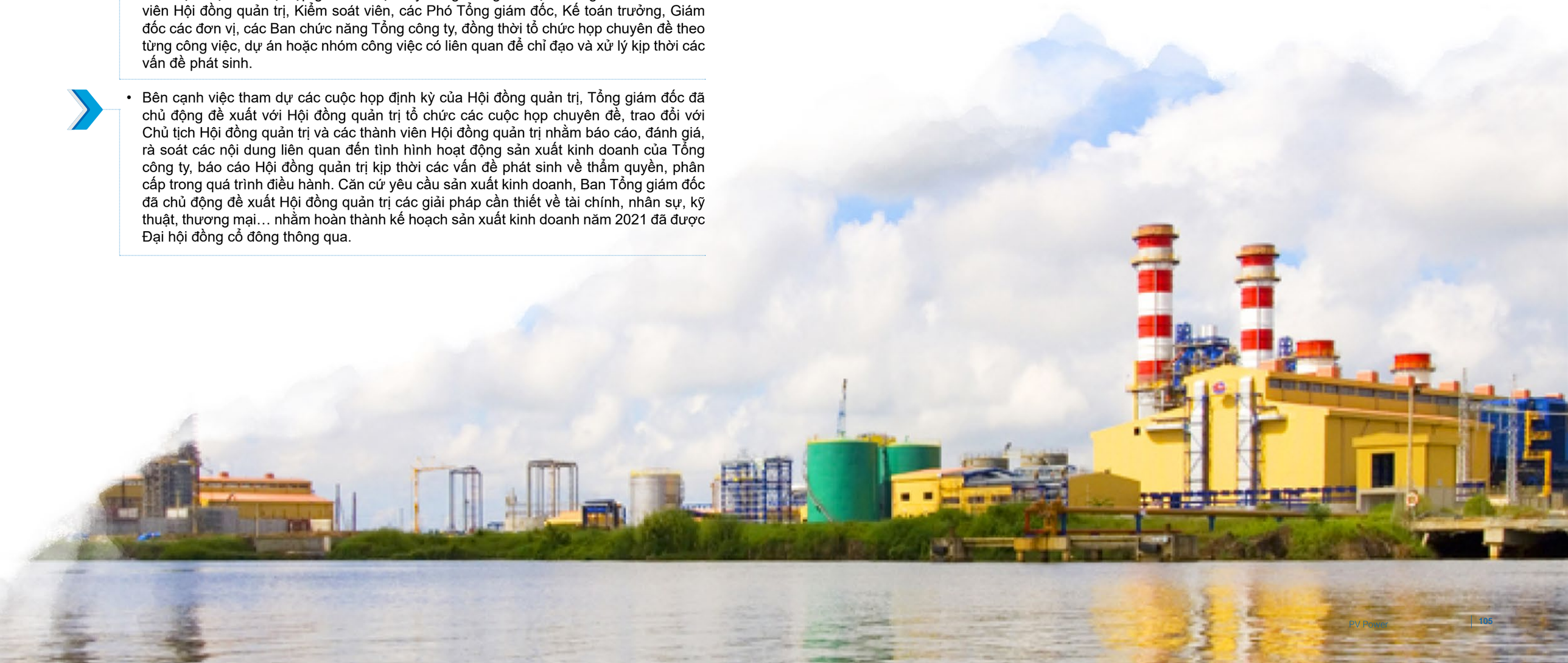

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3.1. Kế hoạch, định hướng chung

Tiếp tục tổ chức bộ máy Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc triển khai các giải pháp nhằm thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp giao ban, các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc để nắm bắt và kịp thời xử lý công việc theo thẩm quyền.

Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các nghị quyết/quyết định/chỉ thị của Hội đồng quản trị và các cấp có thẩm quyền.

Tăng cường phân cấp cho Tổng giám đốc, nâng cao tính chủ động của Ban Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty để đáp ứng nhu cầu thực tế sản xuất và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp.

Tăng cường thực hiện công tác giám sát, quản trị rủi ro đối với hoạt động của Tổng công ty và các công ty thành viên.

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty theo hướng tinh, gọn, hiệu quả; có những chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, kinh doanh, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong công tác môi trường - xã hội, sử dụng năng lượng xanh vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cộng đồng.

3.2. Kế hoạch, định hướng, chỉ đạo cụ thể

3.2.1. Công tác sản xuất kinh doanh

- Xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, cụ thể: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 chi tiết của Tổng công ty phù hợp chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 của PV Power; phương án phân phối lợi nhuận; tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát...;
- Chỉ đạo công tác tổ chức triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng công ty, bao gồm:
    - Quản lý vận hành sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện đảm bảo thiết bị khả dụng cao, huy động tối đa công suất, an toàn, hiệu quả các nhà máy điện; Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các nhà máy điện khi tham gia thị trường; Bám sát việc kiến nghị phân bổ khí khu vực Khí – Điện – Đạm Cà Mau đảm bảo công bằng giá khí trong khu vực, giảm thiểu thiệt hại tài chính của Nhà máy điện Cà Mau 1&2 do chênh lệch chi phí nhiên liệu khí.
- Tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các nhà máy điện: Đại tu Nhà máy điện Cà Mau 1, Trung tu GT11, ST18 NMĐ Nhơn Trạch 1, Đại tu và khắc phục sự cố tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1, Đại tu Nhà máy điện Đakđrinh; Tiểu tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Thủy điện Hủa Na đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. Triển khai chuẩn bị các điều kiện cho công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các nhà máy điện năm 2023.
- Đảm bảo cấp than ổn định, liên tục và dài hạn cho Nhà máy điện Vũng Áng 1; triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Triển khai đàm phán giá điện chính thức Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt.
- Tiếp cận cung cấp dịch vụ quản lý tài sản, kỹ thuật vận hành và bảo dưỡng sửa chữa cho các Nhà máy điện trong và ngoài ngành.
- Tập trung trong công tác quản trị, công tác xây dựng cân đối dòng tiền ngắn hạn và dài hạn để có kế hoạch sử dụng vốn an toàn, hiệu quả, linh hoạt và đúng mục đích; kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên hiệu quả; Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống dịch bệnh Covid -19, phòng chống cháy nổ tại các nhà máy điện.
- Thực hiện chuyển đổi số và đầu tư hạ tầng hệ thống ERP trong năm 2022, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của Tập đoàn.

3.2. Kế hoạch, định hướng, chỉ đạo cụ thể

1

Tổ chức thực hiện tốt công tác thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4: Khởi công EPC dự án, triển khai công tác thiết kế, chế tạo, thi công hạng mục công trình chính...; Hoàn thành ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) với EPTC và hợp đồng mua bán khí (GSA) với PV Gas; Đảm bảo công tác thu xếp vốn phù hợp với tiến độ dự án.

2

Tổ chức triển khai đầu tư trụ sở làm việc của Tổng công ty đảm bảo chặt chẽ, minh bạch, hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.

3

Triển khai các bước chuẩn bị đầu tư dự án Nhà máy điện khí Cà Mau 3 và kho cảng LNG Nam Du sau khi được cấp có thẩm quyền bổ sung Quy hoạch điện và Quy hoạch phát triển Công nghiệp Khí Việt Nam.

4

Tham gia góp vốn để triển khai các công tác chuẩn bị và thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện TBKHH Quảng Ninh.

5

Nghiên cứu, đánh giá các cơ hội đầu tư các dự án điện khí mới và điện Năng lượng tái tạo; Triển khai tiếp khi dự án được đánh giá có hiệu quả.

3.2.3. Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp

- Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa PV Power.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tái cấu trúc doanh nghiệp của PV Power, rà soát sắp xếp tổ chức tinh gọn bộ máy, tiếp tục rà soát sửa đổi và xây dựng mới đồng bộ các văn bản quản lý nội bộ nhằm tăng cường công tác quản lý điều hành đáp ứng yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp.
- Thực hiện công tác thoái vốn tại các đơn vị thành viên theo phương án tái cơ cấu PV Power đã được phê duyệt, tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power.

3.2.4. Công tác quản trị

- Rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với các văn bản của Nhà nước và tình hình hoạt động thực tế tại PV Power; Nâng cao công tác quản trị, quản lý, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn tài chính. Đẩy mạnh tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản lý công tác mua sắm thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Thường xuyên rà soát vật tư thay thế cho sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và vật tư cho Hợp đồng EPC để tồn kho ở mức hợp lý, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tích cực triển khai các giải pháp thu hồi công nợ tiền điện từ EVN/EPTC để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên; tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát/kiểm toán nội bộ của Tổng công ty;
- Tổ chức quản lý, giám sát, đánh giá công tác phối hợp giữa đơn vị với các các Ban chức năng của Tổng công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; việc tuân thủ của Người đại diện đối với các chỉ đạo của Tổng công ty; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm của Người đại diện tại đơn vị; việc thực hiện các quy chế quy định nội bộ của đơn vị và các chỉ đạo của Tổng công ty.

3.2.5. Công tác khác

- Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện và khả năng của Tổng công ty.
- Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động; tăng cường các phong trào, hoạt động đoàn thể.

CHƯƠNG 05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị	112
2. Ban Kiểm soát	117
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát	120

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của PVN
1	Ông Hồ Công Kỳ	Chủ tịch	0,0023%	24,94%
2	Ông Lê Như Linh	Thành viên	0%	20%
3	Ông Phạm Xuân Trường	Thành viên	0,0010%	10%
4	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	0%	5%
5	Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên	0%	10%
6	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	0%	10%
7	Ông Vũ Chí Cường	Thành viên độc lập	0%	0%

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã ban hành 36 Nghị quyết/Quyết định tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty theo hình thức trực tuyến vào ngày 27/5/2021 theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp, đưa ra các quyết nghị mang tính định hướng toàn diện để chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giữa các phiên họp định kỳ, Hội đồng quản trị đã thông qua nhiều chủ trương, quyết sách bằng hình thức họp chuyên đề/xin ý kiến bằng văn bản nhằm đáp ứng tiến độ công việc. Các thành viên Ban Kiểm soát được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Tổng công ty, tạo điều kiện để Ban Tổng giám đốc chủ động trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021.

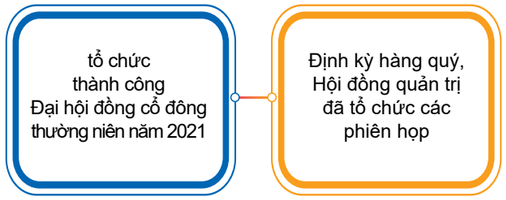

Các Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	60/NQ-ĐHĐCĐ	27/05/2021	Thông qua các nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của PV Power.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	26/QĐ-ĐLDK	15/01/2021	Phê duyệt và ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban liên lạc Hưu trí PV Power	100%
2	05/NQ-ĐLDK	29/01/2021	Thông qua nội dung công bố thông tin của PV Power	100%
3	06/NQ-ĐLDK	29/01/2021	Thông qua nội dung công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020 của PV Power	100%
4	13/NQ-ĐLDK	26/02/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
5	442/QĐ-ĐLDK	09/03/2021	Phê duyệt và ban hành Chính sách chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 90012015 của PV Power	100%
6	451/QĐ-ĐLDK	12/03/2021	Phê duyệt phương án quyết toán quỹ tiền lương năm 2020 của người lao động Công ty mẹ, Người quản lý PV Power	100%
7	29/NQ-ĐLDK	06/04/2021	Thay đổi thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
8	30/NQ-ĐLDK	06/04/2021	Thông qua nội dung công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của PV Power	100%
9	43/NQ-ĐLDK	29/04/2021	Thông qua nội dung công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2021 của PV Power	100%
10	50/NQ-ĐLDK	12/05/2021	Nghị quyết thông qua phương án tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP theo hình thức trực tuyến	100%
11	636/QĐ-ĐLDK	12/05/2021	Phê duyệt kế hoạch định biên lao động năm 2021 của Công ty mẹ PV Power	100%
12	704/QĐ-ĐLDK	01/06/2021	Phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động các đơn vị trong HĐQT PV Power	100%
13	61/NQ-ĐLDK	04/06/2021	Ủng hộ Quỹ vắc xin phòng dịch Covid 19 của Chính phủ	100%
14	751/QĐ-ĐLDK	17/06/2021	Phê duyệt và ban hành "Mục tiêu chất lượng" năm 2021 theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của PV Power	100%

15	70/NQ-ĐLDK	23/06/2021	Thông qua nguyên tắc và kế hoạch thực hiện các khoản chi có tính chất phúc lợi từ chi phí SXKD của Công ty mẹ PV Power năm 2021	100%
16	76/NQ-ĐLDK	12/7/2021	Thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2020 và kế hoạch lao động tiền lương năm 2021 của các đơn vị thành viên thuộc PV Power	100%
17	798/QĐ-ĐLDK	13/7/2021	Phê duyệt Nguyên tắc giao phân bổ quỹ tiền lương cho các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ PV Power	100%
18	842/QĐ-ĐLDK	23/07/2021	Phê duyệt và ban hành Quy chế về tiêu chuẩn chức danh chuyên gia của PV Power	100%
19	82/NQ-ĐLDK	30/07/2021	Thông qua nội dung công bố thông tin của PV Power	100%
20	83/NQ-ĐLDK	30/07/2021	Thông qua nội dung công bố thông tin của PV Power	100%
21	853/QĐ-ĐLDK	05/08/2021	Phê duyệt Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý PV Power	100%
22	85/NQ-ĐLDK	06/08/2021	Thông qua kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty mẹ PV Power năm 2021	100%
23	885/QĐ-ĐLDK	23/08/2021	Phê duyệt quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần	100%
24	890/QĐ-ĐLDK	24/08/2021	Điều chỉnh mức tiền lương chi trả hằng tháng; mức tiền lương tháng làm căn cứ tính đóng, trích nộp khoản bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc của Người quản lý chuyên trách Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP kể từ ngày 01/7/2021	100%
25	89/NQ-ĐLDK	08/09/2021	Thông qua việc tài trợ máy thở, xe cứu thương cho các tỉnh có tình hình dịch bệnh phức tạp trên cả nước	100%
26	91/NQ-ĐLDK	14/09/2021	Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 của PV Power	100%
27	92/NQ-ĐLDK	14/09/2021	Khen thưởng động viên CBCNV trực tiếp sản xuất trong thời gian giãn cách do dịch bệnh Covid 19 tại các Nhà máy điện của Tổng công ty	100%
28	93/NQ-ĐLDK	14/09/2021	Thành lập Phòng Quyết toán thuộc Ban Đầu tư- Xây dựng của PV Power	100%
29	977/QĐ-ĐLDK	4/10/2021	Phê duyệt Quy chế kiểm toán nội bộ của PV Power	100%
30	991/QĐ-ĐLDK	13/10/2021	Phê duyệt kế hoạch tiền lương năm 2021 của người quản lý PV Power	100%
31	103/NQ-ĐLDK	29/10/2021	Thông qua nội dung công bố thông tin của PV Power	100%
32	1075/QĐ-ĐLDK	19/11/2021	Phê duyệt Quy chế hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của PV Power	100%
33	1109/QĐ-ĐLDK	24/11/2021	Phê duyệt kế hoạch hoạt động Quý 4 năm 2021 của Bộ phận Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
34	1147/QĐ-ĐLDK	14/12/2021	Thay đổi Người đại diện phần vốn của PV Power và công tác cán bộ tại PV Power DHC	100%
35	112/NQ-ĐLDK	17/12/2021	Thông qua phương án quyết toán quỹ thưởng người quản lý năm 2020 đối với người quản lý doanh nghiệp - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần	100%
36	119/NQ-ĐLDK	31/12/2021	Thông qua ủng hộ kinh phí mua máy tính bảng cho các cháu học sinh theo chương trình "Sóng và máy tính cho em"	100%

1.4. Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:
Thông tin về thành viên độc lập Hội đồng quản trị năm 2021 của PV Power như sau:

- Bà Nguyễn Hoàng Yến - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị từ ngày 19/4/2019 đến ngày 27/05/2021.

- Ông Vũ Chí Cường - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, được bầu từ ngày 27/05/2021 thay bà Nguyễn Hoàng Yến.

Trong năm 2021, thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy vai trò Hội đồng quản trị độc lập trong việc bảo vệ an toàn vốn của cổ đông, đặc biệt bảo vệ lợi ích của những cổ đông nhỏ và nhóm lợi ích khác liên quan tới Tổng công ty.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm
Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số chứng chỉ hoàn thành khóa học	Đơn vị đào tạo
1	Hồ Công Kỳ	Chủ tịch HĐQT	Số 01QTCT 119QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
2	Lê Như Linh	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	Số 19QTC 48/QĐ-TTNC, ngày cấp: 10/4/2017; Số 05QTCT 119/QĐ-TTNC, ngày cấp 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
3	Vũ Thị Tố Nga	Thành viên HĐQT	Số 03QTC 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
4	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	Số 04QTC 119/QĐ-TTNC, ngày cấp: 27/5/2019	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán

Tháng 6/2021, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tham gia và hoàn thành chương trình đào tạo "Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất: Bài học kinh nghiệm quốc tế cho khối doanh nghiệp Nhà nước" do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của PVN
1	Ông Vũ Quốc Hải	Trưởng Ban Kiểm soát	0%	0%
2	Bà Lý Thị Thu Hương	Thành viên	0,00024%	0%
3	Bà Vũ Thị Ngọc Dung	Thành viên	0,00022%	0%
4	Bà Hà Thị Minh Nguyệt	Thành viên	0%	0%
5	Bà Đoàn Thị Thu Hà	Thành viên	0%	0%

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát

2.2.1 Cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Vũ Quốc Hải	9	9/9	100%
2	Bà Lý Thị Thu Hương	9	9/9	100%
3	Bà Vũ Thị Ngọc Dung	9	9/9	100%
4	Bà Hà Thị Minh Nguyệt	9	9/9	100%
5	Bà Đoàn Thị Thu Hà	9	9/9	100%

2.2.2. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thu xếp vốn, công tác đấu thầu, công tác tái cấu trúc, cổ phần hóa, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp, kiện toàn bộ máy tổ chức tại các đơn vị thành viên, sắp xếp bổ nhiệm, tái bổ nhiệm cán bộ, lao động tiền lương, thưởng tại các đơn vị thành viên và Tổng công ty, thông qua sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định, công văn liên quan đến mọi mặt hoạt động điều hành sản xuất tại Tổng công ty.

Tổng Giám đốc Tổng công ty đã tổ chức các cuộc họp giao ban Tổng công ty định kỳ để chỉ đạo hoạt động của Tổng công ty, triển khai các nghị quyết, quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Ngoài ra đã tổ chức các cuộc họp chuyên đề để xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định hoặc đột xuất để xử lý những đề xuất hoặc vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Công tác ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhìn chung phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, phù hợp với các quy định phân cấp theo thẩm quyền. Chấp hành nghiêm túc các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

2.2.3. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hàng quý theo quy định, tham gia các cuộc họp đột xuất của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Tại các cuộc họp đã đóng góp ý kiến về nội dung, chất lượng, kết quả các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và những vấn đề được xin ý kiến. Đồng thời đã đưa ra các kiến nghị, giải pháp, đề xuất nhằm xử lý các tồn tại bất cập, đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Chủ động thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát đã được phê duyệt, thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và đơn vị được kiểm soát biết nội dung chi tiết, thời gian và địa điểm kiểm soát để Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc biết và phối hợp với Ban Kiểm soát. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các nội dung giám sát định kỳ trực tiếp tại các đơn vị được Ban Kiểm soát thực hiện kiểm soát gián tiếp thông qua hồ sơ đơn vị gửi về, các báo cáo của đơn vị và Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị.
- Kết thúc các hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã tổng hợp đánh giá nhận xét, đề xuất kiến nghị trực tiếp về từng nội dung kiểm soát, từng đối tượng kiểm soát. Kịp thời thông tin những nội dung và kết quả kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc để cùng phối hợp xử lý nhằm vì mục tiêu phát triển chung của Tổng công ty.
- Ban Kiểm soát tuyệt đối tuân thủ các quyết định, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Trong hoạt động kiểm soát và phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát luôn tôn trọng quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Không tham gia biểu quyết, quyết định những nội dung không thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát, hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật khi triển khai hoạt động của mình.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tạo đầy đủ các điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát theo kế hoạch đã đề ra. Tổ chức tiếp nhận thông tin, kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát ngay sau khi nhận được báo cáo kết quả kiểm soát. Triển khai chỉ đạo các đối tượng kiểm soát khắc phục và/hoặc chấn chỉnh theo những đề xuất kiến nghị mà Ban Kiểm soát đã nêu ra.

2.2.4. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Ngoài việc hoạt động theo quy định của pháp luật, quy chế quy định của Tổng công ty, các Kiểm soát viên tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề do Tổng công ty tổ chức nhằm tự nâng cao năng lực chuyên môn về các lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng. Tham gia các chương trình, khóa học đào tạo chuyên môn nghiệp vụ do Tổng công ty tổ chức. Tham gia các sự kiện khác do các tổ chức chính trị xã hội của Tập đoàn Dầu khí, của Tổng công ty tổ chức.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát ước thực hiện năm 2021:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (Bao gồm tiền lương và các khoản khác)
1	Ông Hồ Công Kỳ	Chủ tịch HĐQT	1.289.129.572
2	Ông Lê Như Linh	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	1.290.164.198
3	Ông Phạm Xuân Trường	Thành viên HĐQT	1.163.303.506
4	Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên HĐQT	1.218.107.487
5	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	1.171.111.948
6	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	811.853.017
7	Ông Vũ Chí Cường	Thành viên độc lập HĐQT	488.665.090
8	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Phó Tổng giám đốc	1.216.150.446
9	Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng giám đốc	1.188.344.317
10	Ông Phan Đại Thành	Nguyên Phó Tổng giám đốc (đến ngày 06/7/2021)	811.073.724
11	Ông Nguyễn Mạnh Tưởng	Phó Tổng giám đốc	1.215.943.441
12	Ông Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng giám đốc	1.197.937.641
13	Ông Phan Ngọc Hiền	Phó Tổng giám đốc	1.185.243.207
14	Ông Nguyễn Kiên	Phó Tổng giám đốc	1.184.594.965
15	Ông Vũ Quốc Hải	Trưởng Ban kiểm soát	1.187.175.154
16	Bà Lý Thị Thu Hương	Thành viên BKS	1.106.708.932
17	Bà Vũ Thị Ngọc Dung	Thành viên BKS	1.087.960.480
18	Bà Hà Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS	1.070.848.846
19	Bà Đoàn Thị Thu Hà	Thành viên BKS	766.656.492
20	Ông Chu Quang Toản	Kế toán trưởng	1.126.252.259

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bà Vũ Thị Ngọc Dung - Thành viên Ban Kiểm soát		25.200	0,00108%	5.200	0,00022 %	Bán CP

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

01

Về cơ bản, PV Power luôn tuân thủ các quy định về quản trị Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng, đội ngũ quản trị của Tổng công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động Sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

02

Tính đến 31/12/2021, Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Tổng công ty thì số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải là 2 người. PV Power đã có văn bản giải trình Ủy ban chứng khoán nhà nước/HOSE về nội dung này và trong năm 2022 sẽ xin ý kiến cổ đông để bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị để đáp ứng số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

** Báo cáo tài chính Công ty mẹ được công bố tại website: www.pvpower.vn*

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Công Kỳ	*Chủ tịch*
Ông Lê Như Linh	*Thành viên*
Bà Vũ Thị Tố Nga	*Thành viên*
Bà Nguyễn Hoàng Yến	*Thành viên*
Ông Nguyễn Anh Tuấn	*Thành viên*
Ông Vũ Chí Cường	*Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2021)*
Ông Phạm Xuân Trường	*Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2021)*

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Như Linh	*Tổng Giám đốc*
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	*Phó Tổng Giám đốc*
Ông Nguyễn Duy Giang	*Phó Tổng Giám đốc*
Ông Nguyễn Mạnh Tưởng	*Phó Tổng Giám đốc*
Ông Nguyễn Minh Đạo	*Phó Tổng Giám đốc*
Ông Nguyễn Kiên	*Phó Tổng Giám đốc*
Ông Phan Ngọc Hiền	*Phó Tổng Giám đốc*
Ông Phan Đại Thành	*Phó Tổng Giám đốc(Không còn là thành viên Ban Tổng Giám đốc từ ngày 06 tháng 7 năm 2021)*

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

• Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
• Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
• Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
• Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
• Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: *Các cổ đông*
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2022, từ trang 5 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Phạm Nam Phong
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2019-001-1

Nguyễn Công Cương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3992-2022-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2022
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**18.420.179.698.256**	**16.897.192.989.427**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**4**	**8.223.693.034.528**	**7.069.700.305.112**
1.	Tiền	111		263.693.034.528	927.095.604.180
2.	Các khoản tương đương tiền	112		7.960.000.000.000	6.142.604.700.932
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**5**	**531.217.428.970**	**788.595.201.755**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		531.217.428.970	788.595.201.755
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**5.799.389.305.021**	**7.195.677.600.318**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.343.081.983.110	7.776.376.709.973
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	182.098.259.326	97.118.304.273
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	355.455.711.956	323.124.628.598
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(81.246.649.371)	(1.000.942.042.526)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**10**	**1.837.762.461.182**	**1.727.999.115.630**
1.	Hàng tồn kho	141		1.837.762.461.182	1.736.252.781.133
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(8.253.665.503)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**2.028.117.468.555**	**115.220.766.612**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.608.342.332.820	50.945.330.946
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		283.285.031.001	63.987.739.528
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	136.490.104.734	287.696.138
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**34.556.738.258.669**	**37.152.953.610.146**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**298.163.000**	**3.262.294.619**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	1.268.440.794
2.	Phải thu dài hạn khác	216	8	298.163.000	1.993.853.825
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**31.868.871.223.944**	**34.614.390.170.422**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	31.834.870.010.707	34.547.539.161.652
	- Nguyên giá	*222*		*69.669.576.957.275*	*69.598.352.871.503*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(37.834.706.946.568)*	*(35.050.813.709.851)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	34.001.213.237	66.851.008.770
	- Nguyên giá	*228*		*92.706.318.727*	*120.869.485.394*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(58.705.105.490)*	*(54.018.476.624)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		-	-
	- Nguyên giá	*231*		-	*17.545.622.940*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		-	*(17.545.622.940)*
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**405.420.688.181**	**250.987.647.245**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	405.420.688.181	250.987.647.245
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**827.903.601.323**	**1.027.824.922.471**
1.	Đầu tư vào công ty liên kết	252	5	449.829.926.176	458.974.091.681
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	413.573.456.500	604.520.976.073
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(35.499.781.353)	(35.670.145.283)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**1.454.244.582.221**	**1.256.488.575.389**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	649.881.386.297	564.711.042.501
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	14.592.198.454	135.622.632.816
3.	Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263	16	789.770.997.470	554.089.718.607
4.	Lợi thế thương mại	269		-	2.065.181.465
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**52.976.917.956.925**	**54.050.146.599.573**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**21.851.540.246.332**	**22.783.553.220.099**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**17.747.581.718.530**	**16.479.836.233.321**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	7.239.989.131.772	4.649.173.698.344
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.605.664.403	22.183.434.489
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	227.349.134.645	293.127.810.087
4.	Phải trả người lao động	314		231.720.643.808	218.642.140.172
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.017.229.628.854	1.090.647.961.516
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.005.508.387
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.352.555.482.888	1.980.644.729.308
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	5.704.807.422.912	7.018.700.714.605
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	918.113.948.095	1.175.972.431.723
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		50.210.661.153	29.737.804.690
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**4.103.958.527.802**	**6.303.716.986.778**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	20	405.403.444	857.644.907
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	2.753.012.100.936	5.391.220.150.825
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	1.660.129.075	-
4.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	1.231.061.652.544	790.061.652.540
5.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	117.819.241.803	121.577.538.506
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**31.125.377.710.593**	**31.266.593.379.474**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**25**	**31.125.377.710.593**	**31.266.593.379.474**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.418.716.000.000	23.418.716.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*23.418.716.000.000*	*23.418.716.000.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(274.807.025)	(274.807.025)
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		225.720.372.645	225.662.145.738
4.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(191.305.728.000)	(191.305.728.000)
5.	Quỹ đầu tư phát triển	418		2.174.558.130.932	782.216.585.311
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.010.430.220.648	4.302.230.689.261
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*1.211.876.178.592*	*1.937.215.795.820*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*1.798.554.042.056*	*2.365.014.893.441*
7.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.487.533.521.393	2.729.348.494.189
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**52.976.917.956.925**	**54.050.146.599.573**

Quách Thị Hồng Liên
Người lập

Chu Quang Toản
Kế toán trưởng

Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**28**	**24.560.949.330.329**	**29.731.733.707.513**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**24.560.949.330.329**	**29.731.733.707.513**
4.	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	29	22.020.951.407.015	25.151.638.635.576
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**2.539.997.923.314**	**4.580.095.071.937**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	689.859.994.612	439.870.134.267
7.	Chi phí tài chính	22	32	652.802.199.566	999.377.552.484
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*509.644.391.365*	*809.234.511.179*
8.	Phần lãi trong công ty liên kết	24		*22.487.408.373*	*44.123.893.428*
9.	Chi phí bán hàng	25	33	9.426.420.660	35.159.174.296
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	130.934.373.388	1.174.311.774.374
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))**	**30**		**2.459.182.332.685**	**2.855.240.598.478**
12.	Thu nhập khác	31	34	19.838.218.070	30.384.633.273
13.	Chi phí khác	32	35	139.720.271.858	10.527.797.258
14.	**(Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**(119.882.053.788)**	**19.856.836.015**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**2.339.300.278.897**	**2.875.097.434.493**
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	36	164.456.564.043	344.116.937.614
17.	Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	122.690.563.437	(131.685.587.645)
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**2.052.153.151.417**	**2.662.666.084.524**
	Trong đó:				
	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.798.554.042.056	2.365.014.893.441
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		253.599.109.361	297.651.191.083
19.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**37**	**757**	**928**

Quách Thị Hồng Liên
Người lập

Chu Quang Toản
Kế toán trưởng

Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***2.339.300.278.897***	***2.875.097.434.493***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.817.966.830.053	2.823.855.462.192
	Các khoản dự phòng	03	(522.141.322.998)	1.571.440.776.832
	(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(40.636.879.981)	5.525.689.260
	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(618.716.824.288)	(386.841.040.474)
	Chi phí lãi vay	06	509.644.391.365	809.234.511.179
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***4.485.416.473.048***	***7.698.312.833.482***
	Thay đổi các khoản phải thu	09	1.741.937.232.933	1.294.539.596.750
	Thay đổi hàng tồn kho	10	(391.235.453.586)	(240.536.582.129)
	Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.056.772.698.058	675.813.619.975
	Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.692.655.832.110)	(115.704.626.160)
	Tiền lãi vay đã trả	14	(531.842.668.922)	(893.368.318.908)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(340.041.742.449)	(329.771.300.000)
	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	25.380.000	23.000.000
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(181.642.665.895)	(132.651.248.003)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***5.146.733.421.077***	***7.956.656.975.007***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(285.746.698.682)	(145.573.872.673)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.945.727.273	3.251.078.268
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(499.599.227.215)	(510.674.411.339)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	568.977.000.000	380.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(53.369.864.147)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	525.636.630.123	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	304.771.147.002	374.075.946.447
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***562.614.714.354***	***101.078.740.703***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm nay
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	125.130.000.000
2.	Tiền thu từ đi vay	33	14.980.777.529.361	14.184.792.268.744
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.825.925.747.278)	(19.356.058.770.319)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(710.198.848.892)	(1.025.180.355.668)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(4.555.347.066.809)***	***(6.071.316.857.243)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**1.154.001.068.622**	**1.986.418.858.467**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**7.069.700.305.112**	**5.083.277.330.894**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(8.339.206)	4.115.751
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**8.223.693.034.528**	**7.069.700.305.112**

Quách Thị Hồng Liên	Chu Quang Toản	Lê Như Linh
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 1795/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Công ty mẹ của Tổng Công ty). Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 23.418.716.000.000 VND theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty có Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (thay đổi lần thứ 15) ngày 01 tháng 2 năm 2021.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 12 năm 2018 và chính thức giao dịch từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 với mã chứng khoán là POW.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.135 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.181).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

Sản xuất điện năng; Kinh doanh, bán điện công nghiệp, tiêu dùng; Quản lý, vận hành các nhà máy điện; Dịch vụ đào tạo các khóa học ngắn hạn, chuyên đề về một số lĩnh vực trong công nghiệp; Dịch vụ cung cấp lao động có tay nghề trong vận hành, bảo dưỡng các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Cung cấp dịch vụ quản lý cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây dựng các nhà máy điện, các công trình trong ngành điện; Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, lưới điện trung thế, hạ thế; Đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập; Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch; Dịch vụ mua sắm các hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Buôn bán thiết bị vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin; Cung cấp giải pháp giảm phát khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng; Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: Điện sức gió, điện mặt trời, điện nguyên tử; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện; Cho thuê phương tiện vận tải, cẩu, kéo; Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu; Xuất nhập khẩu năng lượng, nguyên vật liệu, thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có các dự án đầu tư nhà máy điện đã phát điện thương mại là Nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 tỉnh Cà Mau, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 tỉnh Đồng Nai, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 tỉnh Hà Tĩnh, Nhà máy Thủy điện Hủa Na tỉnh Nghệ An và Nhà máy Thủy điện Đakđrinh tỉnh Quảng Ngãi. Tổng Công ty có các dự án đầu tư nhà máy điện đang trong quá trình xây dựng cơ bản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Chuyển nhượng 100% cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Như trình bày tại Thuyết minh số 31, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 19.931.430 cổ phần, tương đương 100% cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (Công ty con của Tổng Công ty) theo phương thức khớp lệnh trên sàn Upcom vào tháng 3 năm 2021. Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của công ty con tại ngày chuyển nhượng được trình bày dưới đây:

	Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả tại ngày chuyển nhượng VND
Tài sản ngắn hạn	**338.587.065.862**
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.223.118.941
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	188.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	71.607.673.600
Hàng tồn kho	51.778.673.769
Tài sản ngắn hạn khác	4.977.599.552
Tài sản dài hạn	**292.836.224.240**
Các khoản phải thu dài hạn	2.764.131.619
Tài sản cố định	54.704.715.016
Tài sản dở dang dài hạn	449.716.363
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	184.879.611.353
Tài sản dài bạn khác	50.038.049.889
Nợ phải trả	**138.743.873.641**
Nợ ngắn hạn	129.848.933.275
Nợ dài hạn	8.894.940.366
Tài sản thuần	**492.679.416.461**

Sự cố kỹ thuật Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Tháng 9 năm 2021, Tổ máy số 1 thuộc Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 của Tổng Công ty gặp sự cố kỹ thuật và phải tạm dừng hoạt động để phục vụ sửa chữa. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và các bên liên quan đang trong quá trình làm việc để sửa chữa cũng như thống nhất phạm vi và số tiền bảo hiểm được đền bù cho việc sửa chữa và trong giai đoạn dừng hoạt đông.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần - Công ty cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí.
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật.
Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thuỷ điện Hủa Na	Nghệ An	80,72%	80,72%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Đồng Nai	59,37%	59,37%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thuỷ điện Đakđrinh	Quảng Ngãi	95,27%	95,27%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	51,00%	51,00%	Dịch vụ
Công ty Cổ phần Năng lượng Tái tạo Điện lực Dầu khí	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất điện
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	20,16%	20,16%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Hồng	Yên Bái	44,07%	44,07%	Sản xuất điện

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con hoặc công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, hoặc các khoản nợ phải thu được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	5 – 15
Thiết bị văn phòng	3 – 7
Tài sản cố định hữu hình khác	3 – 12

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài; chi phí bảo hiểm tài sản và vận hành nhà máy; chi phí trung tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2; phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị; chi phí nhiên liệu khí bao tiêu trả trước của nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2; chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, trả trước tiền thuê văn phòng, tiền thuê đất; chi phí cải tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí bảo hiểm tài sản và vận hành nhà máy được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay, hợp đồng bảo hiểm.

Khoản chi phí trung tu và đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng dài hạn đã ký kết.

Khoản chi phí nhiên liệu khí bao tiêu trả trước của nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 là phần chênh lệch giữa chi phí mua khí theo bao tiêu và chi phí mua khí thực tế dưới mức bao tiêu.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời hạn thuê trả trước.

Các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải trả về chi phí sửa chữa lớn các nhà máy điện của Tổng Công ty được ghi nhận trong năm dựa theo dự toán đã được cấp có thẩm quyền của Tổng Công ty phê duyệt hoặc hợp đồng sửa chữa lớn dài hạn đã ký với nhà thầu, phù hợp với thực tế hoạt động và chu kỳ sửa chữa lớn của từng nhà máy điện.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hết 70% trong vòng 5 năm kể từ khi trích lập quỹ, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên số tiền quỹ còn lại và phần lãi trả chậm phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, dựa trên tình hình sử dụng quỹ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trích lập thêm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá tại thời điểm trả nợ gốc vay của khoản vay để đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và tỷ giá trong phương án giá điện của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được ghi nhận khi có phê duyệt của Bộ Công thương và các biên bản đàm phán liên quan đến chênh lệch tỷ giá nói trên.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với dự án Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng 1, theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/KKT ngày 12 tháng 02 năm 2008 (ban hành cùng Giấy Chứng nhận đầu tư số 28221000009 ngày 12 tháng 02 năm 2008) do Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh cấp, thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này được hưởng mức 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, được miễn trong thời gian 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Khi dự án hoàn thành đầu tư đi vào hoạt động sẽ trình Thủ tướng Chính phủ cho hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án. Năm 2021 là năm đầu tiên Nhà máy điện Vũng Áng 1 hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp trên mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%.

Đối với Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 – Công ty con của Tổng Công ty) có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo. NT2 được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2021 là năm thứ bảy NT2 áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ. Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm

2013, Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (HHC - Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động, được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên HHC có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với Nhà máy Thủy điện Đakđrinh, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 34121000029 ngày 25 tháng 6 năm 2008, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh (Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (nay được thay thế bởi Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013).

Các công ty con và các nhà máy khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.712.595.167	3.902.768.290
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	261.980.439.361	923.192.835.890
Các khoản tương đương tiền (ii)	7.960.000.000.000	6.142.604.700.932
	8.223.693.034.528	7.069.700.305.112

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm: VND 32.592.581.390 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 30.742.489.669 VND) là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang tạm dừng giao dịch. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 3,1%/năm đến 4%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	531.217.428.970	531.217.428.970	788.595.201.755	788.595.201.755
	531.217.428.970	531.217.428.970	788.595.201.755	788.595.201.755

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và lãi suất từ 3,5%/năm đến 6,6%/năm.

b. Đầu tư tài chính dài hạn

b1. Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	20,16	20,16	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Yên Bái	44,07	44,07	Sản xuất điện

Giá trị đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	401.619.327.938	414.795.315.729
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	48.210.598.238	44.178.775.952
	449.829.926.176	458.974.091.681

Chi tiết điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Giá gốc VND	Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	302.295.301.000	99.324.026.938	401.619.327.938
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	32.887.500.000	15.323.098.238	48.210.598.238
	335.182.801.000	114.647.125.176	449.829.926.176

b2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	320.049.656.500	-	320.049.656.500	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3	29.341.800.000	5.897.544.290	29.341.800.000	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	28.800.000.000	-	28.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	18.202.000.000	18.202.000.000	18.202.000.000	18.202.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	11.140.000.000	11.140.000.000	11.140.000.000	11.140.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	5.040.000.000	-	5.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí	1.000.000.000	260.237.063	1.000.000.000	260.237.063
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	-	-	81.741.478.800	-
Công ty TNHH FCC Việt Nam	-	-	49.495.000.000	-
Công ty TNHH Phụ tùng Xe máy Ôtô Showa Việt Nam	-	-	36.673.137.983	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	-	-	3.621.000.000	1.432.005.430
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí Việt Nam	-	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	-	-	2.016.000.000	2.016.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà Sông Đà	-	-	1.228.800.000	1.228.800.000
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	-	-	841.102.790	841.102.790
Công ty Cổ phần Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương	-	-	550.000.000	550.000.000
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	-	-	11.781.000.000	-
	413.573.456.500	**35.499.781.353**	**604.520.976.073**	**35.670.145.283**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**5.282.664.009.580**	**7.710.169.992.018**
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.263.860.555.879	7.710.169.992.018
Các khách hàng khác	18.803.453.701	274.042.882.319
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan	**60.417.973.530**	**66.206.717.955**
(Chi tiết tại Thuyết minh số 40)	60.417.973.530	66.206.717.955
	5.343.081.983.110	**7.776.376.709.973**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	**181.618.259.326**	**93.185.186.979**
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sài Gòn	30.885.000.000	
Fichtner GmbH & CoKG	26.967.260.750	
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	19.594.450.286	
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	9.825.643.169	9.825.643.169
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.045.317.471	7.045.317.471
Công ty TNHH 45	4.593.493.781	4.593.493.781
Công ty TNHH Đại Hiệp	3.419.663.484	3.419.663.484
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Phú Thái		10.635.634.470
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi		6.570.785.550
Các đối tượng khác	79.287.430.385	51.094.649.054
b. Trả trước cho các bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 40)	480.000.000	3.933.117.294
	182.098.259.326	**97.118.304.273**

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	218.489.976.676	218.489.976.676
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	42.367.096.096	24.643.008.855
Phải thu Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (ii)	20.217.829.253	20.217.829.253
Phải thu ngắn hạn khác	74.380.809.931	59.773.813.814
	355.455.711.956	**323.124.628.598**
Trong đó:		
Phải thu khác ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 40)	**244.092.693.815**	**244.456.770.048**
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	298.163.000	1.993.853.825
	298.163.000	**1.993.853.825**

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 218.489.976.676 VND phản ánh khoản phải thu phần giá trị Sân phân phối 500 kV phân bổ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 đã bàn giao về Tập đoàn theo Nghị quyết số 8642/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận nhận lại giá trị tài sản Sân phân phối 500kV mà Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã chuyển giao cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là "Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần") tại Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

(ii) Phải thu Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 20.217.829.253 VND chủ yếu phản ánh khoản phải thu chi phí hoạt động của Ban Chuẩn bị Sản xuất Vũng Áng 1 và chi phí đào tạo học viên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm VND			Số đầu năm VND		
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá trị có thể thu hồi được**	**Giá gốc**	**Dự phòng**	**Giá trị có thể thu hồi được**
Giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi						
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC-EVN")	115.850.778.145	64.738.012.155	51.112.765.990	825.733.549.718	769.611.843.321	56.121.706.397
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	7.860.374.881	7.860.374.881		8.179.082.781	8.179.082.781	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.045.317.471	7.045.317.471		7.045.317.471	7.045.317.471	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng				96.856.865.496	96.856.865.496	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar				33.627.654.160	33.627.654.160	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí IMICO				15.381.516.087	15.381.516.087	
Các đối tượng khác	2.714.279.949	1.602.944.864	1.111.335.085	71.351.098.295	70.239.763.210	1.111.335.085
	133.470.750.446	81.246.649.371	52.224.101.075	1.058.175.084.008	1.000.942.042.526	57.233.041.482

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	**Dự phòng**	Giá gốc	**Dự phòng**
Nguyên liệu, vật liệu	1.824.164.361.041		1.649.849.871.891	(5.810.004.598)
Công cụ, dụng cụ	1.683.401.264		481.122.025	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.914.698.877		34.498.929.400	
Hàng hóa			51.422.857.817	(2.443.660.905)
	1.837.762.461.182		1.736.252.781.133	(8.253.665.503)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	8.253.665.503	**6.365.454.146**
Tăng dự phòng trong năm		5.131.353.717
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(8.253.665.503)	(3.243.142.360)
Số dư cuối năm		8.253.665.503

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí nhiên liệu khí bao tiêu của Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 (i)	1.525.208.230.131	
Bảo hiểm tài sản và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	45.683.417.595	15.218.028.592
Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và 2	13.757.046.824	23.366.343.768
Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2	12.796.725.394	7.486.620.597
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.896.912.876	4.874.337.989
	1.608.342.332.820	50.945.330.946
b. Dài hạn		
Chi phí nhiên liệu khí bao tiêu của Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 (i)	328.147.528.756	
Chi phí trung tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ (ii)	125.878.822.858	176.458.277.759
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 (iii)	57.980.561.151	84.957.009.590
Chi phí sửa chữa tài sản khác	53.400.542.599	59.806.954.132
Tiền thuê đất	38.978.108.689	43.157.422.727
Chi phí thuê văn phòng	22.863.998.037	25.499.880.720
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2	18.463.004.046	18.790.829.448
Lợi thế kinh doanh		28.542.933.921
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng		26.637.025.907
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.168.820.161	100.860.708.297
	649.881.386.297	564.711.042.501

(i) Chi phí nhiên liệu khí bao tiêu trả trước của Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 phản ánh phần chênh lệch giữa chi phí mua khí theo bao tiêu và chi phí mua khí thực tế dưới mức bao tiêu với Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần trong năm 2021. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần về việc xem xét điều chỉnh giảm mức bao tiêu khí năm 2021 cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1.

(ii) Chi phí trung tu mở rộng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 tại 75.000 giờ vận hành EOH phát sinh khi nhà máy đạt đến 75.000 giờ vận hành EOH và Tổng Công ty thực hiện việc trung tu định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Giá trị tạm tính chi phí trung tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 tại 75.000 giờ EOH là 189,1 tỷ đồng và chi phí này được được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo số giờ EOH thực tế trong vòng 25.000 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy tiếp theo.

(iii) Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) và liên danh Siemens AG/Siemens Ltd. Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ (EOH) cho mỗi tổ máy, phí huy động, phí biến đổi và phí cố định được thanh toán trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**18.220.417.175.808**	**48.734.673.995.205**	**324.767.746.181**	**183.267.924.640**	**2.135.226.029.669**	**69.598.352.871.503**
Tăng trong năm	557.554.876	17.144.940.669	3.600.466.353	32.638.790.478	127.863.636	54.069.616.012
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	35.777.105.011	126.089.164	-	2.166.911.614	829.656.985	38.899.762.774
Cải tạo, nâng cấp	-	1.435.618.273	-	16.560.000	-	1.452.178.273
Thanh lý, nhượng bán	-	(226.232.208)	(9.626.445.168)	(862.717.041)	-	(10.715.394.417)
Giảm do thanh lý công ty con	(37.100.022.317)	(1.625.550.000)	(7.657.788.085)	(1.351.769.876)	-	(47.735.130.278)
Phân loại lại	(536.331.000)	536.331.000	-	-	-	-
Tăng khác	-	35.222.698.863	-	30.354.545	-	35.253.053.408
Số dư cuối năm	**18.219.115.482.378**	**48.787.287.890.966**	**311.083.979.281**	**215.906.054.360**	**2.136.183.550.290**	**69.669.576.957.275**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	**6.185.620.775.699**	**28.031.815.422.898**	**255.785.360.213**	**133.238.619.630**	**444.353.531.411**	**35.050.813.709.851**
Trích khấu hao vào chi phí trong năm	796.504.165.258	1.893.066.228.899	15.408.424.914	17.357.957.355	89.654.777.696	2.811.991.554.122
Trích khấu hao vào xây dựng cơ bản dở dang trong năm	-	-	113.696.847	575.487.841	-	689.184.688
Thanh lý, nhượng bán	-	(226.232.208)	(9.626.445.168)	(862.717.041)	-	(10.715.394.417)
Giảm do thanh lý công ty con	(13.414.636.677)	(618.069.089)	(6.677.012.006)	(759.705.854)	-	(21.469.423.626)
Phân loại lại	(89.551.619)	89.551.619	-	-	-	-
Tăng khác	282.616.350	3.114.699.600	-	-	-	3.397.315.950
Số dư cuối năm	**6.968.903.369.011**	**29.927.241.601.719**	**255.004.024.800**	**149.549.641.931**	**534.008.309.107**	**37.834.706.946.568**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	**12.034.796.400.109**	**20.702.858.572.307**	**68.982.385.968**	**50.029.305.010**	**1.690.872.498.258**	**34.547.539.161.652**
Tại ngày cuối năm	**11.250.212.113.367**	**18.860.046.289.247**	**56.079.954.481**	**66.356.412.429**	**1.602.175.241.183**	**31.834.870.010.707**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.676.734.310.315 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 15.645.855.635.255 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã thế chấp một phần tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 31.898.949.273.351 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	**60.611.673.157**	**60.257.812.237**	**-**	**120.869.485.394**
Tăng trong năm	-	482.366.533	1.299.496.364	1.781.862.897
Thanh lý hoặc nhượng bán	-	(133.000.000)	-	(133.000.000)
Giảm do thanh lý công ty con	(29.200.784.564)	(611.245.000)	-	(29.812.029.564)
Số dư cuối năm	**31.410.888.593**	**59.995.933.770**	**1.299.496.364**	**92.706.318.727**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	**2.072.433.348**	**51.946.043.276**	**-**	**54.018.476.624**
Khấu hao trong năm	363.868.651	5.583.206.595	28.200.685	5.975.275.931
Trích khấu hao vào Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	217.374.135	217.374.135
Thanh lý hoặc nhượng bán	-	(133.000.000)	-	(133.000.000)
Giảm do thanh lý công ty con	(774.158.464)	(598.862.736)	-	(1.373.021.200)
Số dư cuối năm	**1.662.143.535**	**56.797.387.135**	**245.574.820**	**58.705.105.490**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	**58.539.239.809**	**8.311.768.961**	**-**	**66.851.008.770**
Tại ngày cuối năm	**29.748.745.058**	**3.198.546.635**	**1.053.921.544**	**34.001.213.237**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 34.895.997.802 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 27.183.992.927 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	250.987.647.245	**220.091.508.176**
Phát sinh trong năm	455.890.632.640	400.953.164.061
Kết chuyển sang tài sản cố định	(38.899.762.774)	(66.323.339.213)
Ghi nhận vào chi phí	(262.108.112.567)	(302.316.831.233)
Giảm do thoái vốn công ty con	(449.716.363)	
Giảm khác		(1.416.854.546)
Số cuối năm	405.420.688.181	250.987.647.245

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Thủy điện Luang Prabang (*)	131.564.171.361	131.564.171.361
Dự án Nhà máy Điện khí Nhơn Trạch 3, 4 (**)	116.128.777.162	57.008.656.021
Dự án Tiểu khu 2 Nhơn Trạch	25.703.457.197	25.703.457.197
Nhà máy Thủy điện Hủa Na	21.813.103.273	20.465.053.569
Các dự án khác	110.211.179.188	16.246.309.097
	405.420.688.181	**250.987.647.245**

(*) Theo Thỏa thuận tái cấu trúc cơ cấu vốn góp tại Công ty TNHH Năng Lượng Luang Prabang, Biên bản ghi nhớ và Thỏa thuận Cổ đông điều chỉnh ngày 9 tháng 11 năm 2020 giữa Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCT và Công ty TNHH PT Sole, tỷ lệ góp vốn đầu tư của Tổng Công ty vào Dự án là 10% .Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang khẩn trương triển khai các thủ tục theo quy định về việc xin phê duyệt đầu tư ra nước ngoài đối với dự án, trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định.

(**) Phản ánh chi phí đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 như trình bày tại Thuyết minh số 39.

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	14.592.198.454	135.622.632.816
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14.592.198.454	135.622.632.816

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.660.129.075	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.660.129.075	

16. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật tại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 1, Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Thủy điện Hủa Na.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	**996.408.560.141**	**996.408.560.141**	**1.238.966.550.289**	**1.238.966.550.289**
Công ty General Electric Global Parts and Product GMBH	172.390.738.621	172.390.738.621	174.909.903.158	174.909.903.158
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	90.627.990.672	90.627.990.672	93.264.047.294	93.264.047.294
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	83.828.022.089	83.828.022.089	36.034.408.210	36.034.408.210
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam PVI	65.018.207.643	65.018.207.643	73.067.463.702	73.067.463.702
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	50.608.197.817	50.608.197.817	175.447.547.709	175.447.547.709
Tổng Công ty Sông Đà	14.844.788.087	14.844.788.087	46.367.015.302	46.367.015.302
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	3.980.051.210	3.980.051.210	20.026.382.739	20.026.382.739
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đan Ka	-	-	170.495.868.468	170.495.868.468
Công ty Siemens Aktiengesellschaft	-	-	60.220.845.325	60.220.845.325
Các nhà cung cấp khác	515.011.451.088	515.011.451.088	389.133.068.382	389.133.068.382
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 40)	**6.243.580.571.631**	**6.243.679.684.545**	**3.410.207.148.055**	**3.410.207.148.055**
	7.239.989.131.772	**7.239.989.131.772**	**4.649.173.698.344**	**4.649.173.698.344**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp /bù trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	Giảm do thanh lý Công ty con	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	-	-	30.033.095.271	-	30.033.095.271
Thuế thu nhập doanh nghiệp	143.847.491	-	104.989.228.489	146.815.137	104.986.260.843
Thuế thu nhập cá nhân	8.848.647	8.848.647	-	-	-
Các khoản thuế khác	135.000.000	-	1.472.476.120	136.727.500	1.470.748.620
	287.696.138	8.848.647	136.494.799.880	283.542.637	136.490.104.734
b. Các khoản phải trả					
Thuế giá trị gia tăng	138.213.557.641	736.852.238.556	707.692.748.647	9.482.727	167.363.564.823
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	100.579.407.826	167.673.017.142	235.187.925.678		33.064.499.290
Thuế tài nguyên	15.520.382.951	152.848.590.183	156.662.098.840	-	11.706.874.294
Thuế thu nhập cá nhân	9.789.793.341	54.334.160.702	56.879.506.028	504.798.632	6.739.649.383
Thuế xuất nhập khẩu	-	15.390.454.107	15.390.454.107	-	-
Thuế, phí bảo vệ môi trường	-	60.882.879.080	60.882.879.080	-	-
Các khoản thuế, phí khác	29.024.668.328	94.603.062.256	114.886.413.118	266.770.611	8.474.546.855
	293.127.810.087	1.282.584.402.026	1.347.582.025.498	781.051.970	227.349.134.645

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm 3.216.453.099 VND là phần thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp liên quan đến phần Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã trích lập năm 2016 nhưng chưa sử dụng hết 70% trong vòng 5 năm kể từ khi trích lập quỹ và phần lãi trả chậm phát sinh từ số thuế Thu nhập doanh nghiệp này.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí tiền khí (i)	817.886.725.680	837.891.075.893
Chi phí bảo trì, sửa chữa (ii)	75.472.888.439	78.680.387.071
Chi phí lãi vay (iii)	74.619.632.789	96.766.113.628
Chi phí bảo vệ môi trường với nước thải công nghiệp và phí dịch vụ môi trường rừng	1.083.185.053	20.576.627.223
Thuế, phí cho các khoản vay	1.219.664.167	3.666.181.770
Chi phí sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		21.973.752.676
Chi phí phải trả khác	46.947.532.726	31.093.823.255
	1.017.229.628.854	**1.090.647.961.516**

(i) Chi phí tiền khí phải trả theo các hợp đồng mua khí cho Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 1 và Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn.

(ii) Chi phí bảo trì, sửa chữa nhà máy được trích theo thoả thuận chuyển giao và hợp đồng sửa đổi của hợp đồng sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; liên danh Siemens AG/Siemens Ltd. Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ EOH cho mỗi tổ máy.

(iii) Chi phí lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh lãi của các hợp đồng tín dụng tài trợ cho các dự án nhà máy điện của Tổng Công ty.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	2.242.590.619.141	1.214.416.466.738
Thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, thuế và lệ phí bảo vệ môi trường rừng	15.755.799.330	22.632.187.437
Phải trả cổ tức cho cổ đông	8.694.255.835	11.046.379.572
Phải trả về cổ phần hóa	7.354.964.525	7.354.964.525
Phải trả Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam		661.672.176.365
Phải trả ngắn hạn khác	78.159.844.057	63.522.554.671
	2.352.555.482.888	**1.980.644.729.308**
Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 40)	2.242.590.619.141	1.214.416.466.738
b. Dài hạn		
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	405.403.444	857.644.907
	405.403.444	**857.644.907**

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm:

- Lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2018 phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 1.214.416.466.738 VND.
- Lợi nhuận sau thuế có nguồn gốc từ khoản chênh lệch tỷ giá của hợp đồng mua bán điện Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2016 và năm 2017 trong giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ) phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị 1.028.174.152.403 VND (như trình bày tại Thuyết minh số 25).

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm				Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do thanh lý Công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.862.150.926.216	3.862.150.926.216	15.649.159.046.550	16.539.805.866.695	75.479.978.000	2.896.024.128.071	2.896.024.128.071
Vay dài hạn đến hạn trả	3.156.549.788.389	3.156.549.788.389	1.683.888.315.455	3.164.618.180.131	2.229.290.000	1.673.590.633.713	1.673.590.633.713
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-		198.888.888.886	-	-	198.888.888.886	198.888.888.886
	7.018.700.714.605	7.018.700.714.605	17.531.936.250.891	19.704.424.046.826	77.709.268.000	4.768.503.650.670	4.768.503.650.670

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng Bangkok đại chúng TNHH	662.053.803.635	221.489.356.566
Ngân hàng Citibank	648.500.000.000	-
Ngân hàng TNHH bank of China (Hong Kong)	568.000.000.000	202.786.424.020
Ngân hàng Công thương Việt Nam	249.954.757.040	249.750.720.490
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	231.028.389.551	234.550.000.000
Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	164.255.602.023	-
Ngân hàng DBS Bank	128.728.497.639	-
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	99.822.644.550	**6.284.391.300**
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	44.898.000.000	**1.236.875.811.824**
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	39.999.797.235	**82.775.763.142**
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	36.282.636.398	**242.423.472.796**
Ngân hàng Mizuho	22.500.000.000	**-**
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	**-**	**714.008.730.995**
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	**-**	**351.666.438.758**
Ngân hàng Sumitomo Mitsui	**-**	**205.630.831.637**
Ngân hàng TMCP Phương Đông	**-**	**50.000.000.000**
Ngân hàng TMCP An Bình Hà Nội	**-**	**39.875.429.367**
Ngân hàng TMCP Quân đội	**-**	**14.121.128.257**
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	**-**	**6.512.427.064**
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	**-**	**3.400.000.000**
	2.896.024.128.071	**3.862.150.926.216**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh thanh toán. Lãi suất cho vay được thỏa thuận theo từng lần giải ngân.

b, Dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm				Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giảm do thanh lý Công ty con	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn (i)	8.114.147.717.002	8.114.147.717.002	60.955.704.356	3.226.582.968.714	10.658.390.171	4.937.862.062.473	4.937.862.062.473
Trái phiếu phát hành (trình bày tại Thuyết minh số 22)	433.622.222.212	433.622.222.212	190.311.111.092	-	-	623.933.333.304	623.933.333.304
	8.547.769.939.214	8.547.769.939.214	251.266.815.448	3.226.582.968.714	10.658.390.171	5.561.795.395.777	5.561.795.395.777
Trong đó:							
Vay dài hạn đến hạn trả	3.156.549.788.389	3.156.549.788.389				1.673.590.633.713	1.673.590.633.713
Vay dài hạn	4.957.597.928.613	4.957.597.928.613				3.264.271.428.760	3.264.271.428.760
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	-				198.888.888.886	198.888.888.886
Trái phiếu phát hành	433.622.222.212	433.622.222.212				425.044.444.418	425.044.444.418

(i) Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.189.007.426.086	1.189.007.426.086
Ngân hàng Credit Agricole Corporate and Investment (*)	1.119.422.196.991	1.594.533.868.337
Ngân hàng HSBC	703.910.045.385	2.261.826.460.562
Ngân hàng TMCP An Bình (**)	529.608.644.075	599.595.454.042
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	490.922.175.697	533.620.746.267
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	341.086.228.811	622.979.228.811
Tổ hợp Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản và Ngân hàng Sumitomo Mitsui	267.062.628.600	452.870.230.738
Ngân hàng TMCP Quân đội	145.991.893.496	212.545.572.056
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	89.895.118.976	125.847.118.976
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	45.569.418.642	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương	15.386.285.714	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	10.332.662.171
Ngân hàng Citibank	-	510.988.948.956
	4.937.862.062.473	**8.114.147.717.002**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	1.673.590.633.713	3.156.549.788.389
Số phải trả sau 12 tháng	**3.264.271.428.760**	**4.957.597.928.613**

(*) Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđring (Công ty con của Tổng Công ty) cùng với các bên tư vấn đang trong quá trình đàm phán hợp đồng tín dụng về khoản vay tái cơ cấu tài chính với Asian Infrastructure Investment Bank (Ngân Hàng AIIB) có tổng giá trị là 95.000.000 USD. Mục đích của khoản vay này để thanh toán trước hạn khoản vay dài hạn với Ngân hàng Credit Agricole Corporate and Investment (Ngân hàng CACIB) và phục vụ nhu cầu vốn chung trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc thanh toán trước hạn khoản vay này đã được chấp thuận bởi Ngân hàng CACIB theo thông báo ngày 14/01/2022, theo đó tại 31/12/2021 toàn bộ số dư khoản vay này đã được phân loại về Vay dài hạn tới hạn trả.

(**) Theo Đề nghị số 1049/DHC-TCKT về việc "Đề nghị tất toán khoản vay dài hạn" ngày 22/12/2021 đã được chấp thuận bởi Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội, toàn bộ số dư khoản vay của Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđring (Công ty con của Tổng Công ty) tại Ngân hàng này cũng được phân loại về Vay dài hạn tới hạn trả với giá trị 284.624.084.075 VND.

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng Đô la Mỹ, Euro và Đồng Việt Nam để phục vụ đầu tư các dự án xây dựng và nâng cấp các nhà máy điện của Tổng Công ty.

Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay bằng Đô la Mỹ	2.090.394.870.976	4.562.123.392.444
Vay bằng Việt Nam Đồng	2.847.467.191.497	3.293.928.208.409
Vay bằng Euro	-	258.096.116.149
	4.937.862.062.473	**8.114.147.717.002**

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo lãnh của bên thứ ba	2.090.394.870.976	4.820.219.508.593
Tín chấp	1.679.929.601.783	1.722.628.172.353
Bảo đảm bằng tài sản	1.167.537.589.714	1.571.300.036.056
	4.937.862.062.473	**8.114.147.717.002**

Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay theo lãi suất thả nổi	4.329.713.205.062	7.185.053.550.211
Vay theo lãi suất cố định	608.148.857.411	929.094.166.791
	4.937.862.062.473	**8.114.147.717.002**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	2.609.894.405.955	3.156.549.788.389
Trong năm thứ hai	720.610.253.696	1.636.532.402.520
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.119.224.146.333	2.540.872.700.185
Sau năm năm	488.133.256.489	780.192.825.908
	4.937.862.062.473	**8.114.147.717.002**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	1.673.590.633.713	3.156.549.788.389
Số phải trả sau 12 tháng	**3.264.271.428.760**	**4.957.597.928.613**

22. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Số cuối năm

	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành	VND		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (i)	198.888.888.886	9,06%-9,96%	3 năm
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (ii)	79.288.888.880	10 00%	3 năm
Ông Lê Xuân Học (iii)	84.244.444.440	10,00%	3 năm
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (iv)	14.866.666.660	10,00%	3 năm
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (v)	59.266.666.662	10,00%	3 năm
Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt - chi nhánh Hà Nội (vi)	39.377.777.776	10,00%	3 năm
Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt (vii)	148.000.000.000	9,9%	2 năm
	623.933.333.304		

Số đầu năm

	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành	VND		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (i)	197.555.555.554	**9,06%-9,96%**	**3 năm**
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (ii)	78.755.555.552	**10 00%**	**3 năm**
Ông Lê Xuân Học (iii)	83.677.777.776	**10,00%**	**3 năm**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (iv)	14.766.666.664	**10,00%**	**3 năm**
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (v)	58.866.666.666	**10,00%**	**3 năm**
Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt - chi nhánh Hà Nội (vi)	-	-	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt (vii)	-	-	-
	433.622.222.212		

(i) Phản ánh trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng) đảm bảo bằng tài sản, phát hành ngày 20 tháng 11 năm 2019 và đáo hạn vào ngày 20 tháng 11 năm 2022. Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 2% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) được phân bổ dần trong 03 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Trái chủ (Công ty cổ phần Chứng khoán Kỹ thương) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 20 tháng 11 năm 2019 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 20 tháng 11 năm 2022 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 20 tháng 5 và ngày 20 tháng 11 hàng năm, với lãi suất đối với kỳ tính lãi đầu tiên tối đa 9,96%/năm và lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi sau kỳ tính lãi đầu tiên là tổng 3%/năm và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Mục đích số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu năm 2019 sẽ được Tổ chức Phát hành trả nợ một phần gốc/lãi khoản vay của Ngân hàng Credit Agricole Corporate and Investment, Chi nhánh Tokyo theo Hợp Đồng vay vốn không ràng buộc Nexi và các phụ lục/sửa đổi/bổ sung.

(ii) Phản ánh trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 80.000.000.000 đồng (tám mươi tỷ đồng) đảm bảo bằng tài sản, phát hành ngày 21 tháng 05 năm 2020 và đáo hạn vào ngày 21 tháng 05 năm 2023. Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 2% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng) được phân bổ dần trong 03 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Trái chủ (Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 21 tháng 05 năm 2020 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 21 tháng 05 năm 2023 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 20/5 và ngày 20/11 hàng năm, với lãi suất đối với kỳ tính lãi đầu tiên 10%/năm và lãi suất các kỳ tiếp theo bằng tổng của 2,8% và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Mục đích số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được Tổ chức Phát hành tăng quy mô vốn hoạt động và/hoặc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và/hoặc cơ cấu lại nợ.

(iii) Phản ánh trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng) đảm bảo bằng tài sản, phát hành ngày 21 tháng 05 năm 2020 và đáo hạn vào ngày 21 tháng 05 năm 2023. Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 2% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng) được phân bổ dần trong 03 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Trái chủ (ông Lê Xuân Học) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 21 tháng 05 năm 2020 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 21 tháng 05 năm 2023 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 20/5 và ngày 20/11 hàng năm, với lãi suất đối với kỳ tính lãi đầu tiên 10%/năm và lãi suất các kỳ tiếp theo tổng của 2,8% và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Mục đích số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được Tổ chức Phát hành tăng quy mô vốn hoạt động và/hoặc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và/hoặc cơ cấu lại nợ.

(iv) Phản ánh trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng) đảm bảo bằng tài sản, phát hành ngày 21 tháng 05 năm 2020 và đáo hạn vào ngày 21 tháng 05 năm 2023. Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 2% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) được phân bổ dần trong 03 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Trái chủ (Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 21 tháng 05 năm 2020 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 21 tháng 05 năm 2023 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 20/5 và ngày 20/11 hàng năm, với lãi suất đối với kỳ tính lãi đầu tiên 10%/năm và lãi suất các kỳ tiếp theo tổng của 2,8% và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Mục đích số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được Tổ chức Phát hành tăng quy mô vốn hoạt động và/hoặc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và/hoặc cơ cấu lại nợ.

(v) Phản ánh trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng) đảm bảo bằng số dư tiền gửi của Tổng Công ty tại ngân hàng TMCP Quân đội với tổng giá trị tối thiểu là 100% tổng mệnh giá trái phiếu phát hành tại mọi thời điểm, phát hành ngày 23 tháng 11 năm 2020 và đáo hạn vào ngày 23 tháng 11 năm 2023. Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 2% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) được phân bổ dần trong 03 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Trái chủ (Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 23 tháng 11 năm 2020 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 23 tháng 11 năm 2023 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ tính lãi, với lãi suất đối với kỳ tính lãi đầu tiên 10%/năm và lãi suất các kỳ tiếp theo tổng của 2,9% và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Tuy nhiên lãi suất áp dụng không thấp hơn 9%/năm. Mục đích số tiền thu được từ việc phát hành Trái phiếu sẽ được Tổ chức Phát hành tăng quy mô vốn hoạt động và/hoặc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và/hoặc cơ cấu lại nợ.

(vi) Phản ánh trái phiếu không chuyển đổi tại Công ty Cổ phầnThủy điện Đakđrinh (Công ty con của Tổng Công ty) có tổng mệnh giá 40.000.000.000 VND, phát hành ngày 18 tháng 5 năm 2021 và đáo hạn vào ngày 18 tháng 5 năm 2024. Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 2% tổng mệnh giá trái phiếu và được phân bổ dần trong 03 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 VND. Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 18 tháng 5 năm 2021 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 18 tháng 5 năm 2024 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ tính lãi, với lãi suất đối với kỳ tính lãi đầu tiên 10%/năm và lãi suất các kỳ tiếp theo tổng của 2,9% và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Tuy nhiên lãi suất áp dụng không thấp hơn 9%/năm. Mục đích số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu là để tăng quy mô vốn hoạt động và/hoặc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư và/hoặc cơ cấu lại nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh.

(vii) Phản ánh trái phiếu không chuyển đổi tại Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (Công ty con của Tổng Công ty) có tổng mệnh giá 150.000.000.000 VND, phát hành ngày 28 tháng 4 năm 2021 và

đáo hạn vào ngày 28 tháng 4 năm 2023. Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 2% tổng mệnh giá trái phiếu và được phân bổ dần trong 02 năm. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 100.000 VND. Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 28 tháng 4 năm 2021 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 28 tháng 4 năm 2023 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần kể từ ngày phát hành, với lãi suất đối với kỳ tính lãi đầu tiên 9,9%/năm và lãi suất các kỳ tiếp theo tổng của 2,9% và lãi suất tham chiếu là trung bình cộng của các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Tuy nhiên lãi suất áp dụng không thấp hơn 9%/năm. Mục đích phát hành là để cơ cấu lại nguồn vốn vay của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, dự phòng phải trả phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa lớn được Tổng Công ty trích trước cho Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.966.034.084.263	744.394.530.871
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	1.029.366.143.397	1.874.254.835.803
Các khoản dự phòng đã sử dụng, hoàn nhập dự phòng	**(846.224.627.021)**	**(652.615.282.411)**
Số cuối năm	**2.149.175.600.639**	**1.966.034.084.263**

Chi tiết:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	918.113.948.095	1.175.972.431.723
Dự phòng phải trả dài hạn	1.231.061.652.544	790.061.652.540
	2.149.175.600.639	**1.966.034.084.263**

24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các công ty trong Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	117.819.241.803	121.035.694.902
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	541.843.604
	117.819.241.803	**121.577.538.506**

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020	**23.418.716.000.000**	**(274.807.025)**	**227.887.397.807**	**(191.305.728.000)**	**780.958.252.480**	**2.672.959.872.100**	**2.625.441.435.648**	**29.534.382.423.010**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.365.014.893.441	297.651.191.083	2.662.666.084.524
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	1.669.806.970	(1.669.806.970)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý	-	-	-	-	-	(22.731.646.815)	(14.598.451.873)	(37.330.098.688)
Thay đổi do giảm tỷ lệ sở hữu Công ty con	-	-	(2.225.252.069)	-	(198.354.461)	(7.020.868.669)	105.174.475.199	95.730.000.000
Tăng do thành lập mới Công ty con	-	-	-	-	-	-	29.400.000.000	29.400.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(702.561.480.000)	(313.487.168.596)	(1.016.048.648.596)
(Giảm) khác	-		-	-	(213.119.678)	(1.760.273.826)	(232.987.272)	(2.206.380.776)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	**23.418.716.000.000**	**(274.807.025)**	**225.662.145.738**	**(191.305.728.000)**	**782.216.585.311**	**4.302.230.689.261**	**2.729.348.494.189**	**31.266.593.379.474**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.798.554.042.056	253.599.109.361	2.052.153.151.417
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	1.393.913.110.901	(1.393.913.110.901)	-	-
Kết chuyển lợi nhuận trước cổ phần hóa phải nộp về Tập đoàn (*)	-	-	-	-	-	(1.028.174.152.403)	-	(1.028.174.152.403)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý	-	-	-	-	-	(190.837.131.483)	(11.969.365.569)	(202.806.497.052)
Thay đổi do thoái vốn/ giảm tỷ lệ sở hữu Công ty con	-	-	58.226.907	-	(1.537.095.978)	(9.061.168.520)	(241.425.096.505)	(251.965.134.096)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(468.374.320.000)	(241.984.898.000)	(710.359.218.000)
(Giảm) khác	-	-	-	-	(34.469.302)	5.372.638	(34.722.083)	(63.818.747)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	**23.418.716.000.000**	**(274.807.025)**	**225.720.372.645**	**(191.305.728.000)**	**2.174.558.130.932**	**3.010.430.220.648**	**2.487.533.521.393**	**31.125.377.710.593**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

(*) Phản ánh khoản lợi nhuận phải nộp về Tập đoàn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tổng Công ty, hướng dẫn của Công văn số 13683/BTC-TCDN ngày 6 tháng 11 năm 2020 của Cục Tài chính Doanh nghiệp – Bộ Tài chính và Nghị quyết của Hội đồng thành viên Tập đoàn về việc thông qua phân phối lợi nhuận đối với khoản lợi nhuận thu được do chênh lệch tỷ giá của Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 trong năm 2016 và 2017 (giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển thành công ty cổ phần - do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ).

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 01 tháng 2 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 23.418.716.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Số cuối năm		Số đầu năm	
Cổ đông	**VND**	**%**	**VND**	**%**	**VND**	**%**
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18.721.414.770.000	79,94%	18.721.414.770.000	79,94%	18.721.414.770.000	79,94%
Các cổ đông khác	4.697.301.230.000	20,06%	4.697.301.230.000	20,06%	4.697.301.230.000	20,06%
	23.418.716.000.000	**100%**	**23.418.716.000.000**	**100%**	**23.418.716.000.000**	**100%**

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.341.871.600	2.341.871.600
Cổ phiếu phổ thông	*2.341.871.600*	*2.341.871.600*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.341.871.600	2.341.871.600
Cổ phiếu phổ thông	*2.341.871.600*	*2.341.871.600*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021, Đại hội cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện là 2%/cổ phiếu tương đương với 468.374.320.000 VND và kế hoạch chia cổ tức năm 2021 với tỷ lệ thực hiện là 2%/cổ phiếu. Trong năm 2021, Tổng Công ty đã hoàn tất thực hiện thanh toán cổ tức năm 2020 cho cổ đông.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	4.898	9.129
Đồng Euro (EUR)	1.762	1.800

27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh điện năng và xây dựng các dự án điện độc lập. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng và xây dựng các dự án điện độc lập. Theo đó, không có Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 28 và số 29.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Các nhà máy sản xuất điện và các khách hàng mua điện của Tổng Công ty đều hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cần phải trình bày.

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện	24.399.375.144.215	29.119.704.670.011
Doanh thu bán hàng hóa	118.750.485.884	504.165.238.160
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.463.166.771	81.314.280.516
Doanh thu bán nguyên vật liệu và phế phẩm	9.231.449.661	-
Doanh thu hợp đồng xây lắp	1.129.083.798	26.549.518.826
	24.560.949.330.329	**29.731.733.707.513**
Doanh thu với các bên liên quan (trình bày ở Thuyết minh số 40)	**237.366.334.629**	**223.845.757.947**

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán điện	21.882.060.151.180	24.557.419.692.472
Giá vốn bán hàng hóa	114.717.879.948	495.507.716.911
Giá vốn dịch vụ	22.898.907.199	71.419.142.194
Giá vốn bán nguyên vật liệu và phế phẩm	5.989.262.161	-
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	1.095.211.125	25.403.872.642
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	**(5.810.004.598)**	**1.888.211.357**
	22.020.951.407.015	**25.151.638.635.576**

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.425.457.729.312	19.311.106.357.089
Chi phí nhân công	832.676.001.439	828.455.405.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.817.966.830.053	2.823.855.462.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.521.147.872.853	1.436.398.246.417
Chi phí khác	437.659.644.643	1.274.491.138.029
	22.034.908.078.300	**25.674.306.608.825**

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	319.078.203.926	299.493.547.399
Lãi chuyển nhượng vốn (*)	306.023.696.342	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	40.641.120.133	16.360.713.619
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.770.427.667	39.942.465.818
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.346.546.544	84.006.899.608
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	**66.507.823**
	689.859.994.612	**439.870.134.267**

(*) Theo Nghị quyết số 16/NQ-ĐLDK ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 19.931.430 cổ phần, tương đương 100% cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (Công ty con của Tổng Công ty). Tổng Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn toàn bộ số cổ phần này theo phương thức khớp lệnh trên sàn Upcom vào tháng 3 năm 2021.

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	509.644.391.365	809.234.511.179
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.374.907.393	68.122.306.763
Chi phí cho các khoản vay	40.676.137.738	95.113.749.693
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	24.939.361.733	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	5.897.544.290	44.738.358
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.240.152	21.886.402.879
Chi phí tài chính khác	27.265.616.895	4.975.843.612
	652.802.199.566	**999.377.552.484**

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	377.661.066.030	368.464.847.131
Chi phí khấu hao	35.789.447.304	39.866.039.651
Chi phí vật liệu quản lý	25.522.100.875	24.090.258.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.740.813.407	115.030.982.257
Các khoản dự phòng (*)	(705.192.539.066)	371.668.007.589
Chi phí quản lý khác	280.413.484.838	255.191.639.310
	130.934.373.388	**1.174.311.774.374**

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	**2.183.720.554**	**11.271.774.653**
Chi phí khấu hao	200.187.075	**791.356.254**
Chi phí vật liệu bán hàng	1.559.470	**57.745.246**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.040.953.561	**23.038.298.143**
	9.426.420.660	**35.159.174.296**

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi từ Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EPTC-EVN") với số tiền khoảng 730 tỷ VND tương ứng với khoản công nợ phải thu đã nhận được từ EPTC-EVN.

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập phạt vi phạm hợp đồng	2.467.199.717	1.864.183.558
Thu nhập từ thanh lý tài sản	1.555.727.273	3.274.085.644
Thu nhập khác	15.815.291.080	25.246.364.071
	19.838.218.070	**30.384.633.273**

35. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khắc phục sự cố rotor máy phát (*)	131.726.690.312	-
Chi phí khác	7.993.581.546	10.527.797.258
	139.720.271.858	10.527.797.258

(*) Phản ánh phần chênh lệch giữa chi phí phát sinh để khắc phục sự cố trục Rotor máy phát tổ máy số 01 của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và số tiền bồi thường bảo hiểm Tổng Công ty nhận được tương ứng trong năm.

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh điện	160.259.647.790	338.731.818.036
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác	4.196.916.253	5.385.119.578
	164.456.564.043	**344.116.937.614**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(10.697.713.074)	(131.728.147.436)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	133.388.276.511	42.559.791
Tổng thu nhập thuế thu nhập/(chi phí) doanh nghiệp hoãn lại	**122.690.563.437**	**(131.685.587.645)**

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.798.554.042.056	2.365.014.893.441
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	(25.365.589.012)	(190.837.131.483)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.773.188.453.044	2.174.177.761.958
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.341.871.600	2.341.871.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**757**	**928**

(i) Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay là số liệu ước tính dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2021 được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty con của Tổng Công ty thông qua. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa xác định số tiền trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2021 có thể sẽ thay đổi khi Tổng Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 được Tổng Công ty điều chỉnh lại theo các Nghị quyết và Quyết định của Tổng Công ty và các Công ty con về việc phân phối lợi nhuận năm 2020. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 được trình bày lại là 928 VND/cổ phiếu (số đã trình bày ở báo cáo năm trước là 999 đồng/cổ phiếu).

38. CÁC KHOẢN TIỀM TÀNG

- Tháng 9 năm 2021, Tổ máy số 1 thuộc Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 của Tổng Công ty gặp sự cố kỹ thuật và phải tạm dừng hoạt động để phục vụ sửa chữa. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và các bên liên quan đang trong quá trình làm việc để sửa chữa cũng như thống nhất phạm vi và số tiền bảo hiểm được đền bù trong giai đoạn dừng hoạt động.
- Doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá tại thời điểm trả nợ gốc vay của khoản vay để đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và tỷ giá trong phương án giá điện của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 cho giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021 sẽ được ghi nhận khi có phê duyệt của Bộ Công thương và các biên bản đàm phán liên quan đến chênh lệch tỷ giá nói trên.
- Theo Thỏa thuận tạm thanh toán về mua bán khí bổ sung ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn"), giá khí Tổng Công ty phải trả Tập đoàn để vận hành các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 từ ngày 12 tháng 10 năm 2019 được xác định và áp dụng trên cơ sở tạm tính. Mức giá khí này sẽ được điều chỉnh lại khi Tổng Công ty và Tập đoàn ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng mua bán khí.
- Theo các Thỏa thuận và Biên bản họp về việc tạm thanh toán phí vận hành và bảo dưỡng cấu thành giá bán điện cho các Nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 giữa Tổng Công ty và EPTC-EVN, chi phí vận hành và bảo dưỡng cấu thành giá bán điện của các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 được xác định trên cơ sở tạm tính. Chi phí vận hành và bảo dưỡng cấu thành giá bán điện từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 này sẽ được điều chỉnh lại khi Tổng Công ty và EPTC-EVN ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng mua bán điện.
- Theo Hợp đồng mua bán điện ngày 17 tháng 8 năm 2016 giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, thông số tổng mức đầu tư cấu thành giá bán điện cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được xác định trên tổng mức đầu tư kế hoạch của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Thông số tổng mức đầu tư cấu thành trong giá bán điện này sẽ được điều chỉnh lại khi Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được quyết toán giá trị vốn đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Liên quan đến việc thanh tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 – Công ty con của Tổng Công ty), đối với một số vấn đề vướng mắc do đặc thù ngành nghề, hiện tại,NT2 và Tổng Công ty đang tiếp tục giải trình và kiến nghị với Đoàn thanh tra – Tổng Cục thuế và các cơ quan có thẩm quyền để có kết luận cuối cùng.

39. CÁC KHOẢN CAM KẾT

- Tại Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 do Tổng Công ty là chủ đầu tư. Công suất dự kiến của mỗi nhà máy là khoảng từ 650 MW đến 880 MW với công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp, cấu hình đa trục hoặc đơn trục. Tổng mức đầu tư sơ bộ của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 lần lượt là 16.228 tỷ VND và 16.266 tỷ VND, nguồn vốn dự kiến là 30% vốn chủ sở hữu và 70% vốn vay. Giá bán điện được xây dựng trên nguyên tắc chuyển ngang chi phí nhiêu liệu khí từ Hợp đồng mua bán khí sang Hợp đồng mua bán điện tại Văn bản số 03/TB-VPCP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ.
- Ngày 24 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam ký kết "Hợp đồng khung cung cấp và tiêu thụ LNG cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4". Theo đó, lượng khí/năm hợp đồng dự kiến cho mỗi nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 là khoảng 850 triệu m3 khí/năm tương đương với 0,58 triệu tấn LPG. Khối lượng khí chính thức sẽ được xác định chính xác trong giai đoạn sau và sẽ được quy định chi tiết trong Hợp đồng Mua bán Khí.

40. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng	**237.366.334.629**	**223.845.757.947**
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	233.028.098.977	222.837.794.369
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	3.507.721.000	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	692.241.928	667.499.636
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	138.272.724	138.272.725
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty CP	-	32.445.200
Viện Dầu khí Việt Nam	-	169.746.017
Mua hàng hóa và dịch vụ	**12.976.800.387.807**	**11.511.730.544.497**
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.274.209.427.101	5.925.085.037.201
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	4.315.040.346.486	4.040.776.788.706
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	2.293.424.396.046	1.183.979.897.047
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	49.473.018.859	312.825.367.578
Viện Dầu khí Việt Nam	18.587.573.464	17.463.550.403
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	13.818.622.627	13.158.784.872
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.083.773.700	16.447.223.750
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	1.068.146.740	1.851.827.160
Công ty TNHH Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam - PV EIC	960.082.784	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí	135.000.000	-
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	-	142.067.780
Chi phí lãi vay	**100.579.464.365**	**135.951.641.630**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	100.579.464.365	135.951.641.630
Lãi tiền gửi	**59.126.197.286**	**58.740.464.155**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	59.126.197.286	58.740.464.155
Phân phối lợi nhuận giai đoạn trước cổ phần hóa	**1.028.174.152.403**	**-**
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.028.174.152.403	-

Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát được hưởng tại Công ty mẹ trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Hồ Công Kỳ	1.289.129.572	1.233.984.257
Ông Lê Như Linh	(*)	(*)
Ông Phạm Xuân Trường	1.163.303.506	1.102.672.950
Bà Vũ Thị Tố Nga	1.218.107.487	1.013.666.094
Bà Nguyễn Hoàng Yến	1.171.111.948	1.019.858.951
Ông Nguyễn Anh Tuấn	811.853.017	15.652.174
Ông Nguyễn Hữu Quý	334.000.138	1.031.418.775
Ông Vũ Chí Cường	488.665.090	-
	6.476.170.758	**5.417.253.201**

(*) Đã được trình bày ở phần Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ban Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng		
Ông Lê Như Linh	1.290.164.198	1.208.205.041
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	1.216.150.446	1.090.859.640
Ông Nguyễn Duy Giang	1.188.344.317	1.091.867.372
Ông Nguyễn Mạnh Tưởng	1.215.943.441	1.119.149.645
Ông Phan Đại Thành	811.073.724	1.067.924.852
Ông Nguyễn Minh Đạo	1.197.937.641	1.080.983.346
Ông Nguyễn Kiên	1.184.594.965	932.775.476
Ông Phan Ngọc Hiền	1.185.243.207	940.734.945
Ông Chu Quang Toản	1.126.252.259	1.024.863.754
	10.415.704.198	**9.557.364.071**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ban Kiểm soát		
Ông Vũ Quốc Hải	1.187.175.154	1.119.842.287
Bà Vũ Thị Ngọc Dung	1.087.960.480	1.024.041.048
Bà Hà Thị Minh Nguyệt	1.070.848.846	965.453.130
Bà Lý Thị Thu Hương	1.106.708.932	994.247.502
Bà Đoàn Thị Thu Hà	766.656.492	13.913.043
	5.219.349.904	**4.117.497.009**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	**1.298.885.603.963**	**1.416.330.896.774**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	1.298.885.603.963	1.416.330.896.774
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	**5.000.000.000**	**5.000.000.000**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**60.417.973.530**	**66.206.717.955**
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	55.780.800.186	60.225.670.825
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	3.507.721.000	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.111.335.085	1.111.335.085
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	12.675.000	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	5.442.259	10.135.366
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	4.859.576.679
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**480.000.000**	**3.933.117.294**
Viện Dầu khí Việt Nam	480.000.000	290.000.000
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	3.643.117.294
Phải thu ngắn hạn khác	**244.092.693.815**	**244.456.770.048**
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	218.489.976.676	218.489.976.676
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	20.217.829.253	20.217.829.253
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	4.358.287.672	4.903.863.014
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	845.101.105	845.101.105
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	181.499.109	-
Phải trả người bán ngắn hạn	**6.243.679.684.545**	**3.410.207.148.055**
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.246.105.466.237	2.815.223.929.180
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.960.942.561.950	583.144.806.880
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	26.105.681.542	1.668.864.297
Viện Dầu khí Việt Nam	6.832.822.909	5.685.812.338
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.654.279.721	1.332.823.807
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - Công ty Cổ phần	663.100.160	1.614.308.657
Công ty TNHH Một thành viên Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	618.665.062	-
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	482.994.050	862.639.470
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	175.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	99.112.914	-
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	-	219.560.000
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	454.403.426

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	**1.962.903.000**	**1.962.903.000**
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	1.962.903.000	1.962.903.000
Chi phí phải trả	**818.241.386.047**	**862.802.077.963**
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	817.886.725.680	837.891.075.893
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	354.660.367	24.911.002.070
Phải trả khác	**2.242.590.619.141**	**1.214.416.466.738**
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.242.590.619.141	1.214.416.466.738
Vay	**1.189.007.426.086**	**1.271.783.189.228**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	1.189.007.426.086	1.271.783.189.228

41. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐLDK ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt phương án chuyển nhượng 30.805.200 cổ phần, tương đương 100% cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Điện Việt Lào.Thời gian dự kiến thực hiện chuyển nhượng là trong quý 2 năm 2022.

Quách Thị Hồng Liên	Chu Quang Toản	Lê Như Linh
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 17 tháng 3 năm 2022

Báo Cáo Thường Niên **2021**